

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2008

Mã số: B08-02

**CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH TRONG
THỜI KỲ MỞ CỬA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Cơ quan chủ trì : VIỆN HỒ CHÍ MINH

Chủ nhiệm đề tài : PGS.TS BÙI ĐÌNH PHONG

Thư ký đề tài : CN. TRẦN THỊ NHUẬN

7240

26/3/2009

HÀ NỘI - 2008

DANH SÁCH CỘNG TÁC VIÊN

1. PGS.TS Phạm Ngọc Anh, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
2. Th.S Ngô Vương Anh, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
3. TS.Phạm Văn Bính, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
4. PGS.TS Phạm Hồng Chương, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
5. TS Nguyễn Thị Kim Dung, Học Viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
6. Th.S Nguyễn Thị Giang, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
7. TS. Trần Văn Hải, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
8. Th.S Trần Thị Huyền, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
9. CN Trần Thị Nhuận, Học Viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
10. PGS.TS Bùi Đình Phong, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
11. Th.S Lý Việt Quang, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
12. TS. Nguyễn Thị Quế, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
13. Th.S Đinh Ngọc Quý, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
14. PGS.TS Vũ Văn Thuấn, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
15. PGS.TS Trần Nguyễn Tuyên, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
16. PGS.TS Lê Văn Tích, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh.
17. TS. Trần Minh Trưởng, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG 1: CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH	18
I Có một chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh	18
1. <i>Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam và chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh</i>	18
1.1. Một vài khái niệm	18
1.2. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam	23
1.3. Sự hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh	30
2. <i>Nội dung chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh</i>	49
2.1. Yêu cội nguồn lịch sử, bảo tồn văn hoá dân tộc	49
2.2. Lấy dân làm gốc, gắn bó chặt chẽ dân với nước	54
2.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc	61
2.4. Không có gì quý hơn độc lập, tự do	64
2.5. Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, thống nhất Tổ quốc	77
2.6. Thi đua yêu nước và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	81
2.7. Chủ nghĩa yêu nước kết hợp hài hòa với chủ nghĩa quốc tế vô sản	91
II Vai trò chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam	95
1. <i>Cứu nước và giải phóng dân tộc.</i>	95
2. <i>Xây dựng nền văn hoá mới Việt Nam</i>	98
CHƯƠNG 2: PHÁT HUY CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KỲ MỞ CỬA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ	103

I	Thời kỳ mới, yêu cầu mới	103
1.	<i>Đặc điểm tình hình thế giới và trong nước</i>	103
	1.1. Đặc điểm tình hình thế giới	103
	1.2. Việt Nam gia nhập WTO: cơ hội và thách thức.	111
2.	<i>Yêu cầu mới đặt ra</i>	114
	2.1. Nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa cơ hội và thách thức	115
	2.2. Một số yêu cầu cụ thể	116
II.	Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh – một số nội dung chủ yếu	118
1.	<i>Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh- bản lĩnh trong việc kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc</i>	119
2.	<i>Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay</i>	123
3.	<i>Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và xây dựng nền văn hoá mới trong giao lưu văn hóa</i>	142
4.	<i>Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong nhiệm vụ xây dựng nguồn nhân lực</i>	149
	KẾT LUẬN	152
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	156

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của cha ông đã để lại cho thế hệ hôm nay một gia tài đồ sộ, đó là giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam. Hệ giá trị đó bao gồm lòng yêu nước, thương người, đạo lý làm người, đức tính cần cù, anh hùng, lạc quan, sáng tạo, vì nghĩa... Các giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam – như cách nói của giáo sư Trần Văn Giàu là “linh hồn văn hoá Việt Nam” - đã làm nên sức mạnh dựng nước và chiến thắng kẻ thù ngoại xâm. Tìm hiểu các giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam đã trở thành một nhu cầu của nhiều nhà khoa học và ký giả các nước, mặt khác ta cũng cần hiểu ta hơn nữa.

Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh đã có cống hiến to lớn trong việc “kết tinh truyền thống văn hoá hàng năm của nhân dân Việt Nam” (Nghị quyết của UNESCO). Giống nhiều nhà văn hoá lớn của dân tộc như Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh đã làm cho dòng văn hoá Việt Nam không bị “ đứt gãy”, chảy liên tục từ truyền thống hướng tới hiện đại. Nhưng vượt xa những nhân vật truyền thống, Hồ Chí Minh – dưới ánh sáng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lênin- đã nâng các giá trị văn hoá truyền thống lên một tầng cao mới, mang một giá trị mới, một sức mạnh mới, sức mạnh văn hoá thời đại Hồ Chí Minh, tạo động lực to lớn góp phần đánh thắng các kẻ thù hung bạo trong thế kỷ XX, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Rút kinh nghiệm của lớp sĩ phu bậc cha chú, không chấp nhận con đường cứu nước cũ, ra đi tìm con đường cứu nước mới, với khát vọng, hoài bão cứu nước, cứu dân, Hồ Chí Minh mang theo trong hành trang của mình yếu tố có trọng lượng nhất là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Lúc đầu, chính là

chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đưa Người tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Trong hơn nửa thế kỷ hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh là người ý thức sâu sắc về giá trị tinh thần Việt Nam, về sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Người dạy: “ Dân ta phải biết sử ta. Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”. Tổng kết lịch sử Việt Nam, Người nhấn mạnh: “ Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

Như vậy, hệ giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam, mà hàng đầu là chủ nghĩa yêu nước đã đóng một vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước. Trong thế kỷ XX, với tấm lòng yêu nước nồng nàn và sâu nặng, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác- Lênin như một cuộc “hẹn hò lịch sử” giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với học thuyết cách mạng và khoa học của thời đại, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác- Lênin ánh sáng soi đường cứu dân, cứu nước. Từ đó, Người cùng với Đảng đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta” (Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam). Những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nên Cộng hoà Dân chủ Việt Nam, người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế. Đó là ghi nhận của Đảng ta sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm tháng sẽ qua đi, nhưng chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh làm nên thắng lợi của cách mạng tháng Tám, hai cuộc kháng chiến và bước đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta đã khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đây là nhân tố hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam đạt được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với truyền thống văn hoá phương Đông, phương Tây và chủ nghĩa Mác- Lênin, truyền thống văn hoá Việt Nam mà cốt lõi là chủ nghĩa yêu nước, đóng một vai trò quan trọng. Trong kỷ nguyên toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh vẫn đóng một vai trò quan trọng, là nguồn sức mạnh cổ vũ, động viên chúng ta thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, việc nghiên cứu chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế trong xu thế toàn cầu hoá là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài:

Trong những năm đổi mới đã có một số công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước liên quan *trực tiếp* hoặc *gián tiếp* tới đề tài.

- Cuốn “ **Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh**” (Sách tham khảo) của tiến sĩ Nguyễn Mạnh Tường, Nxb. CTQG, H, 2001. Cuốn sách được hình thành trên cơ sở luận án tiến sĩ của tác giả. Nói là trực tiếp, nhưng đúng như tên gọi của cuốn sách, tác giả chủ yếu tập trung nghiên cứu chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Kết cấu của sách gồm 3 chương, trong đó chương I và II tập trung lý giải sự hình thành, đặc điểm và nội dung chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Chỉ có chương III là bàn tới vấn đề kế thừa và phát triển chủ nghĩa

yêu nước Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Tuy nhiên, vì sách hoàn thành vào đầu năm 2001, khi Việt Nam chưa vào WTO, nên chưa thể có được những luận giải về chủ nghĩa Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên toàn cầu hoá.

- PGS Lương Gia Ban có quyền : **“Chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”**, Nxb.CTQG, H, 1999. Sách đề cập chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, chứ không phải chuyên sâu về chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, chất lọc ba chương sách, vẫn có thể tiếp thu một số điều bổ ích giúp cho đề tài. Chương 1: “Con đường phát triển biện chứng của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam”. Chương 2 : “Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Chương 3: “Thi đua yêu nước, giáo dục ý thức tự hào mới và thường xuyên nâng cao chất lượng dân số nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

- Nhà xuất bản Quân đội nhân dân năm 2001 cho ra mắt độc giả quyển **“Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh”** của tác giả Trần Xuân Trường. Sách có 6 chương. Chương một: “Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam”. Chương hai: “Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh- chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa”. Chương ba: “ Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công cuộc lao động xây dựng đất nước”. Chương bốn: “Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”. Chương năm: “Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân”. Chương sáu: “Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam- chủ nghĩa quốc tế”. Với 6 chương sách, tác giả đi từ nghiên cứu chủ nghĩa yêu nước Việt Nam truyền thống đến chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại, tức trong thời đại Hồ Chí Minh. Nội dung chủ nghĩa yêu nước được tác giả lý giải, phân tích các nội

dung về lao động, bảo vệ Tổ quốc, chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa quốc tế.

Ba cuốn sách nêu trên về mặt nào đó liên quan trực tiếp tới đề tài, vì đều bàn tới chủ nghĩa yêu nước. Nhưng rõ ràng so với mục tiêu đề tài đặt ra thì các tác phẩm nêu trên chỉ góp thêm cách nhìn về chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa lý giải được chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập.

- Cuốn “ **Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam**” do Đại tướng Võ Nguyên Giáp chủ biên, Nhà xuất bản CTQG ấn hành năm 1997, khi đề cập nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh, nhấn mạnh “ trước hết, là truyền thống văn hoá Việt Nam, nổi bật là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái cố kết dân tộc được hun đúc qua hàng ngàn năm đấu tranh kiên cường, bất khuất, tự lực, tự cường, sáng tạo, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập của dân tộc và bảo tồn nền văn hiến của đất nước, chống mọi âm mưu đồng hoá của ngoại bang”. Đây là cuốn sách nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, vì vậy không có một chương, mục nào liên quan trực tiếp tới đề tài. Tuy nhiên, đọc kỹ, ta có thể chất lọc những gợi ý có giá trị. Chẳng hạn, tác giả cho rằng truyền thống yêu nước của dân tộc đã phát triển thành một chủ nghĩa-chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa dân tộc chân chính, thành dòng chủ lưu của tư tưởng Việt Nam, xuyên suốt lịch sử của dân tộc. Và chính chủ nghĩa yêu nước đó đã thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước; là động lực tư tưởng, tình cảm chi phối mọi suy nghĩ, hành động của Người trong suốt cả cuộc đời mình; là cơ sở tư tưởng dẫn Người đến với chủ nghĩa Mác- Lênin. Chủ nghĩa yêu nước là một trong những nguồn gốc chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, trong phân vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả gợi hướng nghiên cứu tốt: “Một dân tộc sớm hay muộn cũng sẽ bị tiêu vong nếu toàn bộ nền văn hoá của dân tộc đó tiêu vong. Cơ sở tồn tại của mỗi dân tộc chính là nền văn hoá của mình”. “Trong một thế giới ngày càng tin học hoá, toàn cầu hoá và phụ thuộc lẫn nhau, vấn đề tiếp thu tinh hoa văn hoá

nhân loại gắn liền với bảo vệ văn hoá dân tộc phải được coi là “quốc sách” trong quá trình giao lưu, “hội nhập” với thế giới”.

- Trong cuốn **“Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh”**, Nhà xuất bản CTQG, 1998, tác giả Phạm Văn Đồng cũng khẳng định hành trang lên đường của Nguyễn Tất Thành là truyền thống lịch sử 4000 năm với sức sống mãnh liệt của một dân tộc. Đó là một nhận thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp ta suy nghĩ tới việc nghiên cứu chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay.

- Cuốn **“Văn hoá và đổi mới”** của Phạm Văn Đồng, tuy không trực tiếp nghiên cứu Hồ Chí Minh, nhưng những phân tích về văn hoá mà hàng đầu là chủ nghĩa yêu nước gắn với đổi mới lại mang tính định hướng lớn cho việc nghiên cứu đề tài. Chẳng hạn, tác giả khẳng định rằng “cốt lõi của bản lĩnh, bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc từ xa xưa cho đến ngày nay là văn hoá, với ý nghĩa sâu xa nhất và tốt đẹp nhất của nó”. Để nghiên cứu đề tài này, tôi khắc sâu suy nghĩ sau của tác giả: “Nghiên cứu, học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là một kho tàng đầy của báu, là di sản chứa đựng biết bao giá trị, giá trị đó nói cho cùng là giá trị văn hoá mà chúng ta khai thác chưa được bao nhiêu”.

- Cuốn **“Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh”** của Phạm Văn Đồng, NXB CTQG, Hà Nội, 1993 nghiên cứu tư tưởng và con người Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới. Chất lọc tác phẩm này, ta nhận ra một điều thú vị như khẳng định của Phạm Văn Đồng với học giả nước ngoài rằng: Hồ Chí Minh là một nhà yêu nước 100%, đồng thời là một chiến sĩ cộng sản 100%. Từ đó để nói tới thông điệp của Hồ Chí Minh là lời nói nổi tiếng: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Độc lập, tự do ở đây là độc lập của dân tộc, tự do của nhân dân, của con người. Độc lập đi liền với tự do là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Rõ ràng lời nói này

là sự kết tinh những khát vọng thiết tha và cao đẹp nhất của mọi con người và mọi dân tộc...”. Đây là một gợi mở có chiều rộng và sâu khi nghiên cứu chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh và gắn với sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

- Cuốn **“Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh”** của GS, NGND Đinh Xuân Lâm, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005 (GS Trần Văn Giàu viết lời giới thiệu) tập hợp nhiều bài nghiên cứu của tác giả. Có thể khai thác một số bài phục vụ cho đề tài như *“Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh - Sự kết hợp biện chứng giữa truyền thống và thời đại”*; *“Về con đường cứu nước của Hồ Chí Minh”*; *“Chủ tịch Hồ Chí Minh với văn hoá dân tộc”*...

- Cùng mảng nghiên cứu của các nhà sử học, tuy cũng gián tiếp, nhưng đáng chú ý cuốn sách của GS Trần Văn Giàu: **“Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam”**, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993. Cuốn sách gồm 11 chương đề cập từ tính cấp thiết phải tìm hiểu các giá trị tinh thần Việt Nam đến hệ giá trị tinh thần truyền thống gồm những yếu tố nào. **“Yêu nước”** được tác giả dành hẳn một chương với các nội dung: 1/ Sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử Việt Nam. 2/ Nguồn gốc lịch sử của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. 3/ Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. 4/ Cái “dụng” của chủ nghĩa yêu nước. Tôi đặc biệt quan tâm ngay trong chương I có một nội dung “những người cộng sản là những người dẫn đạo việc kế thừa xứng đáng các giá trị truyền thống của dân tộc, là những người thành công trong việc trả lại giá trị cho các giá trị truyền thống ấy”. Đặc biệt, tác giả có chương XI bàn về *“Hồ Chủ tịch, kết tinh của các giá trị truyền thống và đạo đức cách mạng Việt Nam”*.

- **“Giáo sư- Nhà giáo Nhân dân Trần văn Giàu”** là tên cuốn sách do Hội khoa học lịch sử Việt Nam kết hợp với Nxb. Giáo dục xuất bản nhân dịp Giáo sư Trần Văn Giàu 85 tuổi. Trong phần II của cuốn sách – các bài viết của Giáo sư Trần Văn Giàu về lịch sử- văn hoá- có bài nghiên cứu về văn hoá Văn

Lang, gọi một suy nghĩ độc đáo: “Một dân tộc có thể vì lẽ gì đó mà mất độc lập, mất độc lập còn có thể giành lại được, còn như mất văn hoá dân tộc thì mất hết, chết luôn”. Từ quan điểm này, nhắc ta phát huy, phát triển chủ nghĩa yêu nước trong tình hình hiện nay. Phần III là những bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, có thể chất lọc ở đây những ý kiến tâm đắc về “Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh”. Chẳng hạn, “trang bị kiến thức và tư tưởng của Nguyễn thời trẻ, trước 1911”. Đó là “quê hương bắt đầu xây dựng tấm lòng yêu nước nồng nhiệt”; “Quốc học Việt Nam và sự trang bị cho Hồ Chí Minh tuổi trẻ một căn bản truyền thống yêu nước, yêu dân, tự hào dân tộc”; “Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân ái là những món hành trang tư tưởng chủ yếu của Hồ Chí Minh”.

- GS Phan Huy Lê, trong *bài giảng cho lớp cán bộ cao cấp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VIII*, giới thiệu chuyên đề: “**Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam**”. Nội dung chuyên đề làm rõ cơ sở hình thành và phát triển của chủ nghĩa yêu nước; quá trình hình thành, phát triển và nội dung của chủ nghĩa yêu nước; và cuối cùng là chủ nghĩa yêu nước trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tiếp cận về chủ nghĩa yêu nước và một phân gợi mở trong điều kiện hiện nay, thì đây là một đề cương cần thiết.

- Bài viết “**Mấy suy nghĩ về lịch sử Việt Nam và tư tưởng Việt Nam**” của GS Hà Văn Tấn đăng trong “*một số vấn đề lý luận về lịch sử tư tưởng Việt Nam*”, Viện Triết học, Hà Nội, 1984 gợi cho tôi một cách tiếp cận khoa học về “hệ thống tư tưởng thường đồng thời là một hệ thống giá trị”. Mà hệ thống giá trị nào cũng gồm các thành phần sau: các giá trị phổ biến; các giá trị nhóm, mà nhóm xã hội quan trọng nhất là giai cấp; các giá trị cá nhân của nhà tư tưởng. Từ đó để có luận giải khoa học chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh (giá trị cá nhân nhà tư tưởng) là sự lồng vào nhau của các giá trị phổ biến, giá trị dân tộc, giá trị nhóm (được giai cấp công nhân chấp nhận).

- Trần Bạch Đằng có cuốn **“Đến với tư tưởng Hồ Chí Minh”**, Nxb Trẻ, 2004. Liên quan tới đề tài, tôi tâm đắc bài: *“Tư tưởng Hồ Chí Minh- sinh khí của một học thuyết”*. Trong bài này, tác giả khẳng định “tư tưởng Hồ Chí Minh được ấp ủ lâu dài trong cái nôi chủ nghĩa yêu nước, tắm mình sâu sắc trong tâm hồn dân tộc, là kết tinh truyền thống nhiều nghìn năm dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam”. Đây là cái nền kiên cố, mảnh đất phì nhiêu. Một gợi ý nghiên cứu đáng trân trọng, đó là nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh vào đầu thế kỷ XXI này tức là nghiên cứu một tầng nấc cụ thể của tư tưởng ấy sau nhiều chục năm vận động. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đồng thời có nghĩa nghiên cứu về một thời sự: chủ nghĩa xã hội, chế độ xã hội chủ nghĩa định hướng phát triển đất nước trong lúc cả phong trào xã hội chủ nghĩa gặp khó khăn. Vấn đề đặt ra ở đây là, nghiên cứu chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là một bộ phận quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh - một học thuyết đầy sinh khí - góp phần bảo vệ thành công sự nghiệp xây dựng đất nước.

- Một số các công trình khác như **“Triết lý phát triển Việt Nam- mấy vấn đề cốt yếu”** do Phạm Xuân Nam chủ biên, Nxb. KHXH, 2005, khi đề cập triết lý phát triển Hồ Chí Minh cũng bàn tới một mức độ nhất định yêu nước Hồ Chí Minh như là một cơ sở trong triết lý phát triển của Người. Cuốn **“Văn hoá Việt Nam- tìm tòi và suy ngẫm”** của Trần Quốc Vượng cũng giúp ta lục tìm trong kho tàng truyền thống dân tộc những giá trị như chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

- Cuốn **“Quá trình hình thành tư tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh”** của Đức Vượng có 3 chương, trong đó đáng chú ý chương II: *“Những nhân tố thúc đẩy Hồ Chí Minh sớm suy nghĩ về con đường cứu nước”*, và đặc biệt chương III- *“Tư tưởng yêu nước Hồ Chí Minh”*(27 trang). Nội dung sách còn

hết sức sơ lược, nhưng cũng gợi mở cho đề tài những tìm tòi trong khi luận chứng.

- Cuốn **“Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh”** của Lê Sĩ Thắng, tuy chỉ 86 trang và không bàn trực tiếp tới chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, nhưng cũng nêu được một số nội dung liên quan đến đề tài, như *“con đường dẫn Hồ Chí Minh đến chủ nghĩa Mác- Lênin”, “Thống nhất lập trường giai cấp vô sản với lập trường dân tộc”, “Thống nhất chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản”, “Thống nhất lợi ích của Tổ quốc với lợi ích của nhân dân”*.

Tóm lại, những công trình nêu trên sẽ giúp tác giả có được cái nhìn tổng thể hơn về chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và phần nào đó góp phần lý giải chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Nhưng như đã phân tích, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong mở cửa, hội nhập thì vẫn còn là một khoảng trống, mà hy vọng đề tài này sẽ góp phần khỏa lấp. Những công trình còn lại chủ yếu liên quan gián tiếp, có ý nghĩa gợi mở những tìm tòi, suy ngẫm, định hướng cho đề tài.

3. Mục tiêu của đề tài:

- Phân tích nội dung cơ bản của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh.
- Làm rõ việc phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong mở cửa, hội nhập quốc tế trên một số lĩnh vực chính.

4. Nhiệm vụ của đề tài:

- Làm rõ một số khái niệm như tình cảm yêu nước, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa yêu nước truyền thống, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh v.v..
- Hệ thống hóa các nội dung cơ bản của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam.

- Phân tích nội dung cơ bản và vai trò của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

- Phân tích cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại quốc tế.

- Làm rõ một số nội dung trong việc phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế.

5. Nội dung nghiên cứu:

Chương 1: Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

I. Có một chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

1. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam và chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

1.1. Một vài khái niệm

1.2. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam

1.3. Sự hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

2. Nội dung chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

2.1. Yêu cội nguồn lịch sử, bảo tồn văn hoá dân tộc

2.2. Lấy dân làm gốc, gắn bó chặt chẽ dân với nước

2.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Không có gì quý hơn độc lập, tự do

2.5. Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, thống nhất Tổ quốc

2.6. Thi đua yêu nước và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa

II. Vai trò chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam

1. Cứu nước và giải phóng dân tộc.

2. Xây dựng nền văn hoá mới Việt Nam

Chương 2. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế

I. Thời kỳ mới, yêu cầu mới

1. Đặc điểm tình hình thế giới và trong nước

1.1. Đặc điểm tình hình thế giới

1.2. Việt Nam gia nhập WTO: cơ hội và thách thức.

2. Yêu cầu mới đặt ra

2.1. Nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa cơ hội và thách thức

2.2. Một số yêu cầu cụ thể

II. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh – một số nội dung chủ yếu

1. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh- bản lĩnh trong việc kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

3. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và xây dựng nền văn hoá mới trong giao lưu văn hóa

4. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong nhiệm vụ xây dựng nguồn nhân lực

6. Phương pháp nghiên cứu:

- Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là phương pháp biện chứng duy vật và duy vật về lịch sử.

- Bám sát các quan điểm của Đảng trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là Đại hội X.

- Chủ yếu sử dụng phương pháp logic, kết hợp logic với lịch sử.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài:

7.1. Ý nghĩa lý luận:

- Đề tài xây dựng được một hệ thống lý luận về chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh.

- Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là một nhân tố chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội.

- Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là giá trị tinh thần của dân tộc, soi sáng sự nghiệp đổi mới.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn:

- Động viên tinh thần yêu nước của toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Góp phần xây dựng nền văn hoá mới, con người mới Việt Nam.

- Đề tài là tài liệu tham khảo có giá trị cho ngành khoa học xã hội – nhân văn; Hồ Chí Minh học và một số ngành khoa học khác.

8. Sản phẩm của đề tài:

- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu: 100-150 trang

- Kiến nghị của đề tài :15-20 trang

- Kỷ yếu đề tài

- Đĩa mềm chứa các sản phẩm trên

Chương I

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH

I. CÓ MỘT CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH

1. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam và chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

1.1. Một vài khái niệm

Nghiên cứu, tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nhà nghiên cứu dù ở trong nước hay ngoài nước, dù là những người mácxít hay phi mácxít, đều dễ thống nhất với nhau ở một nhận định: Hồ Chí Minh là nhà yêu nước nhiệt thành, trọn đời phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu của nhiều năm qua, ngày càng xuất hiện nhiều ý kiến cho rằng ở Hồ Chí Minh, không chỉ là tình cảm và tư tưởng yêu nước mà còn ở một tầm cao hơn - *chủ nghĩa yêu nước*. Vấn đề đặt ra là nên nhận thức điều này thế nào cho đúng với giá trị thực tại của nó, liệu có hay không một chủ nghĩa mang tên *chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh*? Phải chăng chỉ nên gọi là *tư tưởng yêu nước Hồ Chí Minh*? Thiết nghĩ, để có thể đưa ra một kết luận xác đáng thì trước hết chúng ta cần phải làm rõ khái niệm của mấy thuật ngữ cơ bản như “tư tưởng”, “chủ nghĩa”, “chủ nghĩa yêu nước”, “chủ nghĩa yêu nước Việt Nam” và “chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh”.

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học, thuật ngữ “tư tưởng” gồm hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là sự suy nghĩ hoặc ý nghĩ, ví dụ như: tập trung tư tưởng, có tư tưởng sốt ruột. Nghĩa thứ hai để chỉ quan điểm và ý nghĩ chung của con người đối với hiện thực khách quan và đối với xã hội, chẳng hạn như:

tư tưởng tiến bộ, tư tưởng phong kiến⁽¹⁾. Chúng tôi cho rằng thuật ngữ “tư tưởng” trong cụm từ “tư tưởng Hồ Chí Minh” được sử dụng theo nghĩa thứ hai này.

Cũng giải thích thuật ngữ “tư tưởng” theo hướng tương tự như nghĩa thứ hai nêu trên, *Từ điển bách khoa Việt Nam* cho rằng “tư tưởng” là hình thức phản ánh thế giới bên ngoài, trong đó bao hàm sự ý thức về mục đích và triển vọng của việc tiếp tục nhận thức và cải tạo thế giới bên ngoài. Tư tưởng là kết quả khái quát hoá kinh nghiệm của sự phát triển tri thức trước đó và được dùng làm nguyên tắc để giải thích các hiện tượng⁽²⁾.

Với thuật ngữ “chủ nghĩa”, *Từ điển tiếng Việt* cho rằng có hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là quan niệm, quan điểm, chủ trương, chính sách, hoặc ý thức, tư tưởng thành hệ thống về triết học, chính trị, đạo đức, văn học, nghệ thuật, v.v..., ví như chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nghĩa thứ hai là yếu tố ghép trước để cấu tạo một số ít danh từ, có nghĩa “chế độ kinh tế - xã hội”, như chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội; hoặc là yếu tố ghép sau để cấu tạo tính từ, có nghĩa “thuộc về chủ nghĩa”, thuộc về “chế độ kinh tế - xã hội” như hiện thực chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa⁽³⁾.

Theo tập thể tác giả *Từ điển bách khoa Việt Nam*, thuật ngữ “chủ nghĩa” cũng có hai nhóm nghĩa. Nghĩa thứ nhất là học thuyết hay hệ thống lý luận về chính trị, triết học, kinh tế, văn hoá, nghệ thuật thể hiện bằng quan niệm, quan điểm, lập trường, khuynh hướng, phương pháp luận, phương pháp sáng tác ... do một người hay một tập thể đề xuất, ví dụ như chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Nghĩa thứ hai là thành tố cấu tạo từ để tạo nên một danh từ chuyên ngành hoặc một từ ghép, như chủ nghĩa tư bản,

¹ Hoàng Phê (chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, in lần thứ 6, đợt 2, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng. 1998, tr. 1035.

² Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn *Từ điển bách khoa Việt Nam: Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb. Từ điển bách khoa, H. 2005, tr. 704.

³ Hoàng Phê (chủ biên): *Sđd*, tr. 168.

chủ nghĩa xã hội ...; hoặc là thành tố đặt sau tạo nên tính từ, như tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa, cá nhân chủ nghĩa; hoặc là thành tố dùng để dịch một số thuật ngữ của ngôn ngữ Ấn - Âu có hậu tố *ism, isme*, như chủ nghĩa anh hùng (tiếng Pháp là *héroisme*, tiếng Anh là *heroism*)⁽¹⁾.

Như vậy, với ý nghĩa là một học thuyết, hay hệ thống lý luận về các lĩnh vực của đời sống xã hội, thuật ngữ “chủ nghĩa” có hàm nghĩa lớn hơn, ở cấp độ cao hơn so với thuật ngữ “tư tưởng”. Có thể coi “chủ nghĩa” là sự bao hàm của nhiều “tư tưởng”, là một hệ thống các “tư tưởng” có quan hệ chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Đây cũng là nghĩa mà V.I.Lênin dùng để gọi chủ nghĩa Mác và cũng là nghĩa mà I.V.Xtalin, Hồ Chí Minh và những người cộng sản khác dùng để gọi hệ thống lý luận, tư tưởng của C.Mác, V.I.Lênin - chủ nghĩa Mác - Lênin, hoặc chủ nghĩa Lênin.

Khái niệm “chủ nghĩa yêu nước” được các tác giả *Từ điển tiếng Việt* giải thích là lòng yêu thiết tha đối với tổ quốc của mình, thường biểu hiện ở tinh thần sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc⁽²⁾. Cách giải nghĩa này còn tương đối sơ lược, bởi nó mới chỉ đề cập tới khía cạnh tình cảm. Nếu so với cách giải nghĩa thuật ngữ “chủ nghĩa” của chính các tác giả cuốn từ điển này thì rõ ràng đây là cách giải nghĩa chưa thấu đáo.

Còn các tác giả *Từ điển bách khoa Việt Nam* thì giải thích “chủ nghĩa yêu nước” là “nguyên tắc đạo đức về chính trị mà nội dung là tình yêu, lòng trung thành, ý thức phục vụ tổ quốc. ... Cùng với sự hình thành dân tộc và nhà nước dân tộc, chủ nghĩa yêu nước *từ chỗ chủ yếu là một yếu tố trong tâm lý xã hội, đã trở thành hệ tư tưởng* (chúng tôi nhấn mạnh). Nó trở thành lực lượng tinh thần vô cùng mạnh mẽ, động viên mọi người đứng lên bảo vệ tổ quốc chống lại mọi cuộc xâm lược. Chủ nghĩa yêu nước chân chính thể hiện ở lòng

¹ Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn *Từ điển bách khoa Việt Nam*: *Sdd*, tập 1, tr. 493.

² Hoàng Phê (chủ biên): *Sdd*, tr. 172.

trung thành với tổ quốc vì lợi ích của dân tộc, của nhân dân bảo vệ sự sinh tồn của dân tộc và đấu tranh cho sự phồn vinh của đất nước”⁽¹⁾. So với cách giải nghĩa của các tác giả *Từ điển tiếng Việt* thì đây là cách giải nghĩa khá rõ ràng và có sức thuyết phục. Thống nhất với cách giải nghĩa này, chúng tôi cho rằng, *chủ nghĩa yêu nước là sự phát triển đến đỉnh cao của lòng yêu nước, là sự kết hợp chặt chẽ giữa tình cảm yêu nước nhiệt thành và một hệ thống các tư tưởng về tình yêu, lòng trung thành đối với tổ quốc, ý thức phục vụ tổ quốc*. Nói một cách khái quát, chủ nghĩa yêu nước là sự thống nhất trong một chỉnh thể của tình cảm yêu nước và hệ lý luận về lòng yêu nước. Nếu chỉ riêng tình cảm yêu nước, dù có nồng nàn đến mức nào, cũng chưa thể gọi là chủ nghĩa yêu nước được.

Với quan niệm về chủ nghĩa yêu nước như trên, chúng tôi cho rằng “chủ nghĩa yêu nước Việt Nam” là sự phát triển đến đỉnh cao tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam, là sự kết hợp chặt chẽ giữa tình cảm yêu nước nhiệt thành và một hệ thống các tư tưởng về tình yêu, lòng trung thành đối với tổ quốc, ý thức phục vụ tổ quốc của dân tộc Việt Nam, nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, mang lại cuộc sống hoà bình, tự do, ấm no cho người dân Việt Nam.

Khi đề cập về vấn đề trên, cũng có những ý kiến cho rằng chỉ nên gọi là “tinh thần yêu nước (hoặc là lòng yêu nước) Việt Nam”, hoặc gọi chung chung là “truyền thống yêu nước Việt Nam” và tránh dùng thuật ngữ “chủ nghĩa yêu nước Việt Nam”. Cơ sở của những người theo quan điểm này là cho rằng trong truyền thống, Việt Nam không có những nhà lý luận, những nhà hiền triết, với những công trình, trước tác lý luận chuyên biệt về lòng yêu nước; ở Việt Nam, yêu nước mới chỉ dừng ở mức độ là tình cảm tự nhiên chứ chưa đạt tới trình độ lý luận, tư tưởng.

¹ Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam: *Sdd*, tập 1, tr. 518.

Trên thực tế, vấn đề này đã được một số tác giả đặt ra và giải quyết về căn bản⁽¹⁾. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nhấn mạnh thêm mấy điểm.

Thứ nhất, đúng là trong truyền thống Việt Nam không xuất hiện những nhà triết học và tư tưởng với các công trình nghiên cứu mang tính bản thể luận nói chung và về lòng yêu nước nói riêng, kiểu như ở Trung Quốc hay Hy Lạp, La Mã thời cổ. Nhưng như thế không có nghĩa là trong truyền thống, người Việt Nam không có lý luận và tư tưởng yêu nước. Thực tế, lý luận và tư tưởng không phải lúc nào cũng được thể hiện một cách dễ thấy thông qua các công trình nghiên cứu lý luận, mà còn được biểu hiện thông qua các phương thức khác như truyền thuyết, thần thoại, văn học dân gian (sau khi đã lược bỏ cái vỏ thần bí, hư cấu); đặc biệt, sâu sắc hơn và được đánh giá cao hơn (nhất là đối với truyền thống tư tưởng phương Đông) chính là biểu hiện thông qua những hành động, việc làm. Nếu chỉ căn cứ vào các bài viết, các công trình lý luận, chúng ta sẽ không thể trả lời được chính xác câu hỏi nên gọi là chủ nghĩa yêu nước hay chỉ dừng ở mức là tinh thần yêu nước, cũng như nếu chỉ căn cứ vào ngôn từ thì làm sao giới nghiên cứu có thể khẳng định được sự hiện hữu và ý nghĩa sâu sắc của triết lý vô ngôn trong Phật giáo.

Thứ hai, với cách tiếp cận như trên, rõ ràng trong truyền thống Việt Nam, không chỉ có tình cảm yêu nước mãnh liệt mà còn có hệ thống lý luận, tư tưởng về lòng yêu nước. Đó là ý thức cùng chung một nguồn cội, cùng một tổ tiên trong truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ; là ý thức đoàn kết, gắn bó cùng nhau chống thiên tai trong truyện Sơn Tinh và Thủy Tinh; là ý thức về sức mạnh vô cùng to lớn của người dân khi được huy động, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, không màng chút danh lợi cá nhân trong truyện Thánh Gióng; là ý thức đề cao cảnh giác với âm mưu xâm lược

¹ Xem Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. 1980; Trần Xuân Trường: *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. QĐND, H. 2001; Nguyễn Mạnh Tường: *Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh*, Nxb. CTQG, H. 2001; Trịnh Nhu: *Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam*, trong sách *Mấy vấn đề lịch sử Việt Nam - Tái hiện và suy ngẫm*, Nxb. CTQG, H. 2007. ...

xảo quyết của các thế lực ngoại bang trong truyện An Dương Vương. Đó cũng là ý thức về độc lập, chủ quyền của dân tộc trong bài thơ “thần” của Lý Thường Kiệt - bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc; là quyết tâm diệt giặc bảo vệ độc lập dân tộc, lợi ích của toàn dân, dầu có hy sinh, mất mát trong bản *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo; là phép trị nước và giữ nước “khoan thư sức dân làm kế sâu gốc bền rễ” trong lời dặn lại vua Trần của Trần Hưng Đạo trước khi qua đời; là ý thức tự hào dân tộc, khẳng định độc lập, chủ quyền của đất nước và tiến hành chiến tranh nhân dân để giải phóng dân tộc, cứu nước gắn với cứu dân trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi; là ý thức về sức mạnh to lớn của nhân dân “chở thuyền và lật thuyền cũng là dân” của Nguyễn Trãi Đó còn là hành động và việc làm vì nước vì dân, coi trọng lợi ích của dân tộc, đặt lợi ích của đất nước và dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, gia đình, của những người anh hùng dân tộc từ Bà Trưng, Bà Triệu đến Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ

Kết hợp chặt chẽ giữa hệ thống tư tưởng của các thế hệ ông cha về lòng yêu nước nêu trên với tình cảm yêu nước nồng nàn của người dân Việt Nam, chúng ta sẽ thấy được trong truyền thống Việt Nam đã có một chủ nghĩa yêu nước mang đậm nét đặc sắc của lịch sử và con người Việt Nam. Như cách nói của giáo sư Trần Văn Giàu thì đó là “một triết lý xã hội và nhân sinh của người Việt Nam, và nếu dùng từ “đạo” với nguyên nghĩa của nó là “đường”, là hướng đi, thì chủ nghĩa yêu nước đích thật là đạo Việt Nam”⁽¹⁾.

1.2. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam

Dân tộc nào cũng có một quá trình hình thành và phát triển, trong đó chứa đựng và từng bước hấp thụ những giá trị tinh thần truyền thống. Tùy theo điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử, giá trị truyền thống các dân tộc có những đặc điểm khác nhau. Chẳng hạn, yêu nước là tình cảm, tư tưởng phổ

¹ Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. 1980, tr. 101.

biến của nhân dân các quốc gia dân tộc trên thế giới, nhưng mức độ đậm nhạt, nông sâu lại không giống nhau. Thế giới đã từng tồn tại khuynh hướng dân tộc hẹp hòi và tinh thần dân tộc theo khuynh hướng sô vanh nước lớn. Tuy nhiên, khuynh hướng chủ đạo vẫn là chủ nghĩa dân tộc chân chính, sáng suốt của nhiều dân tộc trong cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Dân tộc Việt Nam trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước đã vun bồi tình cảm và tư tưởng yêu nước, làm thành sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử dân tộc từ cổ đại đến hiện đại. Chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ lưu của lịch sử Việt Nam, là chuẩn mực cao nhất của đạo lý và đứng đầu bảng thang giá trị dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là hạt nhân của sức mạnh dân tộc, tạo thành động lực nội sinh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam hình thành sớm, xuất phát từ công cuộc xây dựng đất nước. Nước ta xuất hiện sớm với tên gọi Văn Lang. Ngót hai nghìn năm tồn tại, với bao biến thiên của khí hậu, địa hình, sinh thái chứa đựng cả khó khăn và thuận lợi, con người Việt Nam với tình cảm và tư tưởng yêu mến cái nôi chung, tự hào về nòi giống Tiên Rồng của mình, đã cố kết với nhau để vừa khắc phục khó khăn, chống thiên tai, vừa thích nghi, khai thác tài nguyên, mặt thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới gió mùa phong phú, đa dạng. Quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc Việt Nam lại có những nét đặc thù, mà nổi bật là trong thời cổ đại, Việt Nam không trải qua thời kỳ phát triển của chế độ chiếm hữu nô lệ, một chế độ không coi nô lệ là con người. Vì vậy, tình cảm trong mối quan hệ giữa con người và con người “trong sáng” hơn. Thời kỳ phong kiến, Việt Nam cũng không tồn tại chế độ lãnh địa với quan hệ lãnh chúa- nông nô, nên tính cố kết cộng đồng bền vững hơn, ý thức dân tộc đậm đà hơn. Những lý do nêu trên tạo nên sự gắn bó cộng đồng, gắn bó quê hương trong xây dựng đất nước, là một nguồn gốc của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam .

Nổi bật nhất là lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc với tính đặc thù phải chiến đấu chống sự xâm lăng của những nước lớn mạnh hơn ta gấp nhiều lần, với thời gian gộp lại trên 12 thế kỷ. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được kết tinh trong từng trận đánh suốt cả chiều dài lịch sử dân tộc, tạo nên ý chí quật cường dân tộc, là niềm tự hào, tự tôn dân tộc.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam còn được phôi thai và phát triển trên cơ sở liên kết cộng đồng trong trục quan hệ gia đình- làng xã- Tổ quốc. Đó là quá trình thống nhất quốc gia, thống nhất dân tộc sớm, tạo nên sự thống nhất của văn hóa dân tộc với ý thức chung về vận mạng cộng đồng; đồng thời, cũng tạo ra những đặc trưng riêng bởi những vùng địa- văn hóa khác nhau. Một chủ nghĩa yêu nước Việt Nam ngày càng phát triển, bởi trong quá trình hội nhập, giao lưu và tiếp biến, văn hóa Việt Nam vừa thích nghi với nhiều nền văn minh thế giới vừa khẳng định được bản lĩnh của mình, đó là tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường, tự tôn dân tộc.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có một quá trình hình thành và phát triển gắn bó chặt chẽ với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trải qua mỗi thời kỳ của lịch sử, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có những nội dung cụ thể, ghi đậm dấu ấn của thời kỳ đó, đồng thời tiếp tục được phát triển ở các giai đoạn sau. Tuy nhiên, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam không “nhất thành bất biến” mà luôn có sự đáp bồi với những nội dung mới có chiều sâu về tình cảm, tư tưởng.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam ngay từ thời dựng nước Văn Lang- Âu Lạc, tuy chưa có một nền văn học chữ viết, nhưng văn học truyền miệng, kho tàng thần thoại Việt Nam đã cho thấy sự cố kết cộng đồng, ý thức về đất nước, về dân tộc, nghĩa đồng bào. Theo huyền thoại, chúng ta đều là con cháu Lạc Long Quân và Âu Cơ, cùng chung nguồn gốc. Yêu nước, vì vậy, dù “đi ngược về xuôi” trước hết là yêu gốc rễ, tổ tiên. Huyền thoại hay truyền thuyết đều có

dáng vóc kịch sử cho ta biết ý chí, sức mạnh của dân tộc chống ngoại xâm, giữ gìn quê hương, bản làng, đất nước; bổn phận của người dân bảo vệ nước nhà. Đó là một thái độ chính trị cứu nước, giữ nước cao cả, cảnh giác với mọi mưu đồ xấu xa của các thế lực thù địch. Một số nhà nghiên cứu, khi nghiên cứu các truyện đứng đầu trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam cơ bản đều gặp nhau ở nhận xét các truyện đó đều là truyện yêu nước. Chẳng hạn, khi phân tích truyện Thánh Gióng có thể thấy truyện muốn “ca tụng một chủ nghĩa yêu nước hoàn toàn trong trắng không gợn một hạt bụi danh vị và tư lợi nào, ca ngợi một tinh thần phục vụ vô điều kiện cho Tổ quốc và đồng bào mình”¹.

Từ một chủ nghĩa yêu nước cao cả, trong sáng trong thuở dựng nước, khi dân ta bước vào thời kỳ nghìn năm Bắc thuộc với âm mưu đồng hóa của ngoại bang, Việt Nam là nhóm Việt duy nhất trong Bách Việt không bị diệt vong. Ý thức vững chắc về quyền tồn tại độc lập của mình đã chiến thắng dã tâm đồng hóa. Trong thời kỳ nghìn năm Bắc thuộc, vừa có giao lưu văn hóa vừa có cưỡng văn hóa của bọn xâm lược, nên cuộc đấu tranh quyết liệt bảo vệ nền văn hóa, bảo vệ giống nòi, bảo vệ phong tục tập quán (như nhuộm răng đen, xăm mình...) và giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc là một nét đẹp rực rỡ của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Bởi vì, phong tục tập quán là những yếu tố quan trọng của văn hóa dân tộc. Ý thức độc lập tự cường trong việc giữ gìn phong tục tập quán thể hiện tâm lý của cả một dân tộc nhằm bảo vệ nền văn hóa dân tộc. Bảo vệ văn hóa dân tộc, bảo vệ sự tồn tại của dân tộc là khẳng định sự tồn tại của đất nước với một nền văn hiến đã lâu, bảo vệ phong tục tập quán, bảo vệ tiếng nói dân tộc, nuôi dưỡng lòng yêu nước, yêu dân, yêu giống nòi, phong thần và lập đền miếu thờ thần dân tộc anh hùng, bảo vệ cõi bờ, cương vực, ruộng vườn, quê hương, xứ sở, xóm làng, gắn bó với mồ mả tổ

¹ GS Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam* (Tái bản có bổ sung và sửa chữa), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.132-133.

tiên, giữ vững nơi chôn rau cắt rốn. Tuy nhiên, điều chủ yếu là bảo vệ bản lĩnh, bản sắc dân tộc gắn với độc lập chủ quyền quốc gia. Nghìn năm Bắc thuộc là nghìn năm của ý chí giành độc lập tự chủ.

Bước vào kỷ nguyên độc lập, thời kỳ phục hưng của nước Đại Việt Lý, Trần, Lê, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có điều kiện thăng hoa từ thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống, Mông- Nguyên, Minh, và sau đó là phong trào Tây Sơn đánh bại quân xâm lược Xiêm, Thanh mà người đại diện là Quang Trung Nguyễn Huệ. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong điều kiện nhà nước phong kiến độc lập (từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX) là ý thức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, ý thức sâu sắc về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Những yếu tố tinh thần đó cùng với niềm tự tôn dân tộc đã khơi dậy và động viên đến mức cao sức mạnh toàn dân tộc vào cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Lòng nồng nàn yêu nước của mỗi con dân nước Việt, của nền văn hóa Thăng Long đã chuyển ít thành nhiều, chuyển yếu thành mạnh, nâng cao lòng yêu quê hương xứ sở thành ý thức bảo vệ giang sơn Tổ quốc, non sông đất nước. Lòng yêu nước đã đưa “bốn phương mạnh mẽ”, những nông dân “áo vải chân đất” vượt qua khó khăn gian khổ, đứng lên đảm đương sứ mạng cao cả của lịch sử là bảo vệ chủ quyền đất nước. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống cũng khiến cho các nhà lãnh đạo phong kiến- dù chính trị hay quân sự – nhận thức ra rằng “vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức”, hay “khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc” (Trần Quốc Tuấn).

Từ bài thơ “Nam quốc sơn hà Nam đế cư” của Lý Thường Kiệt đến “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn và “Bình ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi là những tuyên ngôn chủ yếu của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Những tuyên ngôn đó khẳng định quyền độc lập thiêng liêng bất khả xâm phạm của nước Việt Nam (“tiệt nhiên định phận tại thiên thư”) và vì vậy, kẻ nào đến xâm lược thì kẻ ấy nhất định bị tiêu diệt. Trần Quốc Tuấn đã khơi dậy lòng căm thù

giặc, yêu nước, yêu nhà, yêu xã tắc tổ tông, lòng tự trọng của người làm tướng, làm quân, làm dân, sự gắn bó giữa quyền lợi chung và quyền lợi riêng. Nhận thức về sự gắn bó giữa lý trí và tình cảm, nước với dân “không được làm giàu mà quên việc nước” như là một bước trưởng thành của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã được thể hiện trong bài hịch: “Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức”. Phải đánh giặc cứu nước. Bởi vì, nếu không thế thì “chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các người cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày vò, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ không rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận”.

“Bình ngô đại cáo” đề cao hàng đầu “nhân nghĩa là trừ bạo để cốt yên dân, đại nghĩa thắng hung tàn” và dân có vai trò to lớn trong công cuộc giải phóng. Nếu các nhà lãnh đạo phiên hà thì lòng dân oán hận Đó là một nội dung mới mẻ, tiến bộ, rất Việt Nam. Ý thức dân tộc và tự hào dân tộc được đề cao. Đó là nước Việt Nam là nước văn hiến, có cõi bờ sông núi, lãnh thổ riêng, có phong tục tập quán khác, nhiều anh hùng hào kiệt. Ý chí hy sinh “dưới trên đều một bụng cha con” vì độc lập của dân tộc là đỉnh cao nhất của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được Nguyễn Trãi thể hiện ở tính nhân dân sâu sắc của một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc sâu rộng. Tinh thần đó hòa quyện với tấm lòng nhân đạo rộng lớn, “lấy khoan hồng thể bụng hiếu sinh”, “lấy toàn quân làm cốt cho dân được yên nghỉ”. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thế kỷ XV đã bắt đầu hướng tới “nền muôn thuở hòa bình”.

Cần khẳng định rằng chủ nghĩa yêu nước thời kỳ phong kiến độc lập không phải chỉ là việc bảo toàn lãnh thổ, giữ vững chủ quyền quốc gia, đấu

tranh không khoan nhượng giành độc lập dân tộc trên cơ sở một niềm tin, niềm tự tôn dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước đó còn có tác dụng trong xây dựng hòa bình sau mỗi lần đất nước giành được độc lập. Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long là tầm nhìn về việc xây dựng một thủ đô thịnh vượng. Giữ nước theo Trần Quốc Tuấn là phải “khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc”. Còn Nguyễn Trãi thì cho rằng sau khi thắng giặc phải cố làm sao cho “thôn cùng xóm vắng bất tiếng oán sầu”, thực hiện “đổi mới giang sơn”, “duy tân khắp nước”.

Tóm lại, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam có nội dung phong phú, với một quá trình phát triển gắn với lịch sử lâu dài hàng ngàn năm của dân tộc. Thông thường giai đoạn sau là sự phát triển những nội dung yêu nước giai đoạn trước, đồng thời có bổ sung những điểm mới. Tuy nhiên, tất cả vẫn là chủ nghĩa yêu nước truyền thống và trong thời kỳ quốc gia phong kiến độc lập, chủ nghĩa trung quân Nho giáo chỉ thấy vua mà không thấy nước (bao gồm lãnh thổ và dân tộc) đã dần dần và có khi lấn át chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam. Chủ nghĩa trung quân có khi làm vẩn đục chủ nghĩa yêu nước. Tuy vậy, *“truyền thống cơ bản của dân tộc Việt Nam là yêu nước chứ không phải trung quân”*¹.

Từ giữa thế kỷ XIX, khi chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm lược, Nho giáo và hệ tư tưởng phong kiến đã tỏ ra bất lực trước các nhiệm vụ lịch sử là chống xâm lược, giải phóng dân tộc. Đầu thế kỷ XX, các nhà Nho cải cách và trí thức yêu nước tiến bộ trong điều kiện mới đã tìm đến tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây và dấy lên nhiều phong trào yêu nước tiến bộ như phong trào Đông du, Duy tân, Đông kinh nghĩa thực... Bên cạnh những ưu điểm lớn về một chủ nghĩa yêu nước nồng nhiệt kiểu “phen này cắt tóc đi tu/ tụng kinh độc lập ở chùa duy tân”, thậm chí có khuynh hướng về cộng sản, thấy các dân

¹ GS Trần Văn Giàu: Sdd, tr. 149.

tộc cùng chung cảnh ngộ “đồng bệnh” bị áp bức, và mang nặng tinh thần phản đế, dân chủ, cải cách..., nhưng nhìn chung khi chưa có ánh sáng cách mạng vô sản thì vẫn còn những hạn chế. Chẳng hạn, chưa phân biệt được đâu là người Pháp thực dân, đâu không phải là thực dân; vẫn theo hệ quy chiếu “đồng văn đồng chủng”, còn mắt xanh, da trắng, mũi lõ là thù. Chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, chủ nghĩa quốc gia cải lương cũng là những cản trở và bóp méo chủ nghĩa yêu nước. Chỉ từ khi xuất hiện Nguyễn Ái Quốc, với việc tiếp thu chủ nghĩa Mác- Lênin và trở thành người cộng sản thì bắt đầu xuất hiện chủ nghĩa yêu nước mới- chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh.

1.3. Sự hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

Sự hiện hữu của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong hệ thống giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam

Việc làm rõ các khái niệm “tư tưởng”, “chủ nghĩa”, “chủ nghĩa yêu nước”, “chủ nghĩa yêu nước Việt Nam” nêu trên là cơ sở để tìm hiểu khái niệm “chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh”. Đã từng có ý kiến theo xu hướng muốn đồng nhất thuật ngữ chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh với lý luận về con đường cách mạng Việt Nam khi cho rằng: “Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là hệ thống lý luận về con đường cách mạng Việt Nam: thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến tới giải phóng toàn diện, triệt để con người, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân và góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁽¹⁾. Đây là cách giải nghĩa còn khá rộng, chưa làm nổi bật được đặc thù “yêu nước” ở Hồ Chí Minh trên các phương diện từ tình cảm đến tư tưởng, hành động.

Chúng tôi quan niệm có một chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. *Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là sự kết tinh lòng yêu nước của mỗi người Việt*

¹ Dẫn theo Trần Xuân Trường: *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. QĐND, H. 2001, tr. 7-8.

Nam, một bộ phận của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thời hiện đại; là sự kết hợp chặt chẽ giữa tình cảm yêu nước nhiệt thành của Hồ Chí Minh với một hệ thống lý luận, tư tưởng chặt chẽ và sâu sắc của Người về tinh thần yêu nước¹.

Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh và chủ nghĩa yêu nước truyền thống trong thời đại Hồ Chí Minh vừa có điểm chung vừa có nét riêng. Điểm chung đều là chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ hiện đại. Nét riêng của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là mang sắc thái, dấu ấn, diện mạo cá nhân Hồ Chí Minh, con người có những điểm sáng vạch thời đại và mang tên một thời đại- thời đại Hồ Chí Minh. Còn chủ nghĩa yêu nước truyền thống trong thời đại Hồ Chí Minh, về bản chất vẫn là chủ nghĩa yêu nước truyền thống, nhưng được đặt và nâng lên trong thời đại Hồ Chí Minh

Với quan niệm như trên, hoàn toàn có cơ sở để khẳng định, ở Hồ Chí Minh, yêu nước không còn dừng ở mức độ tình cảm và cấp độ “*tư tưởng*” mà đã phát triển lên tầm “*chủ nghĩa*”. Bởi lẽ, cùng với lòng yêu nước thương dân vô bờ bến, Hồ Chí Minh còn phát triển một *hệ thống lý luận, tư tưởng sâu sắc về tinh thần yêu nước*. Đó là tư tưởng về vai trò, vị trí của tinh thần yêu nước, về nội dung của tinh thần yêu nước, về các biện pháp tuyên truyền, giáo dục và khơi dậy tinh thần yêu nước, về các cách thức phát huy tinh thần yêu nước, về quan hệ mật thiết giữa tinh thần yêu nước chân chính và tinh thần quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân Có thể thấy rõ tính hệ thống và sâu sắc của các tư tưởng này qua những luận đề tiêu biểu như: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”⁽²⁾; “Phát triển chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản”⁽³⁾; “nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁽⁴⁾; “Dân ta phải giữ nước ta. Dân là con

¹ Từ 1991 đến nay, chúng ta vẫn dùng khái niệm “Tư tưởng Hồ Chí Minh”. Qua thành quả nghiên cứu khoa học gần 20 năm, chúng tôi cho rằng đã đến lúc cần khẳng định có một chủ nghĩa Hồ Chí Minh hay học thuyết Hồ Chí Minh mà chủ nghĩa yêu nước là một bộ phận.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 1, Nxb. CTQG, H. 2000, tr. 466.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, tập 1, tr. 467.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 56.

nước, nước là mẹ chung.”⁽¹⁾; “Nước lấy dân làm gốc... Gốc có vững cây mới bền/ Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”⁽²⁾; “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁽³⁾; “Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”⁽⁴⁾; “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất”⁽⁵⁾; “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”⁽⁶⁾

Hệ thống lý luận, tư tưởng nêu trên không chỉ được thể hiện rõ qua các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh, mà còn được biểu đạt hàm súc thông qua những hành động, việc làm của Người trong quá trình tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, qua cuộc đời luôn luôn phấn đấu không mệt mỏi cho lợi ích đất nước, lợi ích nhân dân của Người.

Rõ ràng, trên thực tế đã có *một chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh* trong hệ thống các giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam. Với một hệ thống lý luận khoa học, sâu sắc, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh chẳng những là một bộ phận của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, mà còn là bộ phận tinh túy nhất và là sự phát triển đến đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thời hiện đại. Đây là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam, là nền tảng tinh thần

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 486.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 409-410.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 6, tr. 171.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 6, tr. 172.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 6, tr. 473.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 108.

và ánh sáng dẫn đường cho dân tộc Việt Nam trong hành trình xây dựng một xã hội mới tốt đẹp, nhân văn.

Cơ sở hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

Khi đề cập đến cơ sở hình thành của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, hầu hết các nhà nghiên cứu thống nhất cho rằng Hồ Chí Minh đã kế thừa xuất sắc những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tinh hoa của văn hoá nhân loại từ văn hoá phương Đông đến văn hoá phương Tây mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin và những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh. Với tính cách là một bộ phận trong hệ thống, trên một số điểm cơ bản, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh cũng có cơ sở hình thành giống như hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung. Nhưng cũng vì là một bộ phận cụ thể, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh có những đặc điểm riêng về cơ sở hình thành, không hoàn toàn giống như cơ sở hình thành hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung. Đó cũng là sự thể hiện mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, cái đặc thù và cái phổ biến trong thế giới các sự vật hiện tượng.

Đã có ý kiến cho rằng cơ sở hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là sự kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam và chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua thiên tài trí tuệ Hồ Chí Minh⁽¹⁾. Chúng tôi cho rằng có lẽ tác giả của ý kiến này chỉ muốn tập trung đề cập đến những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng nhất đối với sự hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Trên thực tế, trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã từng đi nhiều nơi, tìm hiểu, chứng kiến nhiều sự việc, trong đó có các cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân nhiều nước ở cả phương Đông và phương Tây. Điều này chắc chắn có ảnh hưởng nhất định đến suy nghĩ, tình cảm yêu nước của Hồ Chí Minh, khi Người đang

¹ Xem Nguyễn Mạnh Tường: *Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh*, Nxb. CTQG, H. 2001, tr. 60-80.

trong tâm trạng một người dân mất nước, muốn ra đi tìm hiểu xem nhân dân các nước khác làm thế nào để giành lại độc lập, tự do. Do vậy, thật khó thuyết phục nếu cho rằng các cuộc đấu tranh yêu nước và tinh thần yêu nước, giành độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân các nước từ phương Đông đến phương Tây không có ảnh hưởng gì đến việc hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh.

Có thể nói, các yếu tố tác động đến sự hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam; chủ nghĩa Mác - Lênin; tinh thần đấu tranh yêu nước và tư tưởng giành độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc phương Đông, phương Tây; phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.

Ảnh hưởng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam

Kết quả nghiên cứu các nguồn tài liệu cổ, nhất là khảo cổ học đã chứng minh sự tồn tại lâu đời nền văn minh của các cư dân bản địa và sớm hình thành nên quốc gia dân tộc ở Việt Nam. Điều đặc biệt là sự ra đời của nhà nước đầu tiên ở Việt Nam lại không phải trên cơ sở của sự phân hoá và đấu tranh giai cấp gay gắt, mà từ nhu cầu phải đoàn kết, gắn bó với nhau dưới một sự điều hành chung để phòng chống thiên tai bão lũ và nhất là chống lại những thế lực ngoại xâm hùng mạnh luôn luôn nhòm ngó, đe dọa. Với sự sớm xuất hiện của quốc gia dân tộc, tình cảm đối với nơi sinh ra và lớn lên, ý thức về cùng chung một nguồn cội, phải thương yêu, đùm bọc nhau, cao hơn là ý thức về chủ quyền dân tộc và lòng tự hào dân tộc của người dân nước Việt cổ đã sớm được hình thành. Trải qua quá trình nhiều năm đấu tranh để xây dựng và bảo vệ đất nước, tình cảm yêu nước trở nên ngày càng sâu đậm, thiêng liêng và phát triển trở thành tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần của người dân, là chuẩn mực xếp vị trí cao nhất trong hệ thống giá trị đạo đức tinh thần của xã hội và là tiêu chuẩn để phân định tính đúng sai của mỗi hành

động, việc làm. Đồng thời, hệ thống các tư tưởng yêu nước cũng dần dần được định hình và hoà quyện với tình cảm yêu nước trở thành một chủ nghĩa sơ khai của dân tộc Việt Nam - chủ nghĩa yêu nước.

Truyền thống văn hoá từ lâu đời và có sức sống mạnh mẽ của cư dân Việt cổ, trong đó đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước, đã lý giải vì sao trải hơn nghìn năm Bắc thuộc, mặc dù kẻ thù đã rắp tâm tìm mọi thủ đoạn để đồng hoá, nhưng văn hoá Việt vẫn được bảo tồn, tiếng nói và phong tục của ông cha vẫn được gìn giữ. Chẳng những vậy, sau đêm dài Bắc thuộc, quốc gia dân tộc Việt lại được hồi sinh, văn hoá dân tộc Việt lại được phục hưng và phát triển rực rỡ. Vượt qua thử thách khắc nghiệt của lịch sử, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam càng được tôi luyện và tăng thêm sức mạnh. Nhờ chủ nghĩa yêu nước truyền thống được khơi dậy và phát huy một cách đúng đắn, liên tiếp trong nhiều thế kỷ, quân dân nước Việt đã đập tan các cuộc xâm lược của những thế lực phong kiến phương Bắc lớn mạnh hơn cả nhiều chục lần về lãnh thổ, dân số và tiềm lực quân sự.

Tuy nhiên, bước sang nửa sau thế kỷ XIX, với sự xâm lược và từng bước đặt ách thống trị của thực dân Pháp, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đứng trước một thử thách lớn. Có những ý kiến cho rằng, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đã tỏ ra bất cập trước một kẻ thù hoàn toàn mới và ở một trình độ kỹ thuật cao hơn. Chúng tôi cho rằng nói như vậy chỉ đúng phần nào và còn chưa được rõ. Bởi lẽ, trên thực tế, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước truyền thống vẫn luôn luôn tiềm ẩn to lớn nhưng việc khơi dậy và phát huy nó phải thông qua vai trò của những con người cụ thể, lực lượng cụ thể, giai cấp cụ thể. Trong khi đó, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã ngày càng suy tàn và hèn yếu, đồng thời lại bị tư tưởng trung quân, bảo thủ của Nho giáo chi phối, đã đặt lợi ích của dòng họ và chính quyền phong kiến lên trên lợi ích của dân tộc. Do vậy, triều đình phong kiến nhà Nguyễn không thể đủ uy tín và năng lực, cũng không đủ lòng tin và can đảm để đứng ra khơi

dậy và phát huy chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc. Mặc dù ở nhiều địa phương đã có những sĩ phu văn thân yêu nước đứng ra tổ chức các phong trào đấu tranh chống quân xâm lược Pháp và được sự hưởng ứng của một bộ phận nhân dân, nhưng do thiếu một ngọn cờ thống nhất, thiếu một trung tâm chỉ đạo chung nên sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước không được khơi dậy và quy tụ đầy đủ, thống nhất. Bởi vậy, các cuộc đấu tranh tuy anh dũng nhưng cuối cùng đều bị thất bại theo cái cách bó đũa bị bẻ gãy từng chiếc một. Tuy các phong trào yêu nước chống Pháp thất bại nhưng chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam không thể bị mất đi, mà vẫn tiềm ẩn sức mạnh, chờ cơ hội có những con người cụ thể, lực lượng cụ thể và giai cấp cụ thể có phương pháp đúng đắn khơi dậy, phát huy và bùng lên.

Nghệ An - quê hương của Hồ Chí Minh là một vùng đất “địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống văn hoá, là nơi tiêu biểu cho truyền thống văn hoá mấy nghìn năm của dân tộc, nhất là tinh thần yêu nước quật cường, ý chí vượt lên khó khăn trong cuộc đấu tranh chống sự khắt nghiệt của thiên nhiên và âm mưu thôn tính của các thế lực ngoại xâm. Trong suốt chiều dài lịch sử, vùng đất giàu truyền thống văn hoá này đã sản sinh ra nhiều người con ưu tú của dân tộc, với cả tài năng và tấm lòng yêu nước thương dân sâu sắc. Thời nhà Đường, ở Nghệ An đã có cuộc khởi nghĩa do Mai Thúc Loan lãnh đạo chống lại chính quyền đô hộ tham lam, tàn bạo. Khi quân Minh đến xâm lược nước ta, Nghệ An đã trở thành căn cứ của nhà Hậu Trần, rồi sau đó trở thành địa bàn chiến lược để nghĩa quân Lam Sơn phát triển lực lượng, trở thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mang tính nhân dân sâu sắc trong thế kỷ XV. Trong chiến dịch đại phá quân Thanh, Nghệ An cũng đã được vua Quang Trung chọn làm nơi dừng chân và tuyển chọn hàng vạn trai tráng tham gia vào chiến dịch lịch sử của dân tộc. Khi phong trào Cần Vương bùng nổ, nhiều người con của Nghệ An đã hăng hái tham gia đội Chung nghĩa binh do Vương Thúc Mậu lãnh đạo, rồi tham gia cuộc khởi nghĩa Hương Khê nổi tiếng do

Phan Đình Phùng đứng đầu. Nghệ An còn là quê hương của nhà cách mạng Phan Bội Châu, là nơi khởi đầu phong trào Đông Du, thu hút sự tham gia của nhiều thanh niên yêu nước trong vùng. Khi còn ở Nghệ An, nhiều lần Phan Bội Châu cũng đã ghé thăm gia đình Hồ Chí Minh và trao đổi, đàm đạo với cụ thân sinh Người là Nguyễn Sinh Sắc những câu chuyện về tình cảnh đau lòng của đất nước và người dân. Trong những lần ghé thăm như vậy, Phan Bội Châu đã để lại ấn tượng sâu sắc trong Hồ Chí Minh khi thường ngâm hai câu thơ của Viên Mai:

“Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch,

Lập thân tối hạ thị văn chương”

Dịch nghĩa là:

“Mỗi bữa (ăn) không quên ghi sử sách,

Lập thân hèn nhất ấy (là) văn chương”⁽¹⁾

Bản thân Phan Bội Châu cũng đã từng có ý định đưa Nguyễn Tất Thành (tên thời niên thiếu của Hồ Chí Minh) sang Nhật trong phong trào Đông du nhưng không thành.

Khi đến tuổi đi học, Nguyễn Tất Thành đã từng được theo học nhiều thầy giáo trong vùng là những nhà nho nghĩa khí và yêu nước, trong đó có thầy Vương Thúc Quý con trai nhà yêu nước Vương Thúc Mậu. Tại nhà thầy Quý, những khi có khách là những người bạn chung chí hướng cứu nước cứu dân cùng thầy Quý đến chơi, Nguyễn Tất Thành thường được giao lo việc tiếp nước. Trong những buổi như vậy, cậu đã được nghe tâm sự yêu nước và tấm lòng nhiệt huyết của các bậc cha chú.

Truyền thống yêu nước bất khuất của quê hương đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm của Hồ Chí Minh. Đặc biệt, các phong trào đấu tranh

¹ Dẫn theo Song Thành (chủ biên): *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, H. 2006, tr. 26.

yêu nước của nhân dân Nghệ An chống ách thống trị của thực dân Pháp đã để lại trong Hồ Chí Minh những ký ức sâu đậm. Tháng 2-1931, trong báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản nhan đề *Nghệ Tĩnh đỏ*, Người viết: “Nhân dân Nghệ - Tĩnh nổi tiếng cứng đầu. Trong thời kỳ Pháp xâm lược cũng như trong các phong trào cách mạng quốc gia (1905-1925) Nghệ Tĩnh đã nổi tiếng”⁽¹⁾.

Chẳng những được tắm mình trong truyền thống yêu nước bất khuất của quê hương, Hồ Chí Minh còn được trực tiếp học tập và tiếp thu truyền thống yêu nước của gia đình. Gia đình bên nội và bên ngoại của Hồ Chí Minh đều là những gia đình giàu truyền thống yêu nước, thương người. Ông ngoại của Hồ Chí Minh là cụ Hoàng Xuân Đường, một nhà nho yêu nước, bạn của nhà yêu nước Vương Thúc Mậu. Chị gái và anh trưởng Hồ Chí Minh - bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Sinh Khiêm - đều là những người sớm tham gia các hoạt động yêu nước. Nhưng người có ảnh hưởng nhiều nhất và trực tiếp nhất đến tình cảm yêu nước thương dân của Hồ Chí Minh chính là người cha thân yêu Nguyễn Sinh Sắc. Từ lúc còn thơ ấu cho đến khi trưởng thành, Hồ Chí Minh thường được ở bên cha và được ông dạy bảo, rèn giũa về đạo làm người. Đặc biệt, nhân cách cao quý, giàu lòng yêu nước thương dân của người cha luôn luôn là tấm gương sáng để Hồ Chí Minh học tập noi theo. Những khi nhà có khách là các bạn của Nguyễn Sinh Sắc đến chơi, hoặc những lúc theo cha đi thăm các nhà nho yêu nước, đã để lại trong Hồ Chí Minh ấn tượng sâu sắc về những câu chuyện đàm đạo về thời cuộc, về tình cảnh đất nước, dân tộc.

Được sinh ra và lớn lên trong một môi trường quê hương và gia đình giàu truyền thống yêu nước thương nòi như trên, không có gì đáng ngạc nhiên khi Hồ Chí Minh sớm có lòng yêu nước, thương dân nồng nàn. Trong quá trình khôn lớn, trưởng thành, Hồ Chí Minh lại được đi nhiều nơi, được trực

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 70.

tiếp chứng kiến những hành động tàn ác, bất công của chính quyền thực dân, chứng kiến cảnh sống đau thương, cùng cực của bao gia đình, bao con người và cùng với đó là những cuộc đấu tranh yêu nước, phản kháng chế độ thực dân phong kiến của người dân. Đặc biệt, năm 1908, khi đang theo học Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, cậu Nguyễn Sinh Côn (tên gọi của Hồ Chí Minh thời điểm đó) đã được chứng kiến và trực tiếp tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân Trung Kỳ tại Huế. Những điều này càng nung nấu, làm sâu sắc thêm tình cảm yêu nước, thương dân, ghét quân xâm lược ở Hồ Chí Minh. Ý thức về trách nhiệm của bản thân đối với vận mệnh của đất nước, của dân tộc và quyết định ra đi tìm đường cứu nước dần dần được hình thành ở Hồ Chí Minh và ngày càng trở nên sâu đậm, trở thành động lực mạnh mẽ thôi thúc Người bước vào con đường hoạt động cứu nước.

Như vậy, chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc chính là cơ sở ban đầu, là hành trang lớn nhất của Hồ Chí Minh trước khi Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa yêu nước chẳng những là nguồn sức mạnh thôi thúc quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, chi phối toàn bộ quá trình hoạt động cách mạng, xây đắp nội dung văn hóa chính trị gần dân, thương dân, tin dân, trọng dân, quý dân của Hồ Chí Minh, mà còn là điểm tựa tinh thần giúp Người đứng vững trước những gian khổ, thử thách và cũng còn là tiêu chí giúp Người phân định chân giá trị của các chủ nghĩa, các trào lưu tư tưởng đang thịnh hành ở phương Tây. Sau này, trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin* (tháng 4-1960), Hồ Chí Minh đã nói rõ: “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”⁽¹⁾.

Tinh thần đấu tranh yêu nước và tư tưởng giành độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc phương Đông, phương Tây

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 128.

Như phần trên đã đề cập, đối với sự hình thành hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tinh hoa văn hoá phương Đông và phương Tây giữ vai trò quan trọng. Nhưng trong một lĩnh vực cụ thể là sự hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, không phải yếu tố nào của tinh hoa văn hoá phương Đông và phương Tây cũng có vai trò quan trọng. Có thể thấy rõ điều này thông qua trường hợp của Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo. Tuy giữ vai trò quan trọng đối với sự hình thành hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, nhưng trong việc hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, theo chúng tôi, ba dòng tư tưởng lớn này của văn hoá phương Đông không có ảnh hưởng nào đáng kể. Bởi lẽ, trong giáo lý của Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo trước khi vào Việt Nam, người ta không thấy điều nào đề cập tới việc khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, hoặc khuyên bảo con người ta phải yêu nước.

Diễn hình là trường hợp của Nho giáo. Khi mới du nhập vào Việt Nam, Nho giáo thậm chí còn là công cụ của những kẻ xâm lược phương Bắc hòng đồng hoá dân tộc Việt Nam, nên nó bị tẩy chay trong nhân dân và chỉ có ảnh hưởng nhất định ở tầng lớp trên là bọn quý tộc, quan lại cai trị người phương Bắc. Phải sau khi người dân Việt giành lại độc lập, nhà nước phong kiến độc lập ra đời, Nho giáo mới được Việt hoá và dần dần giữ vai trò quan trọng trong đời sống chính trị xã hội. Trong bản thân những tín điều của Nho giáo, xét đến cùng, cũng chỉ nhằm tập trung đề cập đến lòng trung thành, sự hiếu thuận của bề tôi và thần dân đối với bậc quân vương, làm cơ sở để thiết lập một trật tự xã hội phong kiến bền vững. Nếu trong trường hợp bậc quân vương đó là người yêu nước, đại diện cho lợi ích dân tộc thì giáo lý này của Nho giáo còn có ích lợi. Nhưng trong trường hợp vị quân vương đó đi ngược lại lợi ích của đất nước, của dân tộc (như trường hợp Lê Chiêu Thống, Nguyễn Ánh), thì rõ ràng giáo lý này là lực cản đối với chủ nghĩa yêu nước của dân tộc. Chúng ta không phủ nhận trong lịch sử đã từng xuất hiện nhiều nhà nho có tinh thần yêu nước sâu sắc, nhưng tinh thần yêu nước này không phải là kết quả của

những điều Nho giáo khuyên bảo, răn dạy, mà chính là do những cá nhân nhà nho đó đã tiếp thu được truyền thống yêu nước của dân tộc và tự giác rèn luyện, hình thành nên một giá trị cao quý trong nhân cách.

Trên thực tế, chỉ có tinh thần đấu tranh yêu nước, tư tưởng giành độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc mà Hồ Chí Minh đã từng được chứng kiến hoặc nghiên cứu, tìm hiểu trong quá trình bôn ba ở nước ngoài mới trực tiếp tác động đến sự hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh.

Trong hành trình khắp năm châu bốn biển tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nhiều lần được chứng kiến hoặc biết đến tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Trong các bài viết của mình, Người từng nhắc đến cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Triều Tiên, Ấn Độ, Ai Cập, Trung Quốc Người cũng đã đặt chân đến nước Mỹ, đến thăm Tượng Nữ thần tự do và tìm hiểu Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ. Hồ Chí Minh bày tỏ sự khâm phục trước tinh thần chiến đấu giành độc lập, giành “quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” của nhân dân Mỹ. Cũng trong thời gian ở Mỹ, dù chưa hiểu lắm về chính trị, nhưng do sự đồng cảm với những người cùng cảnh ngộ là dân mất nước, Hồ Chí Minh đã tham gia góp tiền để ủng hộ các chuyến trở về châu Phi của những người da đen ở khu Háclem (Niu Oóc)⁽¹⁾.

Khi ở nước Anh, Hồ Chí Minh đã từng rất xúc động khi biết tin một nhà ái quốc người Airolen do chống lại ách thống trị của đế quốc Anh mà bị bỏ tù và hy sinh⁽²⁾.

Hồ Chí Minh cũng từng sống ở Pháp liên tục trong gần 7 năm (từ cuối năm 1917 đến tháng 6-1923) và hiểu khá rõ về truyền thống văn hoá và cách mạng của nhân dân Pháp. Người đã bước đầu phân biệt bọn thực dân Pháp và

¹ Song Thành: *Sdd*, tr. 48.

² Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, H. 1970, tr. 26.

nhân dân tiến bộ Pháp khi nhận xét “người Pháp ở chính quốc tốt hơn người Pháp ở Đông Dương”. Người đánh giá cao ý nghĩa của Đại cách mạng Pháp năm 1789, với ngọn cờ tự do, bình đẳng, bác ái và lòng yêu nước của nhân dân Pháp.

Tư tưởng yêu nước, tiến bộ và tinh thần đấu tranh kiên cường cho độc lập tự do hạnh phúc của nhân dân các nước thuộc địa, của nhân dân Mỹ và nhân dân Pháp đã khích lệ thêm quyết tâm cứu nước, cứu dân của Hồ Chí Minh.

Khi đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp chuẩn bị về mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của một đảng mácxít ở Việt Nam trong những năm 1924-1927, Hồ Chí Minh đã có dịp tìm hiểu kỹ về Tôn Trung Sơn (Tôn Dật Tiên, Tôn Văn) và Chủ nghĩa Tam dân của ông. Người bày tỏ thái độ kính trọng đối với nhà cách mạng Tôn Trung Sơn - “người cha của cách mạng Trung Quốc”. Đồng thời, Người đánh giá cao tư tưởng dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc và ba chính sách lớn “liên Nga, liên cộng, ủng hộ công nông” của Tôn Trung Sơn và cho rằng chủ nghĩa này có ưu điểm là “chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta”⁽¹⁾. Sau này, khi cách mạng Việt Nam thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới ra đời, Hồ Chí Minh đã chọn “độc lập, tự do, hạnh phúc” làm tiêu ngữ của đất nước, tất nhiên là nội dung “độc lập, tự do, hạnh phúc” này đã được Người phát triển lên mức triệt để mang tính giai cấp (công nhân), tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc.

Ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin

Sự ra đời của chủ nghĩa Mác được đánh dấu bằng sự xuất hiện của tác phẩm bất hủ *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* (1848). Nội dung cơ bản của chủ

¹ Dẫn theo Võ Nguyên Giáp (chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. CTQG, H. 1997, tr. 43.

nghĩa Mác là chỉ ra sự tất yếu diệt vong của chế độ tư bản chủ nghĩa, thay vào đó sẽ là một chế độ xã hội mới không còn áp bức, bóc lột, bất công - chế độ cộng sản chủ nghĩa và giai cấp công nhân sẽ đảm nhận sứ mạng lịch sử vĩ đại này.

Ngay từ thời C.Mác và Ph.Ăngghen còn sống, chủ nghĩa Mác đã luôn phải đứng trước sự công kích của các nhà tư tưởng tư sản và các trào lưu tư tưởng cơ hội chủ nghĩa đủ mọi màu sắc trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Sau khi các ông qua đời, sự công kích này càng thêm quyết liệt. Đã xuất hiện những kẻ mượn danh chủ nghĩa Mác để cố ý xuyên tạc những nguyên lý mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề ra. V.I.Lênin chính là người đã kế thừa xuất sắc các nguyên lý của chủ nghĩa Mác và đứng ra tiến hành cuộc đấu tranh kiên định bảo vệ chủ nghĩa Mác, đồng thời bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện mới, khi chủ nghĩa tư bản đã phát triển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Một trong những bổ sung quan trọng của V.I.Lênin đối với C.Mác và Ph.Ăngghen là chỉ ra sự cần thiết phải kết hợp cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân với cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, chỉ ra trách nhiệm của giai cấp công nhân đối với việc giải phóng ách áp bức thuộc địa. Đây là vấn đề mà ở thời C.Mác và Ph.Ăngghen, lịch sử chưa đặt ra với tính cách là một vấn đề gay gắt cần phải được giải quyết.

Những kẻ chống lại chủ Mác - Lênin thường cắt rời câu của C.Mác và Ph.Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* “Công nhân không có tổ quốc”⁽¹⁾ để xuyên tạc rằng học thuyết của các ông không quan tâm đến vấn đề quốc gia dân tộc nói chung và chủ nghĩa yêu nước nói riêng. Những kẻ này đã không hiểu rằng, trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đang thống trị thì dù ở quốc gia nào, dân tộc nào, công nhân cũng đều chỉ là thân phận làm thuê, là công

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t. 4, Nxb. CTQG, H. 1995, tr. 623.

cụ thu lợi nhuận của nhà tư bản và bị áp bức, bóc lột nặng nề. Những kẻ xuyên tạc cũng cố ý quên rằng ở tiếp ngay sau câu viết trên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra rằng: “Người ta không thể cướp của họ cái mà họ không có. Vì giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu”⁽¹⁾. Điều này có nghĩa, muốn *có tổ quốc*, giai cấp công nhân phải lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, giành quyền làm chủ đất nước và phải phấn đấu trở thành đại biểu xứng đáng cho lợi ích chân chính của dân tộc.

Sau này, trong cuộc đấu tranh chống những trào lưu cơ hội, xét lại, Ph.Ăngghen cũng khẳng định lại: “Ở Đức, không một người xã hội chủ nghĩa nào lại nghi ngờ rằng trong trường hợp như vậy (tức khi nước Pháp bị quân đội nước ngoài xâm lược - TG), những người xã hội chủ nghĩa Pháp, không chút do dự, sẽ làm tròn nghĩa vụ của mình là bảo vệ nền độc lập dân tộc của mình; không ai chê trách họ về việc đó, mà trái lại, sẽ chỉ khen ngợi họ mà thôi”⁽²⁾.

Tiến xa hơn C.Mác và Ph.Ăngghen, khi trực tiếp đề cập đến phong trào đấu tranh yêu nước của các dân tộc thuộc địa, V.I.Lênin đã chỉ ra sự cần thiết phải kết hợp phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản phương Tây với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông: “Cuộc cách mạng xã hội *chỉ có thể tiến hành được* (chúng tôi nhấn mạnh - TG) dưới hình thức một thời đại kết hợp cuộc nội chiến của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản trong các nước tiên tiến, với cả *một loạt* phong trào dân chủ và cách mạng, kể cả những phong trào giải phóng dân tộc trong các nước chưa phát triển, lạc hậu và bị áp bức”⁽³⁾.

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Sdd*, t. 4, tr. 623.

² C.Mác và Ph.Ăngghen: *Sdd*, t. 38, tr. 664.

³ V.I.Lênin - J.Stalin: *Cách mạng giải phóng dân tộc*, Nxb Sự thật, H, 1969, tr 25.

Như vậy, trong học thuyết của mình, C.Mác, Ph.Ăngghen và nhất là V.I.Lênin đã dành sự quan tâm không ít cho vấn đề chủ nghĩa yêu nước, cụ thể hơn là chủ nghĩa yêu nước chân chính. Tuy nhiên, khi các trào lưu tư tưởng cơ hội chủ nghĩa đã làm biến tướng khẩu hiệu yêu nước và lợi dụng nó để tuyên truyền phục vụ lợi ích riêng của giai cấp tư sản thì các ông có thái độ rất thận trọng khi sử dụng các thuật ngữ “yêu nước”, “chủ nghĩa yêu nước”, trong các bài nói, bài viết, mà tập trung nhiều hơn vào việc đấu tranh phê phán các tư tưởng, quan điểm yêu nước cực đoan, hẹp hòi.

Có thể nói mục tiêu của Hồ Chí Minh khi quyết định ra đi tìm đường cứu nước là tìm kiếm một hệ phương pháp đúng đắn để khơi dậy và phát huy sức mạnh chủ nghĩa yêu nước của dân tộc. Khi ra nước ngoài “tìm hình của nước”, Người đi theo con đường “vô sản hoá”. Trong khi đó, giữa hành trang ban đầu của Hồ Chí Minh là chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc Việt Nam và chủ nghĩa Mác - Lênin cũng có những điểm tương đồng. Cả hai đều đánh giá cao vai trò, vị trí của tinh thần yêu nước; đều là những sự nghiệp giải phóng và gặp nhau ở sự nghiệp giải phóng cao cả nhất là giải phóng con người. Những điều này chính là tiền đề thuận lợi giúp Hồ Chí Minh khi tiếp xúc với chủ nghĩa Mác - Lênin đã nhanh chóng có sự gần gũi, đồng cảm và tin tưởng.

Hồ Chí Minh tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin lời giải bài toán làm thế nào để khơi dậy và phát huy một cách hiệu quả sức mạnh chủ nghĩa yêu nước của dân tộc - điều mà bấy lâu nay các thế hệ cha anh của Người vẫn ngày đêm trăn trở. Đó là phải có một đảng tiên phong được trang bị bởi một lý luận tiên phong - chủ nghĩa Mác - Lênin - để tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng; phải không ngừng xây dựng đảng trong sạch vững mạnh, xứng đáng với vai trò lãnh đạo cách mạng; phải xây dựng được mặt trận dân tộc thống nhất mà nòng cốt là liên minh công nông, tranh thủ đến mức cao nhất những lực lượng, tầng lớp, giai cấp có thể tranh thủ được, phân hoá, cô lập hàng ngũ

kẻ thù; phải biết cách chớp thời cơ khi tình thế cách mạng chín muồi và biết chủ động tạo thời cơ, thúc đẩy thời cơ chóng chín muồi; phải nắm vững nghệ thuật tiến hành khởi nghĩa vũ trang; phải kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đặt cách mạng giải phóng dân tộc trong mối quan hệ chặt chẽ với phong trào cách mạng quốc tế... Tóm lại, với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin chẳng những không loại trừ chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc mà còn nâng chủ nghĩa yêu nước này lên một tầm cao mới, một trình độ mới về chất, vừa chứa đựng tính dân tộc đậm đà, vừa bao hàm tính thời đại sâu sắc. Chính vì vậy, chúng ta hiểu được vì sao Hồ Chí Minh đã “vui mừng đến phát khóc lên” và reo lên: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”⁽¹⁾, khi Người được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin.

Sau này, khi đã qua một thời gian nghiên cứu, học tập sâu hơn về chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định giá trị to lớn của học thuyết này và con đường cách mạng đã được chỉ ra: “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”⁽²⁾.

Phẩm chất cá nhân Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là sản phẩm của tư duy độc đáo, sáng tạo và tình cảm nhiệt thành của bản thân con người Hồ Chí Minh. Do vậy, quá trình hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh cũng chịu tác động sâu sắc của phẩm chất cá nhân Hồ Chí Minh.

Trước hết, đó là tấm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc của Hồ Chí Minh. Tình yêu này sâu đậm đến mức đã trở thành động lực mạnh mẽ thôi thúc Người không quản việc rời xa quê hương và gia đình, quyết đi ra nước

¹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 10, tr. 127.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 9, tr. 314.

ngoài để tìm đường cứu nước cứu dân. Cũng chính vì tình yêu này mà Người đã tìm đến và hoàn toàn tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Bản thân Người cũng đã bộc bạch “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁽¹⁾. Và trọn đời Người đã nỗ lực phấn đấu cho ham muốn tột bậc này.

Thứ hai, đó là trí tuệ mẫn tiệp, tư duy độc lập, sáng tạo và sự nhạy cảm với cái mới của Hồ Chí Minh. Chính với trí tuệ sắc bén này mà Hồ Chí Minh dù rất khâm phục những hành động xả thân cứu nước của các bậc tiền bối nhưng không tán thành về cách làm của họ, từ chối không tham gia Đông du (một niềm vinh dự to lớn mà thanh niên thời đó không phải ai cũng dễ có được), để rồi lựa chọn riêng cho mình một con đường - sang phương Tây, đến tận sào huyệt của kẻ thù để tìm hiểu cách thức đánh bại kẻ thù. Cũng nhờ trí tuệ này mà Hồ Chí Minh đã kế thừa xuất sắc chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc; biết chắt lọc những tinh hoa, gạt bỏ những hạn chế trong tư tưởng yêu nước, giành độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc phương Đông và phương Tây để làm phong phú thêm kho tàng tri thức của bản thân. Trên hết, chính nhờ sự nhạy cảm đặc biệt mà Hồ Chí Minh đã tránh được khỏi những cạm bẫy của các trào lưu tư tưởng cơ hội chủ nghĩa khi đó đang khá phổ biến ở các nước châu Âu và tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn - điều mà nhiều nhà yêu nước Việt Nam thời đó, dù đã cố công tìm kiếm ở phương Đông hay phương Tây nhưng đã không làm được.

Thứ ba, đó là ý chí và nghị lực phi thường của Hồ Chí Minh. Trong hoàn cảnh một người dân thuộc địa hoàn toàn tay trắng, không được một sự hỗ trợ vật chất nào, không có bạn đồng hành nơi đất khách quê người, nhưng Hồ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 161.

Chí Minh vẫn quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, dù biết rằng con đường phía trước là vô cùng chông gai. Ý chí và nghị lực này cũng đã giúp Hồ Chí Minh đứng vững và vượt qua những khó khăn thử thách tưởng chừng như quá sức chịu đựng khi phải làm phụ bếp trên tàu thủy, hay khi phải đi cào tuyết giữa mùa đông giá lạnh để bảo đảm duy trì cuộc sống. Điều quan trọng hơn cả là ý chí và nghị lực này đã giúp Người dù trải qua gần 10 năm tìm đường cứu nước gian khổ nhưng vẫn giữ vững niềm tin vào quyết định ban đầu của bản thân, không dao động, không bi quan, chán nản, để rồi cuối cùng đến được với chủ nghĩa Mác - Lênin - chân lý của thời đại, tìm ra con đường cứu nước cứu dân.

Như vậy, trên cơ sở sự kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam, tư tưởng và cuộc đấu tranh chống ách áp bức dân tộc của nhân dân các nước phương Đông và phương Tây, chủ nghĩa Mác - Lênin và những phẩm chất cá nhân của chính bản thân Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đã được hình thành. Trong những cơ sở này, chủ nghĩa Mác - Lênin là yếu tố đóng vai trò quan trọng nhất. Bởi lẽ, nó đánh dấu bước ngoặt căn bản trong quá trình hình thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, đánh dấu bước chuyển về chất từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Dưới ánh sáng cách mạng, khoa học và nhân đạo của chủ nghĩa Mác- Lênin, gắn cuộc đấu tranh chống xâm lược giành độc lập dân tộc, từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những diễn biến của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã mài sắc và phát kiến lại chủ nghĩa yêu nước truyền thống, không chỉ tạo ra chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam trong thời đại mới- thời đại Hồ Chí Minh- mà còn hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện chủ nghĩa yêu nước mang tên Người- chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh.

2. Nội dung chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

2.1. Yêu cội nguồn lịch sử, bảo vệ văn hóa dân tộc

Văn hóa không tách rời dân tộc. Văn hóa trước hết là văn hóa của một dân tộc. Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, nhiều hy sinh gian khổ, nhưng hết sức vẻ vang của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Mỗi người từ tuổi ấu thơ, đều mang trong mình tình yêu gia đình, quê hương, xứ sở, xóm làng. Khi lớn lên, tình yêu đó được mở rộng ra, nâng cao lên thành tình yêu Tổ quốc (đất nước), yêu nhân dân. Tình cảm đó được cụ thể hóa bằng trách nhiệm của cá nhân với cộng- cộng đồng nhỏ là gia đình, làng xã; cộng đồng lớn là Tổ quốc. Khi đất nước lâm nguy, yêu nước thì phải cứu nước, đó là logic thông thường của mỗi người Việt Nam yêu nước.

Theo Hồ Chí Minh, “Việt Nam ta có hai tiếng Tổ quốc, ta cũng gọi Tổ quốc là *đất nước*; có đất và có nước, thì mới thành Tổ quốc. Có đất lại có nước thì dân giàu, nước mạnh”¹. Đất và nước là hai yếu tố cơ bản của nền nông nghiệp trồng lúa nước, trong đó gia đình là đơn vị kinh tế, làng xóm là cộng đồng cơ sở. Như vậy, nhà- làng- nước gắn bó mật thiết với nhau.

Khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh chỉ nung nấu một quyết tâm cháy bỏng: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi”. Khởi nguồn của quyết tâm đó là tình yêu lịch sử Việt Nam, văn hóa Việt Nam, đất nước và con người Việt Nam. Hơn ai hết, những tháng năm sống ở quê hương, đất nước, ngồi trên ghế nhà trường, Hồ Chí Minh đã có một say mê lịch sử nước nhà. Những câu chuyện về các bậc anh hùng liệt nữ của các thời kỳ phong kiến, các sĩ phu yêu nước thời Cần Vương luôn là niềm tự hào của cậu bé Nguyễn Sinh Cung. Sau nhiều năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Người càng thấu hiểu sâu sắc những giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc. Người dạy:

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.9, tr. 506

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.
Kể năm hơn bốn ngàn năm,
Tổ tiên rực rỡ anh em thuận hòa.
Hong Bàng là tổ nước ta,
Nước ta lúc đó gọi là văn Lang.

Ở đây, Hồ Chí Minh đã nhắc tới lịch sử bốn ngàn năm của dân tộc, gốc tích nước nhà, tổ tiên rực rỡ. Yêu nước, theo Hồ Chí Minh, trước hết phải biết và yêu lịch sử, bởi đó là cội rễ dân tộc. Lịch sử “dạy cho ta những chuyện về vang của tổ tiên ta. Dân ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước tiếng để muôn đời... Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”¹. Sau này, có lần Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “Coi chừng, có những người Việt Nam lại không hiểu rõ lịch sử, con người và những cái vốn rất quý báu của mình bằng những người nước ngoài. Nếu có tình hình như vậy, thì các chú làm công tác tuyên truyền giáo dục phải phụ trách”²

Hiểu lịch sử nước nhà càng làm cho mỗi người thấy rõ hơn quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của cha ông, thấy rõ hơn những giá trị bền vững tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà Hồ Chí Minh nhắc tới hai tiếng “đồng bào” với một thái độ trân trọng, mà theo Người thì ít nơi trên thế giới có một nhận thức sâu đậm, da diết đến như vậy. “Đồng bào” đối với mỗi người Việt Nam là vô cùng thiêng liêng, sâu thẳm tận đáy lòng, bởi từ đó sinh ra những con dân nước Việt, mà:

Dù ai đi ngược về xuôi

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.3, tr. 216-217.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.12, tr.556-557.

Nhớ ngày giỗ tổ mừng mười tháng ba

Yêu quý, trân trọng, giữ gìn lịch sử, văn hóa dân tộc là cần thiết, cần được đề cao, nhưng chưa đủ, dù đó là cội nguồn dân tộc. Điều cần thiết là đấu tranh bảo vệ văn hóa dân tộc. Từ truyền thống dân tộc, Hồ Chí Minh đã sớm coi văn hóa là một mặt trận quan trọng chống xâm lược. Người coi văn hóa là một mặt trận. Cả cuộc đời cách mạng của Người là cuộc đấu tranh chống thực dân, tức là chống một trở lực, một vết nhơ trên con đường tiến bộ, văn minh vì quyền con người, vì sự tiến bộ của nhân loại. Chống phản văn hóa gắn liền với bảo vệ văn hóa là điều Hồ Chí Minh trải suốt nửa thế kỷ. Người không chấp nhận một nền văn hóa Việt Nam đang bị đầu độc bằng rượu cồn và thuốc phiện, một thế hệ thanh niên Việt Nam đang dần chìm đắm, xa rời niềm tự tôn dân tộc. Bởi vì, nếu như thế thì Đông Dương sẽ chết mất. Thông qua lời than vãn của Bà Trưng Trắc, Hồ Chí Minh đã phê phán vua Khải Định quên cả những phong tục của tổ tiên như thắp hương vào những tiết đầu xuân, đầu thu, dâng lên hương án hoa quả đầu mùa và cúng cơm mới- mặc dù là nghi lễ cổ hủ- nhưng “chỉ còn độc nghĩa vụ đó là mi còn làm được với tổ tiên”. Hồ Chí Minh đau khổ vì lũ vua quan khốn khổ mà “nhân dân ngập mãi trong vũng lầy dốt nát và tôi đòi khốn nạn”.

Ngay trong khi lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ tầm quan trọng của văn hóa và Người đã dự định xây dựng nền văn hóa dân tộc với những nội dung về tâm lý dân tộc: tinh thần độc lập tự cường; luân lý dân tộc: biết hy sinh mình làm lợi cho quần chúng; những vấn đề xã hội: mọi sự nghiệp liên quan tới phúc lợi của nhân dân; chính trị: dân quyền. Tâm lý dân tộc là nội dung quan trọng hàng đầu của văn hóa. Khi một dân tộc đã mang sẵn tâm lý tự ty, nô lệ, sợ sức mạnh của kẻ thù thì mất dân tộc rất mau. Ngược lại, một dân tộc đã có ý thức tự lực tự cường, độc lập tự chủ, “thấy sóng cả không ngã tay chèo”, thì dân tộc đó dù có phải trải qua nhiều hy sinh gian khổ, nhưng cuối cùng nhất định thắng lợi. Chủ nghĩa

yêu nước Hồ Chí Minh chứa đựng sâu sắc tâm lý tự cường dân tộc và truyền được tâm lý đó cho tất cả con dân nước Việt. Vì vậy, chúng ta đã thành công trong sự nghiệp đấu tranh giành chính quyền cách mạng.

Trước Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức tôn giáo là một yếu tố của văn hóa. Vì vậy, Người rất chú ý tới văn hóa tâm linh, tôn trọng phong tục tín ngưỡng của dân và bảo tồn cổ tích. Hồ Chí Minh đã sớm ban hành sắc lệnh về việc bảo tồn cổ tích trong toàn cõi Việt Nam, bao gồm đình chùa, đền miếu, cung điện, thành quách, lăng mộ, bia ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính chất tôn giáo. Văn hóa vật chất của người Việt phong phú và đa dạng. Hồ Chí Minh ý thức rõ điều này. Người coi Viện Bảo tàng là một cuốn sử sống. Xem Viện Bảo tàng một lần cũng bằng học một pho lịch sử.

Người đặc biệt quan tâm việc bảo vệ tiếng nói dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Theo Người, ta có tiếng nói của ta mà không dùng, lại thích dùng tiếng nước ngoài là mang đầu óc nô lệ. Tuy nhiên, nhận thức của Hồ Chí Minh về tiếng nói vừa cách mạng vừa khoa học. Theo Người, mất tiếng nói dân tộc là mất hết. Tuy nhiên, không cứng nhắc, máy móc. Những tiếng nước ngoài đã được Việt hóa, ăn sâu vào văn hóa dân tộc, chứa đựng một ý nghĩa, sức mạnh sâu xa thì vẫn sử dụng. Đó chính là một chủ nghĩa yêu nước chân chính, sáng suốt. Một tư tưởng xuyên suốt của Người là phải tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Hồ Chí Minh nhắc nhở mọi người rằng “các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Dựng nước là lập ra nước Văn Lang, Âu Lạc, là xây đắp lịch sử, văn hóa của đất nước. Giữ nước

bao hàm cả giữ gìn và vun bồi văn hóa dân tộc, phát triển thuần phong mỹ tục, phát huy cốt cách dân tộc. Chính những điều tưởng nhỏ như yêu ruộng vườn, tình gắn bó với quê hương đất nước, yêu nơi chôn rau cắt rốn của mình, quý trọng tiếng nói, phong tục tập quán, v.v.. lại tạo nên cái lớn như “từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối thành sông. Biết bao giọt nước nhỏ hợp lại mới thành biển cả. Một pho tượng hay một lâu đài cũng phải có cái nền rất vững chắc mới đứng vững được. Nhưng người ta dễ nhìn thấy pho tượng và lâu đài mà không chú ý đến cái nền. Như thế là chỉ thấy cái ngọn mà quên mất cái gốc”. Một dân tộc phải có và giữ được cái cốt cách và bản lĩnh văn hóa. Đó là gốc. Gốc có vững cây mới bền.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất trong việc giữ gìn, đấu tranh bảo vệ văn hóa là đấu tranh vì quyền con người, trả lại cho mỗi người một cuộc sống xứng đáng với cuộc sống làm người, cuộc sống có văn hóa. Đây là một trong những nội dung quan trọng nhất trong chiều sâu chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Bởi vì chỉ từ khi có ánh sáng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin. Hồ Chí Minh được trang bị thêm một vũ khí không gì thay thế được để đấu tranh cho quyền công dân, quyền con người. Dân quyền là một mặt quan trọng trong văn hóa chính trị Hồ Chí Minh. Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và sự nghiệp văn hóa hòa quyền trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh. Sự nghiệp đó toát lên chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh hết sức cao cả, trong sáng. Bởi vì dân quyền là lẽ phải, điều hiển nhiên, quyền trời cho không ai có thể xâm phạm. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh có giá trị thời đại khi Người khẳng định quyền con người như một chân lý, một lẽ phải không ai có thể chối cãi được.

2.2. Lấy dân làm gốc, gắn bó chặt chẽ dân với nước

Hồ Chí Minh luôn nhất quán giữa tư duy và tình cảm, giữa lý luận và thực tiễn tư tưởng lấy dân làm gốc, gắn liền dân với nước. Tư tưởng coi trọng

vị trí, vai trò của dân, coi dân là gốc và lấy dân làm gốc là một trong những tinh hoa giá trị của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam và của văn hóa phương Đông. Kế thừa những nét đẹp của các giá trị truyền thống, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò, vị trí của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Chính vì nhận thức sâu sắc vai trò gốc rễ của quần chúng, nên ngay sau khi được ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin soi đường, Hồ Chí Minh xác định câu trả lời rõ ràng là “trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”¹.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn luôn quán triệt sâu sắc bài học dân là gốc và lấy dân làm gốc trong chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Người khẳng định:

“Nước lấy dân làm gốc.

...

Gốc có vững cây mới bền,

Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”².

Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở mức độ kế thừa những tinh hoa giá trị truyền thống thì Hồ Chí Minh cũng chỉ trở thành một người yêu nước như bao nhiêu người Việt Nam yêu nước trước đó và cũng chỉ nằm trong phạm trù của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, không thể gọi là chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Thực tế cho thấy, Hồ Chí Minh đã vượt lên trên các nhà yêu nước trước đó, cả những sĩ phu yêu nước thời cận đại như Phan Bội Châu ở khả năng sáng tạo thiên tài, với một nội dung mới, chất lượng mới. Trong khi trân trọng hấp thụ, kế thừa truyền thống “trọng dân”, “lấy dân làm gốc” của cha ông, Hồ Chí Minh đã có những bổ sung, phát triển làm nên một diện mạo mới, một chất mới từ những quan niệm truyền thống.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr. 192.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.5, tr. 409-410.

Trước hết, khái niệm “dân” trong quan niệm của Hồ Chí Minh có sự khác biệt với khái niệm “dân” trong quan niệm của các nhà tư tưởng trước kia. Trong quan niệm truyền thống, khái niệm “dân” là để chỉ những người thuộc đẳng cấp thấp kém nhất trong xã hội, để phân biệt vua quan với giới quý tộc. “Dân” là những người bị trị. Vua là con trời và tuân lệnh trời, thay trời trị dân. Các quan là cha mẹ dân, có trách nhiệm thay trời “nuôi” dân, “chăn” dân. Cuộc sống của muôn dân sướng hay khổ, vui hay buồn đều phụ thuộc vào lòng tốt, sự ban ơn của bề trên là thiên tử, các quan phụ mẫu.

Nhưng với Hồ Chí Minh thì “dân” được hiểu theo một nghĩa rộng, là toàn bộ con dân nước Việt, con Lạc cháu Hồng, không phân biệt già, trẻ, gái trai, giàu nghèo, miễn là những người có tinh thần yêu nước. Theo Người, “Nhân dân là bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những phần tử khác yêu nước”¹. Quan niệm rộng rãi về nội hàm của khái niệm “dân” như vậy đã tạo cơ sở phương pháp luận quan trọng để thành lập mặt trận dân tộc thống nhất, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tranh thủ đến mức cao nhất những lực lượng, những người ít nhiều có tinh thần yêu nước đứng vào hàng ngũ cách mạng, phân hóa, cô lập cao độ những thế lực phản động thù địch.

Hồ Chí Minh cho rằng nhân dân có vị trí quý nhất và là lực lượng mạnh nhất. Bằng tư duy triết học phương Đông – vũ trụ có ba ngôi lớn (Tam hoàng) là Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhân hoàng, Người coi con người là một ngôi lớn sánh với Trời và Đất: Trong bầu trời không gì quý bằng bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”².

Sâu sắc hơn, Hồ Chí Minh cho rằng, chẳng những dân không phải là những người *bị trị*, mà họ là những người có vị thế là *chủ* và *làm chủ*. Còn những người làm việc trong bộ máy nhà nước, từ một nhân viên bình thường

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.7, tr. 219.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.8, tr. 276.

cho đến Chủ tịch nước cũng *chỉ* là và *phải* là “công bộc”, đầy tớ của dân, có trách nhiệm tận tình phục vụ dân, chứ không phải là những kẻ “đề đầu cưới cổ dân”, ban phát ân huệ cho dân như trong xã hội cũ. Người chỉ rõ: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”¹.

Thứ hai, từ sự bổ sung, phát triển quan niệm mới về dân như trên, Hồ Chí Minh chỉ ra vai trò tích cực, chủ động của người dân trong hoạt động thực tiễn, trong sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần. Theo Người, mọi việc đều do Người làm ra. Có dân là có tất cả. Khi bàn về “dân”, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh có hạt ngọc lung linh tỏa sáng là chất cách mạng và khoa học và nhân đạo. Người chỉ rõ, nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Dân như nước mình như cá. Lực lượng bao nhiêu, lực lượng vô tận là nhờ ở dân hết. Lãnh tụ không có quần chúng thì không làm gì được. Trong mọi việc đều phải dựa vào quần chúng v.v.. Điều có ý nghĩa sâu sắc là Hồ Chí Minh đã đảo lại “thế đứng” cho người dân, từ chỗ bị chèn dặt trở thành người chủ; xưa quan là phụ mẫu, thì nay, Đảng là đầy tớ của dân. Trong Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng Lao động Việt Nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy, không sợ nhiệm vụ nào dù nặng nề nguy hiểm đến mấy, nhưng Đảng Lao động Việt Nam sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”². Từ nhận thức có tính cách mạng đó, khi lý giải mối quan hệ giữa quần chúng nhân dân với Đảng, Hồ Chí Minh cho rằng “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.6, tr. 515.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.6, tr. 185.

nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác- Lênin”. Trước lúc vĩnh biệt chúng ta, Người dặn lại: “Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”¹.

Thứ ba, khi đề xướng dân là gốc và nước lấy dân làm gốc, thực chất các nhà tư tưởng phong kiến quan tâm nhiều hơn đến việc bảo vệ vương triều phong kiến. Tức là họ nhằm tới sự hưng thịnh cho giai cấp bóc lột, chứ không phải phục vụ quần chúng nhân. Quần chúng, suy đến cùng chỉ là công cụ, phương tiện trong tay kẻ cầm quyền để mưu lợi và duy trì, củng cố địa vị thống trị. Với Hồ Chí Minh, dựa vào dân, lấy dân làm gốc hoàn toàn không phải là một khẩu hiệu, một “thủ đoạn” chính trị, mà đó thật sự đó là một tư tưởng, một chiến lược cách mạng. Người coi dân là động lực vĩ đại nhất của cách mạng và phấn đấu vì lợi ích của dân là mục đích cao nhất của Đảng và Nhà nước. Chỉ với chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh mới có thể khẳng định: “Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”²

Rõ ràng, so với quan niệm truyền thống về “dân”, quan niệm của Hồ Chí Minh đã vượt lên cả nội hàm khái niệm và vị thế thực tại. Hồ Chí Minh đã phát kiến lại quan niệm về dân một cách rộng mở, trả lại vị thế thực sự của dân, từ thụ động tiêu cực trở thành chủ động tích cực; từ công cụ, phương tiện duy trì quyền lực của giới thống trị trở thành gốc đúng nghĩa và là chủ, làm chủ đất nước. Đây là một tư tưởng lớn vừa mang tính nhân văn cao cả, vừa có ý nghĩa chiến lược sâu sắc, là một trong những đóng góp xuất sắc của Hồ Chí Minh vào kho tàng của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Từ xưa, khi bàn về dân, các nhà tư tưởng thời phong kiến cũng đã lý giải mối quan hệ giữa dân, nước (xã tắc) với vua. Nhưng chủ nghĩa trung quân mang nặng dấu ấn chỉ thấy vua và dòng họ đương quyền mà không thấy nước

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 505.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.5, tr. 65.

(dân tộc và lãnh thổ). Vua là con trời cai quản, chăm lo cho sự vững bền của đất nước và sự ấm no của muôn dân. Dân và nước thuộc về vua. Vua chính là biểu tượng tiêu biểu nhất của một quốc gia độc lập, có chủ quyền, là niềm tự hào của muôn dân. Ngược lại, khi nước mất độc lập thì cũng đồng nghĩa là ngôi vua không còn và quyền cai quản đất nước cùng muôn dân cũng bị rơi vào tay những kẻ thống trị ngoại bang. Nhìn chung, trong trật tự xã hội phong kiến, trung quân và ái quốc gắn bó chặt chẽ với nhau. Yêu nước là phải trung với vua. Trung với vua cũng có nghĩa là yêu nước. Phản vua tức là phản nước, đều bị xử cực hình tàn khốc. Còn dân là gốc chỉ trên danh nghĩa. Khi ngôi vua bị đe dọa thì dân là lực lượng được huy động để bảo vệ ngai vàng. Vì trung quân theo kiểu “ngu trung” như vậy, nên khi vua đại diện cho danh dự dân tộc thì trung vua và yêu nước và như vậy chứa yếu tố tích cực. Nhưng khi vua bán nước mà thân dân vẫn “trung quân” thì trung quân đó là phản bội dân tộc. Đây là một hạn chế lớn của tư tưởng Nho giáo, của chủ nghĩa yêu nước “trung quân”.

Tuy nhiên, thời phong kiến cũng có những vị vua hiền minh như Lý Thường Kiệt, những nhà tư tưởng tiến bộ, vượt lên những ràng buộc của giáo điều “trung quân” Nho giáo như Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi là tôi nhà Hồ nhưng đã dứt bỏ nhà Hồ đi về với Lê Lợi khi khởi nghĩa Lam Sơn còn trong trứng nước. Có thể xem Nguyễn Trãi là nhà tư tưởng tiến bộ nhất thời phong kiến ở Việt Nam, với tư tưởng nhân nghĩa nổi bật, chứa đựng nội dung lớn về quan hệ giữa dân và nước. Đứng trước cảnh “thui dân đen trên lò bạo ngược, hãm con đỏ dưới hố tai ương” thì Nguyễn Trãi cho rằng, cứu nước trước hết phải trừ cường bạo, phải cứu dân, yên dân. Tư tưởng “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân” là điểm sáng trong tư tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi cho thấy mối quan hệ giữa nước với dân chứ không phải chỉ nước là vua và vai trò của dân trong sự trường tồn của đất nước. Tuy nhiên, mọi sự bứt phá của Nguyễn Trãi vẫn không thể thoát hẳn ra khỏi hệ quy chiếu của dòng tư tưởng chủ lưu

phong kiến. Hạn chế lịch sử và thời đại là không thể tránh khỏi. Nguyễn Trãi vẫn chú trọng vai trò của vua đối với thần dân và đất nước. Vai trò của dân vẫn là thụ động, được ban phát ân huệ từ các bậc vua quan.

Bước sang thời cận đại, khi bắt đầu chống thực dân phương Tây, tuy bị chi phối bởi tư tưởng Nho giáo mà triều đình phong kiến là giai cấp thống trị, một số tấm gương tiêu biểu nổi lên như Trương Định, Hồ Huân Nghiệp, Trần Tấn, Đặng Như mai... không chịu tuân lệnh triều đình bãi binh, mà cứ tiếp tục kháng Pháp, thậm chí “đánh cả Triều (đình) lẫn Tây”. Đầu thế kỷ XX, do được tiếp thu những tư tưởng mới từ phương Tây, gương mặt tiêu biểu như Phan Bội Châu đã đưa ra một quan niệm rõ hơn về mối quan hệ giữa dân và nước. Đặt vấn đề: “Nước ta mất bởi vì đâu?, ông cho rằng một trong ba nguyên nhân là:

“Ba là dân chỉ biết dân

Mặc quân với quốc, mặc thân với ai”¹.

Ông xác định, đối với đất nước và con người Việt Nam thì “Dân là dân nước, nước là nước dân”². Như vậy, trong quan niệm của Phan Bội Châu, dân và nước có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau: dân là người của nước và nước là của người dân. Tuy nhiên, một trong những hạn chế lớn của Phan Bội Châu là quan niệm về dân còn hạn hẹp. Ông không thấy được hai lực lượng lớn, đông đảo nhất, cách mạng nhất là công nhân và nông dân và vai trò của họ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Kế thừa những quan điểm tiến bộ của các nhà yêu nước thời trước, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Do nhiều người nhóm lại mà thành làng. Do nhiều làng

¹ Chương Thâu: *Phan Bội Châu- Nhà yêu nước, nhà văn hóa lớn* (Tái bản có bổ sung), Nxb.Nghệ An, 2005, tr. 243.

² Phan Bội Châu: Sdd, tr. 243.

nhóm lại mà thành nước... Người là gốc của làng nước”¹. Tiến xa hơn, Người nhấn mạnh:

“Dân ta phải giữ nước ta,

Dân là con nước, nước là mẹ chung”²

Nếu Phan Bội Châu mới chỉ bàn tới bên ngoài, dưới góc nhìn “sở hữu” của mối quan hệ nước- dân, thì Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở đó, tức là cũng nói tới mối quan hệ “sở hữu”, mà còn khẳng định trách nhiệm của người dân đối với nước. Trách nhiệm nước- dân được hiểu như trách nhiệm mẹ- con. Nước (mẹ) phải có trách nhiệm với dân (con) và con (dân) cũng phải có trách nhiệm với mẹ (nước). Thực hiện trách nhiệm này là thể hiện mối quan hệ khăng khít giữa nước với dân.

Vượt lên trên hết, Hồ Chí Minh đã đề xướng một quan điểm rất mới mẻ, một triết lý nhân sinh sâu sắc về mối quan hệ giữa nước với dân, đó là “Trung với nước, hiếu với dân”. “Tư tưởng chủ yếu của người Việt Nam không phải là trung quân, mà là yêu nước; vua đến rồi đi, triều đại dựng lên rồi đổ xuống; còn vĩnh viễn là đất nước của nhân dân cho nên lời dạy “trung với nước, hiếu với dân” của Hồ Chủ tịch vào tâm trí mỗi người chúng ta một cách rất tự nhiên”³. Đó là trách nhiệm của dân đối với nước. Còn trách nhiệm của nước với dân thì sao? Hồ Chí Minh viết: “Nếu không có Chính phủ thì không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì”⁴.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.5, tr. 98-99.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr. 486.

³ Trần Văn Giàu: Sdd, tr.149-150.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr. 56.

Như vậy, từ chỗ xác định dân là hạt nhân của đất nước, tiến đến xem dân là con của nước và tiến xa hơn nữa coi việc dân được hưởng hạnh phúc tự do là tiêu chí quan trọng nhất của một nước độc lập. Đó là các cung bậc cao thấp khác nhau về quan hệ giữa dân và nước, thể hiện bước phát triển mới về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Rõ ràng, so với quan niệm của các nhà yêu nước tiền bối, quan niệm của Hồ Chí Minh đã hơn hẳn về chiều sâu tư tưởng và giá trị nhân văn đạo đức.

2.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc

Xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử cụ thể, đoàn kết là một triết lý lớn của dân tộc:

“Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”.

Hoặc:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Giai đoạn Văn Lang- Âu Lạc, những truyện yêu nước của dân tộc ta như truyện Sơn Tinh là truyện nhân dân đoàn kết chống thủy tai. Đến thời kỳ các nhà nước phong kiến độc lập, lòng yêu nước dẫn đến đoàn kết, tạo sức mạnh to lớn chiến thắng các loại kẻ thù lớn mạnh hơn ta nhiều lần.

Trong giai đoạn lịch sử cận đại, chống thực dân đế quốc, sức mạnh đoàn kết của dân tộc đứng trước thử thách lớn. Vấn đề không đơn thuần chỉ là “vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận”, hoặc “chiến sĩ một lòng phụ tử. Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”. Yêu nước, căm thù xâm lược, khát vọng độc lập chưa đủ cổ kết sức mạnh dân tộc. Nhiều vấn đề được đặt ra để giải bài toán đoàn kết khi một thời đại mới đã đến từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười; khi phải chống một kẻ thù mới là chủ nghĩa thực dân- con đẻ của của chủ nghĩa đế quốc; khi giai cấp công nhân đã đứng ở trung tâm của thời đại;

và đặc biệt, khi nhiệm vụ lịch sử đang đặt lên vai các dân tộc thuộc địa phải vùng lên thực hiện sứ mệnh giải phóng. Đến lúc này, chủ nghĩa Mác- Lênin vẫn là ánh sáng soi đường cho các dân tộc đi tới giải phóng với ý nghĩa là kim chỉ nam cho hành động của các dân tộc. Nhiều vấn đề nóng bỏng của thuộc địa không có trong sách vở của học thuyết Mác- Lênin.

Những gương mặt tiêu biểu như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã không thể tạo nên được sức mạnh đoàn kết thật sự trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh đã xuất hiện đúng lúc và kịp thời đáp ứng các yêu cầu của lịch sử. Trước hết, trong khi khai thác triệt để lòng nồng nàn yêu nước của dân ta, Hồ Chí Minh coi đoàn kết là một bài học lớn liên quan tới thành bại của cách mạng. Theo Người, khi nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì thành công, ngược lại khi nào không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn. Từ đó, Người coi đoàn kết là một yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là một chiến lược cách mạng.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin, Hồ Chí Minh xác định giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Vì vậy, vấn đề đoàn kết đòi hỏi một lý luận cách mạng và khoa học và phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam thuộc địa. Cả hai điều này chưa bao giờ cần thiết và được đặt ra trong truyền thống dân tộc. Còn đối với các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác- Lênin thì các ông mới vạch ra được những định hướng lớn, còn thực tiễn thuộc địa, vẫn còn là một khoảng trống khá lớn.

Đại đoàn kết trong chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là tập hợp mọi lực lượng, mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt già trẻ, gái trai, lứa tuổi, thành phần giai cấp, tôn giáo. Tức là đoàn kết mọi con dân nước Việt, con Rồng cháu Tiên. Theo Người, “bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ

chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”. Tuy nhiên, trong thời đại mới, sức mạnh đại đoàn kết phải được thực hiện qua tổ chức, một tổ chức thật sự vững chắc về quy mô cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Thời kỳ các nhà nước phong kiến độc lập cũng có tổ chức, nhưng chủ yếu đó là tổ chức các làng xã, tổ chức trong quân đội triều đình. Thời đại mới đòi hỏi tổ chức phải là Mặt trận dân tộc thống nhất. Hồ Chí Minh đã có ý thức sớm về sức mạnh của tổ chức. Vì vậy, khi chưa có Đảng, Người cũng đã quan tâm tới việc xây dựng các tổ chức công nhân, nông dân ở nước ngoài. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cùng với công tác xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh chú trọng xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, tiêu biểu là Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận tồn tại và phát triển theo những nguyên tắc nhất định. Trước hết, đó là tổ chức chính trị tự nguyện rộng rãi của quần chúng với mục đích: “Trên vì nước, dưới vì nhà, một là ích nước, hai là lợi dân”. Mặt trận phải do Đảng Cộng sản với tư cách là một thành viên của mặt trận, lãnh đạo. Đảng không phải áp đặt sự lãnh đạo đối với Mặt trận, mà lãnh đạo phải bằng đường lối, chính sách đúng; phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và trung thành nhất của mặt trận. Đoàn kết rộng rãi các đảng phái, tôn giáo, các nhân sĩ trí thức trên nền tảng liên minh công nông. Đoàn kết lâu dài, thật sự, thân ái, chân thành, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Gắn đoàn kết với công tác, thông qua công tác mà thực hành đoàn kết, đoàn kết nhằm đẩy mạnh công tác. Đoàn kết gắn với đấu tranh, bằng cách tự phê bình và phê bình.

Triết lý đoàn kết Hồ Chí Minh cho thấy đoàn kết là then chốt của thành công; đoàn kết là điểm mẹ, điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt. Thắng lợi của cách mạng tỷ lệ thuận với khả năng đoàn kết; càng đoàn kết thì càng thành công. Và đoàn kết phải bao hàm cả đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, ba nội dung đoàn kết này gắn bó mật thiết với nhau. Theo Người, đoàn kết đi tới thành công trở thành chân lý của thời

đại: một dân tộc dù nhỏ yếu, nhưng nếu biết đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của một Đảng chân chính cách mạng, theo đúng đường lối Mác- Lênin thì nhất định sẽ đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

2.4. Không có gì quý hơn độc lập, tự do

Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, lịch sử Việt Nam luôn là những cuộc khảo nghiệm khát khe và để lại một tấm gương phản chiếu chân thực về lòng khát khao độc lập tự do. Điều này đã được Hồ Chí Minh cảm nhận từ tuổi thiếu niên nhờ khảo sát thực tiễn và đọc sử sách nước nhà. Bàn về lịch sử đất nước, Người đã chỉ ra rằng “tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn”. Theo Người, “nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh, nước Nam đã thắng (phong kiến Trung quốc)”. Trong giai đoạn chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh cũng có một tổng kết đặc sắc: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc dục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”.

Tuy nhiên, khi phải chống kẻ thù mới với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong thời đại mới, chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện và giai cấp công nhân đứng ở trung tâm của thời đại, trở thành một động lực của sự phát triển nhân loại, thì chỉ có tinh thần yêu nước, căm thù xâm lược và lòng khát khao độc lập tự do là chưa đủ để giành độc lập dân tộc và càng không thể đảm bảo cho độc lập dân tộc bền vững. Lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX trải qua một quá trình thử nghiệm mọi con đường cứu nước, để cuối cùng qua Hồ Chí Minh, tìm được con đường cứu nước đúng đắn. Đó là

độc lập dân tộc gắn với lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Trong truyền đơn cổ động mua báo *Le Paria* (viết đầu năm 1923), Hồ Chí Minh khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”¹.

Độc lập dân tộc gắn liền với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, nhưng trước hết là phải giành cho kỳ được độc lập dân tộc. Dưới chế độ thuộc địa, nếu không giành được độc lập dân tộc thì sẽ không có gì hết. Dân tộc là sản phẩm của lịch sử sẽ tồn tại lâu dài. Theo Phạm văn Đồng, “hành trình của Hồ Chí Minh làm nổi rõ dân tộc là chỗ xuất phát, là đối tượng và địa bàn hoạt động. Dưới ánh sáng của học thuyết Mác- Lênin và được trang bị bằng chủ nghĩa quốc tế vô sản, từng dân tộc dần dần biến đổi về chất và lớn lên, làm sống lại và phát huy truyền thống trong quá khứ, làm chủ hiện tại và xây dựng tương lai của mình”. Dân tộc trong quan điểm Hồ Chí Minh chứa đựng tâm lý, luân lý, vốn chính trị, xã hội, văn hóa, tinh thần, tâm hồn dân tộc. Những vốn quý báu đó của dân tộc đọng lại trong nhiều trang sử, truyền thuyết, phong tục tập quán, ca dao, tục ngữ... mà công lao thuộc về các vua Hùng, còn chúng ta có trách nhiệm nhớ quá khứ xa xưa để làm tốt công việc hôm nay.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã tìm thấy sự giải phóng từ sức mạnh ý chí độc lập, lòng khát khao tự do của dân tộc định hướng theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Ngay từ năm 1930, khi Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời, Hồ Chí Minh đã khẳng định đường lối đó: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Giai đoạn từ 1930 đến năm 1945, mục

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H, 1995, t.1(phần Phụ lục), tr. 461.

tiêu trực tiếp, trước hết là độc lập dân tộc, nhưng độc lập dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội tuy chỉ là định hướng tiến lên của độc lập dân tộc, nhưng lại có ý nghĩa to lớn, làm cho sự nghiệp giành độc lập dân tộc triệt để, sâu sắc và lớn mạnh hơn bao giờ hết. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 là minh chứng hùng hồn cho tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khi bàn về “Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh”, Phạm Văn Đồng phân tích: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Độc lập, tự do ở đây là độc lập của dân tộc, tự do của nhân dân, của con người. Độc lập đi liền với tự do là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Rõ ràng lời nói này là sự kết tinh những khát vọng thiết tha và cao đẹp nhất của mọi con người và mọi dân tộc, bởi nó khẳng định một chân lý vĩnh cửu...”¹. Như vậy, không có gì quý hơn độc lập, tự do là sự đúc kết tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng này là sợi chỉ đỏ xuyên suốt sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh từ khi Người được chủ nghĩa Mác- Lênin soi sáng đến tận cuối đời. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là “đề tài” duy nhất trong cuộc đời của nhà cách mạng chuyên nghiệp Hồ Chí Minh. Ngay từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Người đã nói rõ: nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của độc lập tự do khi ăn no, mặc đủ.

Trước hết, tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa độc lập và hạnh phúc, tự do.

Chủ nghĩa Mác- Lênin đã bàn tới lý luận cách mạng không ngừng. Theo Các Mác, đối với những người cộng sản, vấn đề không phải là cải biến chế độ tư bản mà là xóa bỏ nó, không phải là làm lu mờ những đối kháng giai

¹ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*., Nxb. CTQG, H, 1993, tr. 133.

cấp mà là xóa bỏ những giai cấp, không phải là cải biến xã hội hiện hành mà là xây dựng một xã hội mới. Do đó khẩu hiệu chiến đấu của chúng ta phải là “cách mạng không ngừng”. V.I. Lênin sống trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, tức là thời đại của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Trong điều kiện đó, Lênin tiếp tục khẳng định lý luận cách mạng không ngừng của C. Mác, đồng thời trình bày một cách cụ thể lý luận về cách mạng không ngừng. Theo Lênin, cách mạng không ngừng phải trải qua hai giai đoạn: giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ và giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, giữa hai giai đoạn cách mạng đó không có một bức tường thành nào ngăn cách. Điều đó có nghĩa là giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ làm tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa và giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ.

Đối với cách mạng Việt Nam, từ năm 1930, Hồ Chí Minh đã xác định các giai đoạn cách mạng: dân tộc (tư sản dân quyền) dân chủ (thổ địa) và chủ nghĩa cộng sản (giai đoạn thấp là xã hội chủ nghĩa). Đến năm 1951, tại Đại hội lần thứ II của Đảng, Người khẳng định lại các giai đoạn đó là đấu tranh thống nhất và độc lập hoàn toàn, lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến tới chủ nghĩa xã hội. Năm 1953 khi bàn về “con đường giải phóng”, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập, thì nhân Việt Nam tiến lên con đường giải phóng đúng đắn. Tính chất thuộc địa và phong kiến của xã hội cũ Việt Nam khiến cách mạng Việt Nam phải chia làm hai bước. Bước thứ nhất là đánh đổ đế quốc, đánh đổ phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”, xây dựng chính trị và kinh tế dân chủ mới. Bước thứ hai là tiến lên chủ nghĩa xã hội, tức là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Cách trình bày đó cho thấy hai giai đoạn cách mạng có mối quan hệ mật thiết với nhau, nhưng có thứ tự trước sau: độc lập, thống nhất là nhiệm vụ trước mắt, hàng đầu; từng bước thực hành dân chủ. Hoàn thành tất cả các nhiệm vụ đó cũng có nghĩa xây dựng điều kiện để tiến tới chủ nghĩa xã

hội. Nói hai bước là trình bày một cách tổng quát. Còn đi vào cụ thể, Hồ Chí Minh chỉ rõ “mục đích của Đảng là lãnh đạo nhân dân *kháng chiến* thắng lợi, *kiến quốc* thành công, thực hiện *dân chủ mới*, tiến đến *chủ nghĩa xã hội*, rồi đến *chủ nghĩa cộng sản*”.

Vấn đề đặt ra là tại sao độc lập dân tộc lại là mục tiêu trước mắt? Điều này căn cứ vào việc xác định tính chất của cách mạng Việt Nam và mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam. Trước năm 1945, Việt Nam là xã hội thuộc địa, mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa một bên là thực dân Pháp xâm lược và bên kia là toàn thể dân tộc Việt Nam. Mâu thuẫn đó bao trùm và giằng xé các mâu thuẫn khác. Cách mạng Việt Nam phải tập trung toàn bộ trí lực vào việc giải quyết mâu thuẫn chủ yếu đó, tức là phải giành cho được độc lập dân tộc. Nếu không giành được độc lập thì không có gì hết. Ngay vấn đề dân chủ cũng phụ thuộc vào vấn đề dân tộc. Vì vậy, nhiệm vụ chống phong kiến phải rải ra từng bước và phục tùng nhiệm vụ dân tộc. Quyền lợi dân tộc không được giải quyết thì quyền lợi giai cấp, bộ phận không bao giờ thực hiện được. Tuy nhiên, để thúc đẩy nhiệm vụ dân tộc, phải từng bước thực hiện nhiệm vụ dân chủ để động viên sức người, sức của toàn dân tộc.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, cách mạng Việt Nam vẫn thuộc phạm trù cách mạng giải phóng dân tộc. Nhiệm vụ hàng đầu vẫn phải giải quyết vấn đề dân tộc và dân chủ. Tuy nhiên, lúc này không phải là giành độc lập dân tộc mà là bảo vệ độc lập dân tộc, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Trong điều kiện Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ dân tộc đã hàm chứa cả nhiệm vụ dân chủ và thực hiện nhiệm vụ dân chủ là thúc đẩy nhiệm vụ dân tộc. “Xưa nay, một phong trào dân tộc thật sự bao giờ cũng chứa đựng một nội dung dân chủ nhất định, bởi vì bất cứ giai cấp nào muốn đấu tranh để giành lại chủ quyền dân tộc hoặc muốn “tự mình trở thành dân tộc”, thì không

thể không đồng thời thực hiện những yêu cầu dân chủ nào đó đối với quần chúng nhân dân, lực lượng quyết định thành bại của phong trào dân tộc”¹.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam nằm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Tuy nhiên, hai nhiệm vụ cách mạng ở hai miền có mối quan hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Tuy nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc “là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà của nhân dân ta”², nhưng cách mạng miền Nam có một vị trí rất quan trọng. Nó “có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước”³. Hai nhiệm vụ đó trước mắt đều có một mục tiêu chung là thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc, đều nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước là mâu thuẫn giữa nhân dân ta và đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai của chúng.

Tuy độc lập dân tộc là mục tiêu trước mắt, trực tiếp nhưng có mối quan hệ rất chặt với hạnh phúc, tự do. Nó vừa là tiền đề của hạnh phúc tự do vừa hướng tới hạnh phúc tự do. Hiểu điều này như thế nào?

Sau thành công của Cách mạng Tháng Tám, thời kỳ 1945-1954 tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp tái xâm lược để bảo vệ độc lập dân tộc. Nhưng đây là giai đoạn thể hiện những nét đặc thù về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân. Chúng ta kháng chiến nhưng đồng thời xây dựng chế độ mới, chế độ dân chủ nhân dân; kết hợp kháng chiến với kiến quốc, thi đua trên tất cả các lĩnh vực quân sự, kinh

¹ Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, (in lần thứ tư), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 15.

² *Biên niên sử các đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội 2006, t. 1, tr.590.

³ *Biên niên sử các đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam*, Sdd, tr. 591.

tế, văn hóa. Đây là giai đoạn chúng ta chuẩn bị *tiền đề về mọi mặt* để tiến tới chủ nghĩa xã hội, tức là tiến tới hạnh phúc, tự do của nhân dân. Trong *Thường thức chính trị* (1953), Hồ Chí Minh đã chỉ ra các tiền đề về chính trị, kinh tế, văn hóa.

Về *tiền đề chính trị*, công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Lãnh đạo được hay không là do đặc tính cách mạng, chứ không phải do số người nhiều ít của giai cấp. Đặc tính cách mạng của giai cấp công nhân là kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Lại vì là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thấm nhuần một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác- Lênin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều giữ vai trò lãnh đạo. Giai cấp công nhân xây dựng nên Đảng theo chủ nghĩa Mác- Lênin. Đảng đó theo Hồ Chí Minh phải thật mạnh mẽ, trong sạch, sáng suốt, thống nhất. Tính chất của Đảng, nó là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc. Xây dựng Đảng, có ba mặt. Về tư tưởng, học tập chủ nghĩa Mác- Lênin. Về đường lối chính trị, chống khuynh hướng “tả” và khuynh hướng “hữu”. Về tổ chức, Đảng phải có kỷ luật rất nghiêm. Đảng phải giữ chế độ dân chủ tập trung, nghĩa là có đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất, cơ quan lãnh đạo thống nhất. Cá nhân phải phục tùng đoàn thể, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phục tùng cấp trên, địa phương phục tùng Trung ương. Mục đích của Đảng là lãnh đạo nhân dân kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công, thực hiện dân chủ mới, tiến đến chủ nghĩa xã hội, rồi chủ nghĩa cộng sản. Về mặt chính trị còn phải xây dựng chính quyền của nhân dân, lấy công nông liên minh làm nền tảng.

Về *tiền đề kinh tế*, phát triển nông nghiệp, công nghệ, thủ công nghệ, thương nghiệp, giao thông vận tải. Kinh tế quốc doanh có tính chất xã hội chủ nghĩa. Các hợp tác xã có tính chất nửa xã chủ nghĩa xã hội. Chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ là công tư đều lợi, chủ thợ đều lợi, công nông giúp nhau, lưu thông trong ngoài.

Về *tiền đề văn hóa*, xây dựng một nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng. Phải nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Phải đề xướng đạo đức công dân tức là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, bảo vệ của công. Phải chống văn hóa nô lệ của đế quốc và phong kiến. Tiền đề văn hóa còn có những con người mới, trước hết là những người đảng viên có giác ngộ chính trị, có lý tưởng, đạo đức, tác phong mới.

Thời kỳ 1954-1969, Đảng và dân tộc ta tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền. Đây là giai đoạn biểu hiện rõ nét nhất độc lập dân tộc là tiền đề của hạnh phúc tự do vừa hướng tới hạnh phúc tự do. Nhiệm vụ hàng đầu, trước mắt là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Không giải phóng được miền Nam, thống nhất đất nước thì không thể nói tới xây dựng Tổ quốc Việt Nam phồn vinh. Đó chính là ý nghĩa tiền đề của sự nghiệp giải phóng miền Nam. Mặt khác, nhân dân miền Nam chiến đấu giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của Mỹ, ngụy đã có đích đến, một hiện thực hóa, đó là miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tuy đó mới chỉ là “chủ nghĩa xã hội thời chiến”, chứ không phải nằm ở trạng thái “chủ nghĩa xã hội là *định hướng tiến lên*” như giai đoạn 1930-1945 hoặc là chế độ *dân chủ mới* như giai đoạn 1945-1954. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa thời chiến, nhưng lại có một sức mạnh to lớn, vừa chiếu cố miền Nam, thúc đẩy cách mạng miền Nam, vừa đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Độc lập dân tộc còn là điều kiện của hạnh phúc tự do. Điều này cần được hiểu là không phải mọi thứ độc lập dân tộc trên đời này đều có thể đi tới hạnh phúc tự do. Vấn đề này diễn ra trên khắp thế giới và rất cụ thể ở Việt Nam qua các giai đoạn cách mạng. Thời kỳ Cách mạng Tháng Tám, sau sự kiện hất cẳng Pháp, Chính phủ Nhật tuyên bố “trao trả độc lập” cho Việt Nam, bãi bỏ hình thức chính quyền cũ, đưa bọn Trần Trọng Kim ra thành lập ở Việt Nam chính phủ bù nhìn, khoác cho vua Bảo Đại cái áo “Quốc trưởng” để lừa bịp. Còn nhân dân thì biểu tình tuần hành, hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo bù nhìn”, “ủng hộ Việt Minh”, “Việt Nam hoàn toàn độc lập”.

Thời kỳ cách mạng miền Nam, từ chính quyền bù nhìn tay sai Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu đến Dương Văn Minh đều như vậy. Những chính quyền tay sai bù nhìn kiểu đó dù kêu gào độc lập, hay quan thầy của chúng tuyên bố trao trả độc lập, thì kiểu độc lập đó không thể và không bao giờ có thể đi tới hạnh phúc tự do. Chủ nghĩa thực dân cũ hay thực dân mới đều dựng lên một chính quyền tay sai đại biểu quyền lợi cho giai cấp địa chủ phong kiến và tư sản mại bản khoác áo “dân tộc dân chủ” giả hiệu. Đó là chỗ dựa của chủ nghĩa đế quốc. Và vì vậy, độc lập dân tộc mà chính quyền tay sai nêu lên là thứ độc lập dân tộc giả hiệu, độc lập dân tộc bánh vẽ. Thứ “độc lập dân tộc” đó sớm muộn sẽ lại đưa dân tộc ta trở lại con đường nô lệ.

Vậy thì điều kiện của độc lập dân tộc để đi tới hạnh phúc tự do theo quan điểm Hồ Chí Minh là gì? Đó phải là một nền độc lập *hoàn toàn* như khẩu hiệu của nhân dân. Tức độc lập trên tất cả các lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế đến các vấn đề khác. Đó phải là nền độc lập *triệt để* như Hồ Chí Minh đã tuyên bố trong Tuyên ngôn độc lập: “Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”. Nền độc lập đó gắn liền với *chủ quyền, thống nhất và toàn*

vận lãnh thổ của nước mình. Đó là nền độc lập do chính nhân dân ta giành lấy theo tinh thần “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” và toàn dân đại diện cho nền độc lập đó. Nền độc lập đó không dính dáng gì tới mọi quan hệ thực dân, mọi đặc quyền của bọn xâm lược. Nền độc lập của nhân dân Việt Nam liên quan tới vận mệnh của các dân tộc khác trên thế giới, tức là đứng về phe chính nghĩa để chống lại phi nghĩa, như chúng ta đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít. Nói cách khác, nền độc lập chứa đựng tinh thần quốc tế là đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước khác để giữ gìn hòa bình, chống chính sách xâm lược và chính sách chiến tranh của đế quốc. Chỉ có một nền độc lập như vậy mới là tiền đề, điều kiện để đi tới hạnh phúc tự do thật sự của nhân dân.

Cả cuộc đời Hồ Chí Minh từ khi tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn- giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản- đến tận cuối đời, đã cống hiến trọn vẹn cho nền độc lập dân tộc như vậy. Người cùng Đảng ta lãnh đạo toàn dân giành độc lập dân tộc hướng tới hạnh phúc tự do, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh phát kiến lại chủ nghĩa yêu nước truyền thống không chỉ khẳng định “không có gì quý hơn độc, lập tự do”; “dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho kỳ được độc lập” mà còn quan tâm tới hạnh phúc của nhân dân. Muốn vậy, phải xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội củng cố vững chắc độc lập dân tộc, mang lại nội dung thời đại cho độc lập dân tộc, làm cho độc lập dân tộc đầy đủ và có hiệu quả nhất, tạo bước phát triển mới về chất trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và hạnh phúc tự do là giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài. Như phân tích ở trên, đây là sự lựa chọn của lịch sử, là quy luật khách quan, có tính tất yếu. Bởi vì, trải qua hơn 60 năm, từ lúc thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858)

đến khi Nguyễn Ái Quốc bắt gặp ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin (1920), sự sàng lọc của lịch sử bằng nhiều ngã đường khác nhau: độc lập dân tộc hướng tới thiết lập chế độ phong kiến (1858-1896); độc lập dân tộc hướng tới chủ nghĩa tư bản (đầu thế kỷ XX đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời); độc lập dân tộc kiểu nông dân Yên Thế- cũng là một kiểu theo cốt cách phong kiến-, là cách kiểm nghiệm nghiêm khắc. Trong mối quan hệ với độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội mang lại hạnh phúc tự do là mục tiêu chiến lược. Bởi vì, “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”². Tuy nhiên, như phân tích ở trên, không phải thực hiện xong nhiệm vụ độc lập dân tộc rồi mới bắt tay làm nhiệm vụ các mạng xã hội chủ nghĩa. Trong thực tế, mỗi bước thực hiện nhiệm vụ giành độc lập dân tộc vừa luôn luôn hướng tới hạnh phúc tự do, vừa tạo tiền đề cho tự do hạnh phúc. Mục tiêu trước mắt luôn luôn được dẫn dắt bởi mục tiêu lâu dài. Nhiệm vụ lâu dài nhưng lại luôn có mặt trong nhiệm vụ trước mắt. Vì vậy, sự kết thúc thắng lợi cách mạng dân tộc dân chủ đồng thời mở đầu thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm của Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, trên thực tế là thực hiện một cách sinh động chân lý lớn nhất của thời đại ngày nay là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội theo quan điểm Hồ Chí Minh như thế nào để bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và tạo ra bước phát triển mới về chất trong tiến trình cách mạng Việt Nam? Chủ nghĩa xã hội theo quan niệm của Hồ Chí Minh là một chế độ xã hội tiên tiến, kế thừa mọi thành quả xưa nay

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr.56.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr. 152.

của loài người; không phải là một mô hình cứng nhắc, thu lại trong một số tiêu chuẩn mà các dân tộc phải khuôn theo. Về mục tiêu, chủ nghĩa xã hội phải đạt tới hòa bình, dân chủ, ấm no, tự do, hạnh phúc; về phương thức (phương pháp và cách thức) thì phải được xây dựng theo đặc điểm và con đường riêng của mỗi dân tộc. Mỗi một đặc trưng trong quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội phản ánh một khía cạnh của triết lý phát triển Hồ Chí Minh. Chúng ta có thể khái quát quan điểm Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội trên các mục tiêu lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại.

Đó là một chế độ xã hội, *về mặt chính trị*, do nhân dân làm chủ về tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa. Biểu hiện và điều kiện quan trọng nhất để cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ là quan niệm về Nhà nước và xây dựng một Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân. Chính phủ là công bộc của dân, được lòng dân.

Đó là một chế độ xã hội, *về mặt kinh tế*, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, lực lượng sản xuất phát triển, từng bước thực hiện dân giàu.

Đó là một chế độ xã hội có *văn hóa, khoa học* tiên tiến. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, trong đó điều quan trọng- với hạt nhân là con người mới- văn hóa phải là động lực, mục tiêu của cách mạng. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân, là một mặt trận. Xây dựng một nền văn hóa mới có tính dân tộc, khoa học, đại chúng, nhân văn và tiến bộ.

Đó là một chế độ xã hội, *về mặt xã hội*, quan tâm tới con người, làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, có học hành, có đạo đức công dân, được chữa bệnh, có tín ngưỡng tự do, được hưởng quyền tự do dân chủ. Đảm bảo công bằng xã hội “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”.

Đó là một chế độ xã hội, *về mặt quan hệ trong nước*, có quan hệ bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau giữa 54 dân tộc anh em, làm cho miền

núi đuổi kịp miền xuôi, nông thôn tiến kịp thành thị, làm cho ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Đó là một chế độ xã hội, *về mặt đối ngoại*, làm bạn và có quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước trên thế giới.

Chủ nghĩa xã hội theo quan điểm Hồ Chí Minh là công trình tập thể do nhân dân tự xây dựng lấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng cách mạng chân chính theo học thuyết Mác- Lênin.

Những đặc trưng đó từ nhận thức đến thực tiễn thành mục tiêu cách mạng, không phải được thực hiện ngay một lúc mà là dần dần, một quá trình từ thấp đến cao, từ phạm vi hẹp đến rộng, từ nhận thức đến hành động. Bởi vì, “Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột áp bức. Muốn thế chúng ta phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp. Chúng ta phải dần dần tập thể hóa nông nghiệp. Chúng ta phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân, đối với thủ công nghiệp. Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc. Chúng ta lại phải tiến hành những nhiệm vụ đó trong những điều kiện đặc biệt của nước ta, nghĩa là trên cơ sở của một xã hội vừa mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến, hết sức lạc hậu và trong hoàn cảnh nước ta đang bị chia cắt làm hai miền”¹. Chỉ có một chế độ xã hội như vậy thì mới thể hiện và làm sáng rõ được giá trị của độc lập, tự do; mới củng cố, bảo toàn được thành quả của độc lập tự do; tự bảo vệ mình; và điều quan

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.8, tr. 493-494.

trọng nhất là tạo ra một bước phát triển mới về chất mà xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc.

2.5. Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, thống nhất Tổ quốc

Trong truyền thống của dân tộc, chủ nghĩa yêu nước từng bước phát triển và đến độ trưởng thành là ý niệm sâu sắc về lãnh thổ quốc gia, ý thức bảo vệ non sông đất nước. Từ thời Bắc thuộc, ông bà chúng ta cố bám trụ quê hương mình, giữ làng, giữ đất không chịu lùi khi người Hán tiến và cuối cùng đã giữ được cái nôi của dân tộc, không bị trở thành một tỉnh của Trung Quốc. Thế kỷ XV, Lê Thánh Tông đã ra lệnh: “Một thước núi, một tấc sông của ta không thể vứt bỏ... Ai dám đem một thước núi một tấc sông của vua Thái Tổ để lại làm mối cho giặc thì tội phải tru di”. Lê Đản, trong thời kỳ phân liệt Đảng Trong - Đảng Ngoài (thế kỷ XV- đầu thế kỷ XIX) cho rằng:

Ai chia ai hợp không cần biết,
Nam Bắc xưa nay vẫn một nhà.

Bùi Dương Lịch (1758- đầu thế kỷ XIX) khẳng định:

Nam Bắc đều là đất nước đây,
Núi sông chẳng vạch quốc gia này.

Tiếp nối truyền thống cha ông, khi ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, cùng với việc đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới cuộc đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, thống nhất nước nhà. Người phê phán gay gắt bọn thực dân Pháp thi hành những luật pháp dã man, lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết. Với Hồ Chí Minh, Trung, Nam, Bắc đều là đất nước Việt Nam. Độc lập dân tộc không thể tách rời thống nhất Tổ quốc. Khi trở lại xâm chiếm Nam Bộ, thực dân Pháp muốn tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, lập ra Nhà nước Nam kỳ tự trị với một chính phủ bù nhìn, dùng chính sách chia để trị để chia cắt lâu dài đất nước ta.

Nhận rõ dã tâm của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”¹.

Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh phản ánh nguyên tắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Tuy nhiên, trong những hoàn cảnh cụ thể, vẫn có thể dùng sách lược ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt để thực hiện cái “bất biến”. Trong một thời gian nhất định, Hồ Chí Minh đã áp dụng nhiều biện pháp ngoại giao khôn khéo, đáp ứng yêu cầu của quân Tưởng, ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Tạm ước 14-9-1946 theo thỏa thuận giữa Việt Nam và Pháp. Tuy nhiên, ngay cả khi đồng ý để Việt Nam nằm trong khối Liên hiệp Pháp, thì Hồ Chí Minh cũng khẳng định “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam là một quốc gia độc lập có chủ quyền nằm trong khối Liên hiệp Pháp. Nước Việt Nam hoàn toàn độc lập về ngoại giao và có quân đội riêng”.

Khẳng định quyết tâm chiến đấu đến cùng cho thống nhất Tổ quốc, để Nam Bộ trở lại là một phần máu thịt của Việt Nam, Hồ Chí Minh – trong Thư gửi thanh niên Nam Bộ- nêu rõ, “tôi sẽ cùng các bạn giữ vững nền độc lập tự do của nước Việt Nam”.

Yêu nước, đấu tranh cho sự toàn vẹn của đất nước là khát khao cháy bỏng của Hồ Chí Minh. Đối với Người, không có nỗi đau nào lớn hơn nỗi đau mất nước, Tổ quốc bị chia cắt. Sau khi đi Pháp về, Người tuyên bố với quốc dân một cách thống thiết: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc”². Hồ Chí Minh có một niềm tin tưởng sâu sắc rằng với tinh thần yêu nước của con Lạc cháu Hồng thì “không ai có thể chia rẽ con một nhà, không

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr. 246.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr. 419.

ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta”. Trong tư duy của Hồ Chí Minh, “độc lập” bao giờ cũng gắn với cụm từ “nước ta”, “độc lập” gắn liền với “thống nhất”. Khẩu hiệu trong kháng chiến chống Pháp của Hồ Chí Minh chứa đựng tinh thần cơ bản:

“Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi!

Thống nhất, độc lập nhất định thành công!”

Hoặc:

“Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ muôn năm!”

Ngay sau khi miền Bắc được giải phóng, Hồ Chí Minh nghĩ ngay đến nhiệm vụ “củng cố miền Bắc tức là giúp đỡ một cách thiết thực đồng bào miền Nam đấu tranh đòi hòa bình và thống nhất”. Trước âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, Hồ Chí Minh vẫn tin tưởng nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất, vì nước ta là một khối, không ai chia cắt được. Quan điểm này của Hồ Chí Minh như là một tuyên ngôn chính trị- văn hóa không chỉ trong phạm vi dân tộc Việt Nam mà được công bố trên toàn thế giới. Tháng 2-1958, trong cuộc đi thăm Ấn Độ, “Tuyên bố tại cuộc họp báo ở Niu Đêli về vấn đề thống nhất nước Việt Nam, quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa”, Hồ Chí Minh khẳng định “lập trường của chúng tôi rất rõ ràng và trước sau như một là thống nhất nước Việt Nam trên cơ sở độc lập, dân chủ, bằng phương pháp hòa bình theo như Hiệp định Giơnevơ đã quy định. Chúng tôi sẵn sàng hiệp thương với các nhà cầm quyền miền Nam Việt Nam để bàn về vấn đề tổ chức tổng tuyển cử tự do trong cả nước nhằm thống nhất nước Việt Nam. Miền Nam Việt Nam là thịt của thịt chúng tôi, là máu của máu chúng tôi. Nhân dân Việt Nam sẽ được thống nhất”¹.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.9, tr. 49.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng được xác định là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà. Tinh thần của Đại hội cũng là mạch tư duy xuyên suốt của Hồ Chí Minh đến tận cuối đời. Trong một Thư chúc mừng năm mới (Xuân 1963), Hồ Chí Minh viết:

“Nước Việt Nam ta là một.
Dân tộc Việt Nam ta là một.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Nhân dân Nam Bắc là con một nhà”.

Trong Thư chúc mừng năm mới 1964, Người chúc:

“Bắc Nam như cội với cành,
Anh em ruột thịt như con một lòng.
Rồi đây thống nhất thành công,
Bắc Nam ta lại vui chung một nhà.
Mấy lời thân ái nôm na,
Vừa là kêu gọi, vừa là mừng xuân”

Mong muốn và cũng là niềm vui lớn nhất của Hồ Chí Minh là Nam Bắc sum họp một nhà:

“Bao giờ Nam Bắc một nhà
Việt Nam đại thắng, chúng ta vui mừng”¹.

Những tháng ngày cuối đời, một trong những nỗi trăn trở lớn nhất của Hồ Chí Minh là nghĩ về miền Nam ruột thịt, về thống nhất Bắc Nam. Trong buổi nói chuyện thân mật với nữ đồng chí Mácta Rôhát, phóng viên báo Granma (Cu Ba), Người tâm sự: Tôi yêu đồng bào ở miền Bắc cũng như yêu đồng bào ở miền Nam. Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi. Người trăn trở với

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 447.

việc miền Nam đấu tranh trước tiên chống quân xâm lược nước ngoài, nhưng miền Bắc lại được giải phóng trước, còn miền Nam sẽ được giải phóng sau. Miền Bắc được giải phóng 25 năm rồi, nhưng suốt cả thời gian ấy, miền Nam không được hưởng lấy một ngày hòa bình. Người đau nỗi đau của một người dân nước Việt sống trong điều kiện bị chia cắt hai miền. Ở đây không phải chỉ là vấn đề lãnh thổ mà còn là vấn đề tự do. Người nói: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi. Tôi nghĩ rằng tôi chưa làm tròn nghĩa vụ cách mạng của tôi đối với đồng bào miền Nam; mặc dù như vậy tôi biết rằng đồng bào miền Nam vẫn yêu quý tôi cũng như tôi luôn luôn yêu quý đồng bào. Ở miền Nam, tôi không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là Bác Hồ”¹.

Trong Di chúc, Người khẳng định một niềm tin chắc chắn “ Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”. Điều mong muốn cuối cùng của Người là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Tóm lại, độc lập dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một nền độc lập hoàn toàn, triệt để, không chỉ coi độc lập dân tộc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, mà bao gồm cả chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Đây là một nội dung quan trọng phản ánh ý thức và quyết tâm chính trị, bản lĩnh văn hóa, trách nhiệm cá nhân, vai trò lãnh tụ, tô đậm thêm sắc thái chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh.

2.6. Thi đua yêu nước và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa

Đây là một nội dung hoàn toàn mới mang đậm dấu ấn chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Con người Việt Nam đã được hình thành trong trường kỳ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.12, tr. 560-561.

lịch sử của dân tộc gắn với cuộc đấu tranh chống địch họa, thiên tai. Cuộc đấu tranh xã hội, đấu tranh thiên nhiên đã đắp bồi những đức tính tốt đẹp cho con người Việt Nam truyền thống, đó là lòng yêu nước thương nòi, ý chí kiên cường bất khuất, không sợ hy sinh gian khổ, thủy chung, trung hiếu, nhân ái, bao dung, hòa hiếu sáng tạo, cần cù lạc quan, sống giản dị... Theo thời gian, những đức tính đó không bị nhạt phai mà ngày càng được khẳng định, nhiều đức tính trở thành cốt cách, bản sắc của con người Việt Nam.

Tuy nhiên, dù đáng trân trọng bao nhiêu thì những đức tính đó vẫn là mẫu hình của những con người truyền thống. Trong thời đại mới, yêu cầu đặt ra là phải có những con người mới với những đức tính mới, không phải hoàn toàn đoạn tuyệt với con người truyền thống, nhưng cần một chất mới, trình độ mới để có thể đáp ứng nhiệm vụ mới, giành độc lập theo con đường cách mạng vô sản, tức độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Mẫu hình con người đó phải gắn liền với thực tiễn sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam trong bối cảnh thời đại mới. Đó phải là những con người yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Con người mới ở Việt Nam theo quan điểm Hồ Chí Minh bắt đầu được hình thành từ những năm hai mươi của thế kỷ XX dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin. Cùng với sự nghiệp giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, một thế hệ con người Việt Nam với những nét tiêu biểu của con người mới xuất hiện, làm gương cho những người khác, từ đó lôi cuốn xã hội, đẩy mạnh việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa và những con người tiên tiến đó không ngừng hoàn thiện nâng cao.

Tiêu chuẩn con người mới xã hội chủ nghĩa theo Hồ Chí Minh, trước hết, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tức là có ý thức làm chủ, có tinh thần xã hội chủ nghĩa, có tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”; có tinh thần “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”; có tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vươn lên hàng đầu.

Thứ hai, có đạo đức và lối sống xã hội chủ nghĩa: Trung với nước, hiếu với dân; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; thương yêu con người; có tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung; có lối sống lành mạnh trong sạch.

Thứ ba, có tác phong xã hội chủ nghĩa: Lao động có kế hoạch, có biện pháp, có quyết tâm, có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, năng suất, chất lượng, hiệu quả; lao động quên mình, không sợ khó, sợ khổ, vì lợi ích của bản thân, gia đình, xã hội và đất nước.

Thứ tư, có năng lực làm chủ bản thân, gia đình và công việc mà mình đảm nhiệm, từ đó làm chủ Nhà nước và xã hội. Phải không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học- kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, sức khỏe.

Những con người như vậy không phải tự nhiên mà có, mà phải được xây dựng bằng những phương pháp mới, cách mạng và khoa học. Đó là sự tu dưỡng bền bỉ hàng ngày, gắn với thực tiễn cách mạng. Tu dưỡng là một quá trình tự đấu tranh vừa xây vừa chống, xây cái mới tốt đẹp, chống cái cũ xấu xa; là hành động nêu gương, nói đi đôi với làm, nói ít làm nhiều theo tinh thần “một tấm gương sống hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Cá nhân rèn luyện đồng thời gắn liền với phong trào quần chúng, mà hàng đầu là phong trào Thi đua yêu nước. Thi đua có một nền tảng vững chắc, lâu đời, có quá trình phát triển từ thấp đến cao từ trong truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trong cụm từ “Thi đua yêu nước” thì “yêu nước” là tính từ. Cách tiếp cận này cho thấy chiều sâu, bề dày của vấn đề, khi chưa có thi đua thì dân ta đã có một lòng nồng nàn yêu nước. Tuy nhiên, chỉ trong chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa- thì mới có thi đua và Thi đua yêu nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi Thi đua ái quốc là từ 11- 6 -1948, nhưng *tinh thần* thi đua thì đã có từ trước. Trong dịp 1000 ngày kháng chiến, Người đã có *Lời kêu gọi*, khẳng định “từ cuộc vận động Tăng gia sản xuất và Luyện quân lập công, chúng ta đã tiến đến phong trào Thi đua ái quốc khắp mọi mặt, khắp mọi nơi. Với lòng nồng nàn yêu nước và lực lượng vô cùng tận của nhân ta, cuộc Thi đua ái quốc nhất định sẽ thành công to”. Nhân dịp này, Người có “*Lời kêu gọi Thi đua ái quốc*”, và phong trào Thi đua ái quốc chính thức, thật sự bắt đầu. Từ đó trở đi, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm, theo dõi chỉ đạo, động viên phong trào đến tận những tháng ngày trước lúc Người đi xa.

Thi đua ái quốc là gì? “Là ai nấy đều gắng làm nhanh, làm tốt, làm đẹp, không kể công việc của mình thuộc về đời sống vật chất hay tinh thần, không kể mình hoạt động ở hậu phương hay tiền tuyến, cốt sao lợi cho nước nhà mà mình tiến bộ. Nước nhà đang kháng chiến và kiến quốc, mục đích thi đua ái quốc là làm sao cho kháng chiến mau thắng lợi, kiến thiết chóng thành công”¹. Với tinh thần đó, từ sớm Hồ Chí Minh đã có những luận giải về thi đua một cách dễ hiểu, như “có thực mới vực được đạo”, “thực túc thì binh cường”, “cấy nhiều thì khỏi đói”, “muốn no, phải lo làm ruộng”... Bằng cách tiếp cận này, người đọc có thể dễ nhận thức tính triết lý và biện chứng của thi đua. Chẳng hạn: Thi đua yêu nước là tăng gia sản xuất thì phải tạo ra nhiều lương thực, có lương thực thì bộ đội mới ăn no, đánh thắng, kháng chiến nhất định thắng lợi. Cũng như vậy, “cấy nhiều” không đơn giản chỉ là việc cấy của người nông dân mà thực chất là làm cho nhiều, mà làm nhiều thì đủ ăn, đủ mặc, đủ lương thực, khí giới, biết đọc, biết viết..., làm cho kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.9, nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.71.

Xuân Kỷ Sửu-1949, Hồ Chí Minh có *Thơ chúc Tết*. Bài thơ đem lại cho ta một sinh khí mới, một triết lý về thi đua. Đó là cùng với thời gian- thêm một năm mới, thì thi đua lại thêm tiến tới. Và càng thi đua thì càng tăng thêm lực lượng và tinh thần, kháng chiến càng thêm mau thắng lợi; càng thi đua thì “ta nhất định thắng, địch nhất định thua”.

Bàn về thi đua học, Hồ Chí Minh cắt nghĩa về mối quan hệ biện chứng giữa biết và học; học và tiến bộ; tiến bộ và học. Theo Người, muốn biết thì phải học; học không bao giờ cùng; càng học càng tiến bộ và càng tiến bộ càng thấy phải học thêm. Bằng cách tiếp cận này, chúng ta hiểu rằng mỗi nấc thang học tập sẽ tạo ra hiểu biết mới, tiến bộ mới; mỗi nấc thang hiểu biết mới, tiến bộ mới lại đòi hỏi học tập nhiều hơn.

Trong “Bài nói tại Đại hội các chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc”, khi bàn về “Mục đích thi đua”, Hồ Chí Minh đã lý giải giữa thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm với việc cải thiện đời sống tinh thần và vật chất của quân và dân và việc xây dựng dân chủ mới và chủ nghĩa xã hội. Chỉ có thi đua thì mới hoàn thành dân chủ mới, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp đến, sau khi điểm qua tình hình thi đua mấy năm qua, Người luận giải về mối quan hệ giữa tăng gia sản xuất và tiết kiệm: tiết kiệm để giúp tăng gia, tăng gia để thực hiện tiết kiệm. Và tiết kiệm và tăng gia tốt thì sẽ có điều kiện tăng năng suất và diệt giặc lập công.

Thi đua yêu nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang tính triết lý sâu sắc.

Thứ nhất, Thi đua tăng cường đoàn kết, đoàn kết đẩy mạnh thi đua.

Thi đua, dù cá nhân hay tập thể; dù các dân tộc đa số hay thiểu số; dù lương hay giáo; già trẻ hay gái trai; dù công, nông hay binh, sĩ; v.v.. tất cả đều nhằm vào một mục đích: diệt giặc dốt, diệt giặc đói, diệt giặc ngoại xâm. Chính mục đích đó là chất keo liên kết mọi giai tầng, mọi hạng người. Trước

kia, ai lo việc nấy, nhất là giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Giữa các hạng người cảm tình chưa được thân mật. Nhưng nhờ có thi đua và qua thi đua mà mọi người cảm thấy cần nhau hơn, gần gũi nhau hơn, không thể thiếu được nhau trong công cuộc cách mạng. Thí dụ: muốn bộ đội đủ ăn mặc, đủ vũ khí, đánh mạnh, thắng nhiều, thì trí thức thi đua phát minh sáng chế, nông dân thi đua làm nhiều lúa, công nhân thi đua sản xuất nhiều súng đạn. Ngược lại, trong lúc thi đua diệt giặc lập công, thì bộ đội luôn nhớ đến đồng bào và khuyến khích lẫn nhau diệt nhiều giặc cho đồng bào làm ăn yên ổn. Thi đua tăng cường đoàn kết còn thể hiện ở chỗ một tấm gương sáng trong thi đua sẽ lôi cuốn nhiều người trong dòng chảy của cả dân tộc, tạo ra tấm lòng tương thân tương ái trong cộng đồng.

Thứ hai, thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất.

Thi đua như đã nói ở trên là mọi người, mọi nhà, mọi ngành gắng phát triển tài năng, sáng kiến của mình, làm nhanh, làm tốt, làm đẹp nhằm tăng năng suất, tiết kiệm nguyên vật liệu, diệt được nhiều giặc...thì đó là một cách yêu nước thiết thực và tích cực. Bởi vì yêu nước là làm cho nước mau hòa bình, thống nhất, độc lập, giàu mạnh. Mà càng thi đua thì năng suất càng cao, kết quả là lực lượng của ta về mọi mặt đều tăng nhiều lần. Ta sẽ diệt giặc gấp nhiều lần, thắng lợi gấp nhiều lần. Kết quả là kháng chiến sẽ thắng lợi, kiến quốc sẽ thành công và đi đến dân giàu nước mạnh. Hiểu như vậy thì một người tự cho mình là yêu nước thì phải thi đua. Bởi vì chỉ có qua thi đua- với kết quả cụ thể- thì mới bộc lộ và ngày càng bộc lộ tinh thần yêu nước. Yêu nước- thứ của quý kín đáo- không thể cất giấu trong rương, trong hòm, mà phải được đưa ra trưng bày. Tinh thần yêu nước thì phải được thực hành vào công việc kháng chiến, kiến quốc. Và như vậy thì rõ ràng là những người thi đua- tức là tăng năng suất nhiều lần- là những người yêu nước nhất.

Thứ ba, thi đua là tinh thần quốc tế, là làm cho nhân dân ta đoàn kết với nhân dân lao động thế giới.

Bản chất khái niệm Thi đua hay Thi đua yêu nước đã chứa đựng tinh thần quốc tế. Bởi vì chỉ có các nước xã hội chủ nghĩa, các nước dân chủ mới thì mới có thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, diệt giặc lập công. Chúng ta làm những công việc đó là lợi ích cho ta, cho dân tộc ta, cho các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Mặt khác, thi đua trong các nước xã hội chủ nghĩa có một mục tiêu chung là tiêu diệt kẻ thù chung của nhân loại tiến bộ, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trên thực tế, vì những cái chung đó mà nhân dân ta rất quan tâm tới phong trào thi đua của các nước; ngược lại, nhân dân và báo chí các nước cũng rất quan tâm và vui mừng vì những thành tích trong phong trào thi đua của ta. Tất cả những điều đó cho thấy tinh thần quốc tế của thi đua.

Thứ tư, thi đua cải tạo con người.

Nếu lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra các loại sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội thì thi đua được hiểu là một loại lao động ở một cung bậc khác, cao hơn, tức là cùng nhau đem hết tài năng, sức lực ra làm, nhằm thúc đẩy lẫn nhau đạt thành tích tốt nhất trong chiến đấu, sản xuất, công tác, học tập. Và nếu lao động là vẻ vang, sáng tạo ra xã hội, thì thi đua càng vẻ vang, càng sáng tạo xã hội. Bởi vì, càng thi đua thì càng phải tìm tòi, học hỏi, cầu tiến bộ. Do sáng kiến và kinh nghiệm trong thi đua mà lao động chân tay nâng cao trình độ kỹ thuật; lao động trí óc thì gần gũi, giúp đỡ, cộng tác và học hỏi những người lao động chân tay. Như vậy, phong trào thi đua làm cho công nông binh trí thức hóa và trí thức thì lao động hóa. Đó chính là một mặt quan trọng của ý nghĩa thi đua cải tạo con người. Mặt khác, đã là chiến sĩ thi đua thì họ là những người giàu tinh thần trách nhiệm, tận trung với nước, tận hiếu với dân, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, chống

tham ô, lãng phí, quan liêu. Vì vậy, phong trào thi đua càng sâu rộng, càng có nhiều con người tốt, tạo đà cho sự phát triển của xã hội, của cách mạng. Có thể nói, những người thi đua là những người đạo đức nhất. Bởi vì, như Hồ Chí Minh đã dạy: “Anh hùng, chiến sĩ thi đua là những người tiên phong trong sản xuất, mà cũng là gương mẫu về đạo đức cách mạng. Họ đặt lợi ích chung của dân tộc trên lợi ích riêng của cá nhân. Họ toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân chứ không phải nửa tâm nửa ý. Họ không sợ khó nhọc, ra sức vượt mọi khó khăn để hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho họ, chứ không suy bì hơn thiệt của cá nhân, không ganh tị về địa vị và hưởng thụ. Họ không giấu nghề, không đim những người anh em chung quanh mình, họ giúp đỡ mọi người cùng tiến bộ. Họ không tự kiêu, tự mãn, tự tư tự lợi”¹.

Thứ năm, thi đua ích nước, lợi nhà, được lợi, được danh

Thi đua như đã nói, người người thi đua, nhà nhà thi đua, ngành ngành thi đua, các địa phương thi đua. Tất cả công, nông, bộ đội, du kích, dân quân, viên chức, văn nghệ sĩ, nhà giáo dục, đồng bào tư sản, địa chủ, các xã, Khu ủy, Tỉnh ủy, cán bộ của Hội... thi đua. Cá nhân với cá nhân, đoàn thể với đoàn thể, cơ quan với cơ quan, các địa phương, các đơn vị bộ đội thi đua với nhau, tóm lại cả nước thi đua. Và thi đua về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa...

Thi đua như vậy sẽ *lợi nhà*. Thí dụ: nông dân, khi chưa thi đua, thì làm một mẫu thu được 30 nôi. Khi đã thi đua, thì làm một mẫu được 32, 35 nôi hoặc nhiều hơn nữa. Thi đua như vậy sẽ *ích nước*. Bởi vì ngoài phần thóc nộp cho Chính phủ, phần thóc ăn, phần thóc thừa bán cho Chính phủ. Chính phủ mua thóc để nuôi cán bộ, bộ đội, làm các việc ích chung. Tăng gia nhiều, thừa thóc nhiều, thì bán thóc cho Chính phủ càng nhiều hơn. Nếu tăng gia nhiều

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.200.

nhất trong địa phương, thì còn được Chính phủ khen thưởng. “Thế là đã được lợi, lại được danh”¹.

Thứ sáu, thi đua là phải làm cho nhiều, nhanh, tốt, rẻ.

Bản chất thi đua trước hết là làm ra *nhiều* sản phẩm (lương thực, đạn dược, thuốc men, diệt nhiều địch...). Chỉ có làm nhiều mới đủ dùng, phục vụ tốt cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc ngày càng phát triển.

Nhiều nhưng phải *nhanh*. Đi đường ai cũng muốn mau tới đích. Làm cách mạng cũng muốn mau thắng lợi cuối cùng. Và ta có điều kiện làm nhanh, vì nhân dân lao động đã trở thành người chủ. Khả năng tiềm tàng trong nhân dân là vô tận. Nhanh là hết sức quan trọng, nhưng phải hiểu đúng thế nào là nhanh và bằng cách nào để nhanh. Nhanh không phải chỉ gắng sức lên từng lúc, từng đợt. Nhanh là phải tiến bước không ngừng và bước sau bao giờ cũng phải dài hơn, vững hơn bước trước. Đó là tư tưởng cách mạng không ngừng. Muốn nhanh thì trước hết phải tiêu diệt tư tưởng bảo thủ, rụt rè trong từng người. Phải không ngừng cải tiến công tác. Và lúc nào cũng phải làm bước trước chuẩn bị bước sau, làm hôm nay chuẩn bị ngày mai.

Làm nhiều, làm nhanh cốt tăng nhanh mức sống của của nhân dân lao động, tăng nhanh tích lũy để xây dựng công nghiệp, mở mang kinh tế. Cho nên nhiều, nhanh lại phải đi đôi với *tốt*. Nếu chỉ nhiều, nhanh mà không nghĩ đến tốt, thì kết quả cuối cùng vẫn không nhiều, nhanh. Thí dụ: một nhà máy, nếu xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, có thể dùng được 50 năm. Nhưng nếu xây dựng không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, thì chỉ vài chục năm sau, nhà máy sẽ xuống cấp, không an toàn. Như vậy, khác nào bỏ vốn xây dựng một nhà máy mà chỉ được một nửa nhà máy. Trong công tác xây dựng cơ bản, cũng như trong việc sản xuất máy móc, dụng cụ, hàng tiêu dùng, nhiều, nhanh và tốt luôn gắn bó với nhau như vậy. Nguy hại hơn, vì muốn có nhiều “thành

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.7, tr. 540.

tích” hoặc muốn được hưởng mức công cao, nên làm bù, làm ẩu. Làm như vậy rất có hại. Hại cho sản xuất, hại cho xây dựng kinh tế chung, hại cho đời sống nhân dân.

Thói thường thì nhiều thì khó nhanh; nhanh thì khó tốt; tốt thì khó rẻ. Nhưng đó chỉ là “thói thường” khi người lao động còn phải bán mình như một món hàng để kiếm sống. Còn “đối với chúng ta, những người lao động đang làm chủ và xây dựng cuộc sống mới, thì NHIỀU, NHANH, TỐT, RẺ lại gắn bó với nhau như da với thịt”¹. Nếu làm nhiều, làm nhanh, làm tốt nhưng lại không rẻ- nghĩa là phải dùng quá nhiều sức người, sức của- thì rốt cuộc vẫn không đạt được mục đích tăng nhanh mức sống của nhân dân và tăng nhanh tích lũy để, mở mang kinh tế. Tăng năng suất là tiết kiệm sức người, sức của, thời gian trong sản xuất và xây dựng. Đó là cách làm vừa nhanh vừa rẻ. Lại còn phải tính toán chi ly trong việc dùng nguyên liệu, vật liệu (dùng hợp lý, không bị loại bỏ, dùng loại rẻ thay loại đắt, dùng thứ sẵn có ở gần thay thế ở xa chở tới, v.v.). Tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, quy đến cùng là tiết kiệm vốn. Ngoài ra, tiết kiệm vốn còn một cách nữa là làm cho vốn “quay vòng nhanh”.

Tóm lại thi đua tăng năng suất lao động, tiết kiệm vốn, tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, không ngừng giảm được giá thành, mà còn dôi ra một số khá lớn sức người, sức của để sản xuất thêm nhiều hàng hóa, xây dựng thêm nhiều xí nghiệp mới, Thế là đã nhiều, nhanh lại rẻ. Và do rẻ, nên càng nhiều, nhanh. Cho nên: *“Làm nhanh mà không tốt,/ Có gì là vẻ vang?/ Đã là người làm chủ,/ Tính toán phải đàng hoàng:/ Nhiều, nhanh, tốt, rẻ rõ ràng/ Lợi dân, lợi nước đôi đàng vẹn đôi”*².

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.10, tr. 92

² Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Sdd, t. 10, tr. 91.

Triết lý và biện chứng Thi đua yêu nước trong quan điểm Hồ Chí Minh mang đậm dấu ấn chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Bởi vì, xuất phát từ lòng yêu nước, Hồ Chí Minh khởi xướng phong trào Thi đua yêu nước và chính phong trào Thi đua yêu nước đã huy động và khơi dậy sinh khí của toàn dân tộc, tạo ra một động lực mạnh mẽ thúc đẩy phong trào cách mạng, giúp chúng ta giành được nhiều thắng lợi.

2.7. Chủ nghĩa yêu nước kết hợp hài hòa với chủ nghĩa quốc tế vô sản

Hàng ngàn năm Bắc thuộc và thời kỳ phong kiến độc lập chưa có ý niệm về tinh thần quốc tế. Giai đoạn Cần Vương chống Pháp, các chiến sĩ Cần Vương chủ yếu là cố thủ trong nước, không vượt ra ngoài biên giới. Đầu thế kỷ XX, với những điều kiện mới, một số phong trào yêu nước và cách mạng xuất hiện như phong trào Đông Du có xu hướng cầu viện theo tư duy “đồng văn đồng chủng”. Sự phản bội của đế quốc Nhật Bản trục xuất các chiến sĩ Đông Du cho thấy một chủ nghĩa yêu nước thật sự phải có nhận thức về một tinh thần quốc tế thật sự.

Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là một chủ nghĩa yêu nước chân chính và triệt để, vì vậy, tất yếu bắt gặp chủ nghĩa quốc tế vô sản. Từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước.... Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ xô viết hóa và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế”¹.

Nhận thức sâu sắc và toàn diện của Hồ Chí Minh không phải chỉ là chủ nghĩa yêu nước chân chính, mà là giải quyết mối quan hệ giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế. Trước hết, phải nuôi dưỡng chủ nghĩa yêu nước. Bởi vì chính chủ nghĩa yêu nước là động lực thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.1, tr. 466-467.

đường cứu nước, chi phối toàn bộ quá trình hoạt động cách mạng của Người và đưa Người tin theo Lênin và Quốc tế thứ Ba. Đây chính là quy luật của cách mạng Việt Nam đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản. Con người Việt Nam yêu nước trước hết là phải biết căm thù bọn xâm lược và tay sai. Sau khi đấu tranh thắng lợi, giành được độc lập dân tộc thì phải phấn đấu cho nước mạnh dân giàu. Chủ nghĩa yêu nước chứa đựng sức mạnh trường tồn và chỉ có yêu nước thật sự thì mới có chủ nghĩa quốc tế vô sản thật sự.

Tuy nhiên trong thời đại mới, không thể có một chủ nghĩa yêu nước thuần túy. Ngoại trừ chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, chủ nghĩa sô vanh, chủ nghĩa quốc gia cải lương, thì không thể gắn liền với chủ nghĩa quốc tế. Còn đã là chủ nghĩa yêu nước chân chính thì bản thân nó đã chứa đựng chủ nghĩa quốc tế. Với Hồ Chí Minh chủ nghĩa quốc tế bao giờ cũng bắt đầu bằng tình thân yêu nước.

Ca dao có câu:

Nhiều điều phủ lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Từ ca dao của truyền thống yêu nước Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nâng lên thành một chủ nghĩa yêu nước mang tinh thần quốc tế:

Nhiều điều phủ lấy giá gương,

Người chung giai cấp phải thương nhau cùng.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, từ “bốn phương vô sản” đến “bốn biển, vàng đen trắng đỏ, đều là anh em” trên lập trường giai cấp vô sản không có gì trái với chủ nghĩa yêu nước mà còn làm cho chủ nghĩa yêu nước có hiệu lực. Đây là tinh thần cơ bản trong chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Bởi vì xét đến cùng, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đã kết hợp hài hòa với chủ nghĩa Mác- Lênin, mà nói đến chủ nghĩa Mác- Lênin là nói tới tới chủ nghĩa xã hội.

Lúc đầu, chủ nghĩa yêu nước đưa Người tin theo Lênin. Rồi, từng bước một, Người nhận ra rằng chỉ có chủ nghĩa Mác- Lênin, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị và giai cấp công nhân toàn thế giới. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác- Lênin đem lại cho chủ nghĩa yêu nước truyền thống một sức mạnh vô địch chẳng những trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, mà cả trong việc xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh. Như vậy, “chủ nghĩa xã hội là con đường, là cái đích của chủ nghĩa yêu nước chân chính và như vậy, yêu nước cũng là yêu chủ nghĩa xã hội”¹. Hồ Chí Minh đã rút ra một trong những bài học lớn của cách mạng Việt Nam: “Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của các dân tộc sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa”².

Theo Hồ Chí Minh, muốn kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế thì phải nắm lấy vũ khí của chủ nghĩa Mác- Lênin, mà ở trong xã hội cũ không thể có được, đó là tình đoàn kết hữu nghị. Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy “phải tuyệt đối trung thành với *chủ nghĩa quốc tế vô sản*, luôn luôn củng cố và phát triển tình *đoàn kết hữu nghị* với tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, nhất là với các nước xã hội chủ nghĩa anh em với các dân tộc ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh, với giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa, đang đấu tranh chống chủ

¹ Trần Văn Giàu: Sdd, tr. 159

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.12, tr. 304-305.

nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới”¹. Từ bài học kinh nghiệm quý giá đó, Hồ Chí Minh muốn truyền ngọn lửa yêu nước và tinh thần quốc tế tới đảng viên, cán bộ và mọi tầng lớp nhân dân. Người khẳng định: “Đảng chúng tôi luôn luôn giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lòng yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản, luôn luôn tăng cường đoàn kết hữu nghị với Liên Xô, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và các nước anh em khác. Đảng chúng tôi chủ trương dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ”².

Xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước chân chính và lòng chí công vô tư, chủ nghĩa quốc tế vô sản của Hồ Chí Minh có biên độ rộng, không phải chỉ thu lại trong giai cấp vô sản. Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh là chúng ta đoàn kết và tranh thủ mọi lực lượng tiến bộ trên thế giới. Đứng vững trên lập trường duy nhất của giai cấp vô sản, nhưng Hồ Chí Minh đã mở rộng được trận tuyến cách mạng trên khắp thế giới, tạo ra thế và lực mới trong sự nghiệp kháng chiến và xây dựng đất nước.

Tóm lại, Hồ Chí Minh đã sớm phát hiện được quy luật của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, đó là trong khi nhấn mạnh chủ nghĩa yêu nước chân chính, phải luôn luôn biết kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Sự kết hợp đó xét đến cùng là hai mặt của một vấn đề lập trường của giai cấp công nhân, tức lập trường của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế. Trong thời đại mới, không có lợi ích dân tộc thuần túy, cũng không có lợi ích quốc tế thuần túy. Trong lợi ích dân tộc có một phần lợi ích quốc tế và trong lợi ích quốc tế có một phần lợi ích dân tộc. Nhưng để nhận thức đúng và giải quyết tốt những vấn đề đó thì

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.11, tr. 494.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.12, tr. 308 – 309.

phải nắm vững chủ nghĩa Mác- Lênin, nó vừa là kim chỉ nam, soi phương hướng, vừa là linh hồn của chủ nghĩa quốc tế. Chính vì vậy, khi nhìn nhận lại cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc chống những đế quốc to, kẻ thù của nhân loại tiến bộ, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng – mà không phải chỉ nhân kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lenin – chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Lenin”¹.

Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khẳng định: “Hồ Chủ tịch là tượng trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trái tim, khối óc của Người dành cho dân tộc Việt Nam ta cũng hướng về giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Là người học trò trung thành của Các Mác và Lenin, Hồ Chủ tịch chẳng những là một nhà yêu nước vĩ đại mà còn là một chiến sĩ xuất sắc trong phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc của thế kỷ XX”².

II. VAI TRÒ CỦA CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH TRONG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Cứu nước và giải phóng dân tộc

Hồ Chí Minh ý thức rất rõ vai trò của chủ nghĩa truyền thống: “ Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước. Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta”.

¹ Hồ Chí Minh: Sdd, t.12, tr. 476.

² Hồ Chí Minh: Sdd, t.12, tr. 518.

Chủ nghĩa yêu nước và lòng thương người là những yếu tố có trọng lượng nhất trong hành trang ra đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh. Bằng tấm lòng yêu nước thương dân, Hồ Chí Minh đã vượt qua tất cả mọi nguy hiểm khó khăn, kể cả tính mệnh để hoạt động cách mạng. Với hai bàn tay trắng và hoài bão cứu nước cứu dân, sau mười năm trời bôn ba nơi chân trời góc biển, Hồ Chí Minh đã tìm được con đường cứu nước đúng đắn – giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Người đã hoạt động không biết mệt mỏi sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Nhân dân ta tiến hành Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Hồ Chí Minh đã truyền cho dân tộc ta sức mạnh và niềm tin của chủ nghĩa yêu nước trong thời đại mới. Đó là “dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho kỳ được độc lập, tự do”. Đó là “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Đó là “Giờ này và lúc này phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”. Đó là “cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn... Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ

quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”.

Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh được xem như một tiêu chuẩn cho sự xác định tốt xấu, phải trái, nên chăng. Với người Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, mọi vấn đề đều được xác định bằng thước đo yêu nước theo tiêu chuẩn chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Đó là “Tổ quốc trên hết! Dân tộc trên hết!”; “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”; một đề tài duy nhất, đó là “chống đế quốc thực dân, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”; một mục đích duy nhất, đó là “làm cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”; thực hiện mong muốn “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Như vậy, có thể hiểu chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là một triết lý xã hội và nhân văn, một triết lý hành động vì độc lập, tự do hạnh phúc của đất nước và dân tộc.

Với tiêu chí đó, từ khi Hồ Chí Minh truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam qua trí tuệ của Người, trở thành một chủ nghĩa Mác- Lênin được Việt Nam hóa, nó nhanh chóng đi vào nhân dân, chinh phục tâm trí của hàng chục triệu con người. Toàn thể dân tộc Việt Nam nhận thức sâu sắc rằng chủ nghĩa Mác- Lênin là ánh sáng, là sức mạnh cứu nước không gì bằng. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đã quy tụ dưới lá cờ của Người hàng triệu triệu người dân nước Việt, đứng lên làm Tổng khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng trong cả nước, tiến hành trường kỳ ba mươi năm hai cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp và Mỹ, thực hiện giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Chủ nghĩa yêu nước đó cũng đã động viên toàn dân xây dựng đất nước, tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vừa làm cách mạng dân tộc dân

chủ nhân dân ở miền Nam vừa quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Nhiều phong trào cách mạng có một không hai không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới đã diễn ra suốt hơn hai mươi năm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thống nhất đất nước. Đó là, “tay cày tay súng”, “tay búa tay súng”, vừa sản xuất vừa chiến đấu, “mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, phong trào “ba sẵn sàng, ba xung kích”, “phụ nữ giỏi việc nước đảm việc nhà”... Những khẩu hiệu hừng hực tinh thần yêu nước và cách mạng như “nhằm thẳng vào quân thù mà bắn”; “xe chưa qua, nhà không tiếc”; xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, mà lòng phơi phới dậy tương lai”... đã thôi thúc hàng triệu con tim, khối óc, huy động sức mạnh cả dân tộc lên trận tuyến, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc. Cuối cùng chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đã thắng bạo tàn.

2. Xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam

Như đã nói ở trên, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là một triết lý xã hội, nhân văn. Xét đến cùng “văn minh thắng bạo tàn” chính là sự chiến thắng của sức mạnh văn hóa. Từ khi truyền bá học thuyết Mác- Lênin vào Việt Nam, Hồ Chí Minh đã thổi một luồng sinh khí mới vào mỗi con người và cả dân tộc. Một trật tự mới, một xã hội mới đã dần phôi thai lòng xã hội cũ khi Đảng ta ra đời, định hướng cho cả dân tộc đi theo theo con đường cách mạng vô sản. Một nền văn hóa dân tộc vẫn len lỏi và từng bước thành hình nền văn hóa mới khi dân tộc tiếp biến các giá trị văn hóa phương Tây, đặc biệt là tiếp thu những giá trị văn hóa trong học thuyết Mác- Lênin. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám không chỉ là thắng lợi chính trị mà cũng là thắng lợi văn hóa. Chúng ta vừa xóa bỏ văn hóa của giai cấp thống trị thực dân, phong kiến vừa mở một trang mới xây dựng nền văn hóa mới của dân tộc.

Trong khi lãnh đạo cả dân tộc tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh ý thức sâu sắc việc bảo vệ văn hóa dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới. Khơi dậy lòng yêu nước của dân ta, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng văn hóa không chỉ là ngôn ngữ, chữ viết, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật và các dạng văn hóa vật chất khác như mặc, ăn, ở và tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt, mà Người rất chú trọng những vấn đề cốt tủy của văn hóa như tư tưởng, tâm lý, đạo đức (luân lý), dân quyền, ứng xử văn hóa đạt tới một “trình độ người” trong tất cả các mối quan hệ.

Tác dụng hàng đầu và cũng là lớn nhất về văn hóa là từ chủ nghĩa yêu nước, con người Việt Nam đã đến với chủ nghĩa Mác- Lênin, cái “cảm nang thần kỳ”, “kim chỉ nam”, “mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi”. Từ năm 1930 trở đi, ở Việt Nam, bên cạnh một bộ phận chịu sự thống trị của tư tưởng của giai cấp thống trị thực dân phong kiến, nhìn chung xã hội vận động trên nền tảng của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Dù trực tiếp hay gián tiếp, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trở thành dòng chủ lưu trong văn hóa Việt Nam. Lý tưởng độc lập dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội, cũng là vị trí chủ đạo trong nền văn hóa mới.

Với chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, cả dân tộc càng ngày càng củng cố và xây đắp vững chắc tâm lý độc lập, tự cường, tự chủ, tự tôn dân tộc. Những mặt chủ yếu đó của tâm lý dân tộc giữ một vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong suốt chiều dài lịch sử hiện đại của dân tộc. Những cuộc kháng chiến dài ngày, có người nghĩ rằng chỉ là “châu chấu đấu voi”, hoặc chúng ta sẽ trở về với thời kỳ đồ đá. Cũng có những ý kiến chân thành khuyên ta không nên tiến hành cách mạng giải phóng miền Nam, mà phải “trường kỳ mai phục”; chưa nên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vì sẽ bị tàn phá!? Những vấn đề đặt ra như vậy, thử hỏi nếu không có một tâm lý dân tộc vững

vàng được định hướng theo chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, thì liệu dân tộc ta sẽ ra sao? Nhưng cuối cùng dân tộc ta đã vượt qua tất cả, kể cả những lúc tưởng chừng như không vượt qua được. Chúng ta đã vượt qua thời kỳ khủng bố trắng và thoái trào của cách mạng những năm 1932-1934; vượt qua thời kỳ đất nước “nghìn cây treo sợi tóc” những năm 1945-1946; vượt qua những âm mưu thủ đoạn thâm độc “giết sạch, đốt sạch, phá sạch” những năm 1958-1959; bẻ gãy các gọng kìm “tìm diệt”; v.v.. Quả thật, đúng như Chủ tịch đã tổng kết:

“Nay tuy cháu cháu đấu voi

Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra”.

Cũng xuất phát từ lòng yêu nước theo định hướng của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, dân tộc ta đã đắp bồi một nền đạo đức mới, một bộ phận trọng yếu của nền văn hóa- văn hóa đạo đức. Hơn một phần ba thế kỷ, trừ một bộ phận nhỏ của dân tộc cam tâm làm tay sai cho giặc, quay lưng lại với dân tộc, phản bội Tổ quốc, còn đại đa số người Việt Nam đều sống, chiến đấu, lao động, học tập theo đạo lý “Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”; thực hành cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; thương yêu con người, trọng dân, quý dân, tin dân; tinh thần quốc tế trong sáng thủy chung. Những phẩm chất đạo đức cao quý đó trong tư tưởng Hồ Chí Minh chính là tiêu chuẩn của chân lý trong việc hình thành nhân cách con người Việt Nam. Trong chiến đấu ác liệt, điều kiện đời sống vật chất khó khăn, thiếu thốn, nhưng chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng- hệ quả của chủ nghĩa yêu nước- trở thành một động cơ lớn đưa con người đến những mưu trí trong đánh giặc, sáng kiến trong lao động, hăng say, sáng tạo trong học tập. Chủ nghĩa yêu nước đã làm cho người Việt Nam giác ngộ, bất chấp và vượt lên mọi hy sinh gian khổ, thực hiện bằng được nhiệm vụ cách mạng của nước, của dân. Cả đất nước hô

hỏi, phấn khởi, tràn ngập niềm vui chiến đấu, lao động sản xuất, học tập. Hầu như tất cả mọi người chỉ nghĩ tới Tổ quốc và dân tộc, ít gợn chút riêng tư. Khi người ta đã giác ngộ sâu sắc về lòng yêu nước, yêu Tổ quốc, sức mạnh con người và cả dân tộc được nhân lên gấp bội. Mọi người sẵn sàng “mình vì mọi người”, hy sinh của cải, tính mệnh của mình vì lợi ích chung của dân tộc. Mọi người sẵn sàng làm tất cả vì nền độc lập, hòa bình của Tổ quốc, vì dân giàu nước mạnh. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đã truyền cho người Việt Nam không chỉ sức mạnh trong đánh giặc, mà còn là sức mạnh trong xây dựng đất nước. Tự hào với chủ nghĩa yêu nước, con người Việt Nam quyết tâm phấn đấu để sánh vai với các cường quốc năm châu, xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

Một nền văn hóa mới từng bước được hình thành từ chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Con người sống với nhau thân thiện, cởi mở, “vô tư” hơn. Những tiêu cực của xã hội như tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu không phổ biến. Bức tranh của xã hội chủ yếu là gam màu sáng. Một nền văn hóa mà nội dung chính trị là dân quyền theo quan điểm Hồ Chí Minh ngày càng chiếm lĩnh trong mọi vị trí của tất cả các lĩnh vực kinh tế- xã hội. Quyền công dân được đảm bảo qua việc khẳng định vị trí của người dân từ Tổng tuyển cử, đến những hoạt động cụ thể trong Quốc hội. Một nước Việt Nam dân chủ được xác định từ ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công và từng bước được khẳng định vững chắc trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

Trên từng lĩnh vực cụ thể, như văn hóa chính trị, văn hóa giáo dục, văn hóa văn nghệ, văn hóa đời sống... cũng thể hiện đậm nét sức mạnh và sự chi phối của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Một nền giáo dục yêu nước và cách mạng “thực dạy thực học”; học để làm việc, làm người, làm cán bộ; học để phụng sự Tổ quốc, nhân dân và nhân loại, tạo nên sáng tạo cho con người, làm nảy nở nhiều nhân tài, đã được khẳng định, ghi đậm dấu ấn trong lịch sử giáo dục Việt Nam. Một nền văn nghệ yêu nước và cách mạng hướng thiện,

phản ánh được những cái hay, cái đẹp, cái thiện của dân tộc, đồng thời phê phán cái dở, cái xấu, cái ác. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống hòa quyện với chủ nghĩa yêu nước hiện đại được thể hiện bằng phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, phản ánh trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật là định hướng tư tưởng cho cả dân tộc hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ.

Như vậy, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là động lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Mỗi người Việt Nam- trừ lũ tay sai bán nước- đều có kiểu yêu nước của riêng mình. Tuy nhiên, từ khi xuất hiện Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh với việc hình thành đường lối cứu nước mới- giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, đồng thời cũng từng bước hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh- một bộ phận quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh- cũng xuất hiện, từng bước phát triển và hoàn thiện. Nó làm tăng thêm chất lượng lòng yêu nước của mỗi người và huy động được cả dân tộc vào công cuộc dựng nước và giữ nước. Dựng nước không đơn thuần là cả dân tộc vùng lên đánh đổ bọn xâm lược và tay sai mà quan trọng hơn là làm cho đất nước giàu mạnh. Được sự hướng dẫn của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, chúng ta muốn tiến kịp các nước, muốn cho nhân dân được hạnh phúc tự do, có một nền văn hóa cao, làm cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa được thực hiện. Những mong muốn lớn lao đó từ khát vọng yêu nước đã được thực hiện từng bước trước lúc Hồ Chí Minh đi xa. Đó cũng chính là sức mạnh nội lực giúp ta bảo vệ được độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ đất nước.

Những giá trị tinh thần cao quý đó sẽ được tiếp tục phát huy trong thời kỳ mở cửa, hội nhập.

Chương II

PHÁT HUY CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KỲ MỞ CỬA, HỘI NHẬP

I. THỜI KỲ MỚI, YÊU CẦU MỚI

1. Đặc điểm tình hình thế giới và trong nước

1.1. Đặc điểm tình hình thế giới

Từ cuối thập niên tám mươi của thế kỷ XX, tình hình thế giới nổi lên những đặc điểm mới tác động đến việc hoạch định chính sách của các nước, trong đó có nước ta.

Những thay đổi về so sánh lực lượng của cục diện thế giới

Sau gần nửa thế kỷ tồn tại kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, trật tự thế giới hai cực trong vai trò là hình thái biểu hiện của cuộc đối đầu Đông-Tây khốc liệt đã đi đến kết thúc khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Những sự kiện này làm thay đổi sâu sắc cục diện thế giới, khiến cho cơ cấu địa- chính trị và sự phân bố quyền lực toàn cầu bị đảo lộn. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào và đã đẩy cuộc khủng hoảng của phong trào cộng sản quốc tế và công nhân quốc tế càng trở nên trầm trọng. Tương quan lực lượng thế giới nghiêng hẳn về phía có lợi cho chủ nghĩa tư bản, bất lợi cho chủ nghĩa xã hội và các lực lượng cách mạng và tiến bộ. Quá trình hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh lạnh chứa đựng nhiều yếu tố bất trắc, khó đoán định.

Trong bối cảnh đó, trên thế giới đã diễn ra những thay đổi sâu sắc, có tính đan xen, phức tạp, thậm chí trái chiều nhau. Trên bình diện an ninh- chính trị, ngay sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế hòa dịu, hòa hoãn tỏ ra chiếm ưu thế trong quan hệ quốc tế. Với nhiều cấp độ khác nhau, tiến trình cải thiện quan hệ giữa các nước, các đối thủ cũ vốn từng đứng trên hai trận tuyến

đối lập nhau được thúc đẩy, hình thành nhiều mối quan hệ hợp tác liên kết mới trên các lĩnh vực theo xu hướng chú trọng lợi ích dân tộc và mục tiêu phát triển. Quan hệ giữa các nước lớn thay đổi nhanh chóng, từ chỗ mất cân bằng chuyển sang tìm kiếm sự cân bằng mới, kiềm chế bất đồng, tránh xung đột mang tính chất đối kháng. Mỗi nước lớn đều coi trọng việc xác lập và củng cố những điều kiện quốc tế có lợi, tăng cường hệ số an toàn quốc gia, xây dựng các mối quan hệ theo các mô thức “đối tác chiến lược” với quy mô khác nhau. Tuy vậy, vừa hợp tác vừa đấu tranh và cạnh tranh gay gắt với nhau; vừa thỏa hiệp và xung đột, mâu thuẫn với nhau vẫn luôn luôn hiện diện như hình thái đặc trưng của quan hệ giữa các nước lớn.

Mặt khác, nếu trật tự thế giới hai cực mất đi làm giảm các cuộc xung đột bắt nguồn từ cuộc đối đầu Xô- Mỹ trước đó, thì đồng thời nó cũng làm mất đi cái giới hạn kiềm chế đối với các xung đột khác, hoặc làm bộc lộ rõ nét và ngày càng gay gắt thêm một số mâu thuẫn vốn tiềm ẩn. Điều đó lý giải vì sao, trong lúc không ít cuộc nội chiến, xung đột kéo dài đã từng đi đến giải pháp chính trị, thì tại nhiều khu vực, hàng loạt cuộc xung đột mới lại bùng lên giữ dội. Môi trường an ninh toàn cầu sau chiến tranh lạnh vẫn tiếp tục trở nên không chắc chắn. Xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, những bất ổn do mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố xảy ra ở nhiều nơi, nhất là tại khu vực các nước đang phát triển. Triệt để lợi dụng ưu thế trong so sánh lực lượng sau chiến tranh lạnh, Mỹ tỏ ra tham vọng độc quyền “lãnh đạo” thế giới. Bởi vậy, những năm gần đây, dưới quyền Tổng thống G.W. Buxơ, chính quyền Mỹ càng ráo riết thi hành một chính sách đơn phương mang nặng tính vị kỷ, bất chấp sự phản đối của nhiều nước lớn và cộng đồng quốc tế. Đây là một đe dọa lớn cho nền an ninh thế giới.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ có bước phát triển nhảy vọt, đạt được những thành tựu to lớn.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra mạnh mẽ có bước tiến nhảy vọt, đạt được nhiều kỳ tích tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống mỗi quốc gia và quan hệ quốc tế đương đại. Đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là ở chỗ khoa học, công nghệ và sản xuất không còn là ba lĩnh vực tách rời nhau. Trái lại, phát minh khoa học chuyển hóa thành công nghệ và đưa vào sản xuất đại trà và ngày càng thống nhất trong một quá trình; khoảng cách trong các khâu trong nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu triển khai và ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn.

Những thành tựu khoa học và công nghệ được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Trong nền sản xuất hiện đại, sản phẩm đổi mới rất nhanh, giá thành giảm mạnh, nguyên vật liệu được sử dụng tiết kiệm, năng suất lao động rất cao.

Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển nhảy vọt, đồng thời bản thân nó là lực lượng sản xuất mới, hiện đại. Tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong thế kỷ XX đã thay đổi căn bản.

Cách mạng khoa học và công nghệ trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến những biến đổi khó lường về kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng, lối sống và cả kiến trúc thượng tầng chính trị của xã hội. Nó buộc các quốc gia thuộc các hệ thống chính trị khác nhau và cả cộng đồng thế giới phải thay đổi cơ chế quản lý, phải cải cách hành chính, từ bỏ cơ chế, mô hình quản lý không phù hợp.

Khoa học, công nghệ, tri thức là tài sản cả loài người không của riêng giai cấp, dân tộc nào, song những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ lại do các tập đoàn tư bản lớn và các nước tư bản phát triển chi phối. Chủ nghĩa tư bản đã sử dụng những thành tựu ấy để củng cố, tăng cường địa vị thống trị của nó. Tuy nhiên, theo tinh thần của Mác, khoa học và công nghệ là những “người cách mạng” nguy hiểm đối với trật tự của thế giới tư bản chủ

nghĩa, vì lực lượng sản xuất khổng lồ do khoa học, công nghệ đưa tới sẽ không tương thích được với trật tự ấy.

Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh.

Ngày nay, toàn cầu hóa đã trở thành một xu thế của thế giới đương đại. Xu thế này hình thành từ đầu thế kỷ XX, được đẩy mạnh trong hai thập niên cuối thế kỷ này. Chắc chắn nó sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ hơn nữa trong thế kỷ XXI. Toàn cầu hóa là một quá trình thông qua đó thị trường và sản xuất ở nhiều nước khác nhau đang ngày càng phụ thuộc lẫn nhau.

Toàn cầu hóa là hệ quả tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đặc biệt là của công nghệ thông tin. Toàn cầu hóa trước hết là biểu hiện của sự xã hội hóa cao độ lực lượng sản xuất. Toàn cầu hóa đồng thời là sự phát triển tất yếu theo chiều rộng và chiều sâu của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, mặc dù không phải tất cả các nước tham gia toàn cầu hóa đều là các nước tư bản. Chấn tâm của toàn cầu hóa là các nước tư bản phát triển, xứ sở của phần lớn công ty xuyên quốc gia trên thế giới.

Toàn cầu hóa là một quá trình phức tạp đầy mâu thuẫn, chứa đựng cả mặt tích cực lẫn tiêu cực, cả thời cơ lẫn thách thức đối với các quốc gia, trong đó các nước đang phát triển, chậm phát triển chịu nhiều thách thức hơn cả.

Toàn cầu hóa có tác dụng nhất định trong việc thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác để phát triển. Toàn cầu hóa tháo dỡ các rào cản đối với tự do thương mại, làm cho giao lưu kinh tế diễn ra mạnh mẽ nhanh chóng. Toàn cầu hóa tạo môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt buộc các nước phải có tư duy năng động, có cơ chế và bộ máy quản lý hoạt động có hiệu quả. Toàn cầu hóa và cách mạng thông tin tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tiếp cận

nhANH chóng các thành tựu văn hóa, khoa học của loài người, đồng thời có điều kiện đóng góp tích cực vào sự phát triển của văn minh nhân loại.

Bên cạnh tác dụng tích cực nói trên, toàn cầu hóa tạo ra những thách thức và nguy cơ không nhỏ đối với các nước, nhất là các nước đang phát triển. Toàn cầu hóa làm tăng tính phụ thuộc của các nước đang phát triển vào bên ngoài về vốn, công nghệ và thị trường.

Toàn cầu hóa kinh tế có tác động trực tiếp đến lĩnh vực chính trị, đến an ninh quốc gia. Nó tạo ra nguy cơ các nước đang phát triển bị lệ thuộc về kinh tế, từ đó dẫn đến lệ thuộc về chính trị gây nguy hại đến chủ quyền và an ninh quốc gia.

Đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc tiếp tục diễn ra ngày càng tăng lên. Xung đột dân tộc, tôn giáo tiếp tục bùng phát với những diễn biến có nhiều nguy cơ khó lường.

Sau sự kiện Liên Xô tan rã, mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc càng phức tạp, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc trên thế giới không dịu đi mà tiếp tục diễn ra gay gắt dưới những hình thức mới. Những cuộc đấu tranh đó vẫn là động lực cho việc loại bỏ trật tự xã hội lỗi thời, bất công, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Ở các nước tư bản phát triển, cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, xung đột tôn giáo vẫn tiếp diễn, song đấu tranh giai cấp, xung đột sắc tộc, tôn giáo vẫn nổi trội và gay gắt hơn đấu tranh dân tộc. Nội dung chính của đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản những năm qua là phong trào công nhân lao động chống các chính sách tăng cường áp bức bóc lột, xâm phạm lợi ích người lao động của chính quyền đại diện lợi ích các công ty tư bản kẻch xù. Phong trào chống “toàn cầu hóa” lan mạnh khắp các nước tư bản phát triển. Thực chất không phải là chống giao lưu quốc tế, tự do thương mại..., mà là đấu

tranh bảo vệ lợi ích sống còn của người lao động trước sự tấn công, sự lấn tới của tư bản độc quyền.

Tại các nước xã hội chủ nghĩa cũ, do chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ, quan hệ giai cấp đã thay đổi căn bản. Người lao động bị bóc lột nặng nề, hàng triệu người thất nghiệp, đời sống khó khăn. Đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc diễn ra dưới nhiều hình thức, chủ yếu là các hình thức đấu tranh hợp pháp như: biểu tình, bãi công, hội thảo, đấu tranh trên báo chí, trên các diễn đàn khác. Đấu tranh nghị trường là hình thức rất quan trọng và phổ biến của đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Trong vài ba thập kỷ tới, chưa thể nói tới triển vọng nhân dân giành lại chính quyền, khôi phục chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ở các nước đang phát triển, mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc đều sâu sắc, song đấu tranh dân tộc và đấu tranh chống tư bản nước ngoài phát triển hơn so với đấu tranh giữa lao động và tư bản trong nội bộ quốc gia dân tộc. Đa số các nước đang phát triển đứng trước hàng loạt vấn đề kinh tế xã hội, chính trị phức tạp, như đói nghèo, bệnh tật, thất học, ô nhiễm môi trường, v.v.. Vấn đề cơ bản và bức xúc nhất là vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc trước chủ nghĩa đế quốc bá quyền, chủ nghĩa thực dân mới, trước những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa.

Độc lập dân tộc, bình đẳng dân tộc là vấn đề lớn nhất, bức xúc nhất của thời đại hiện nay. Bóc lột dân tộc tiếp tục là điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Các dân tộc nhỏ yếu chậm phát triển không những bị bóc lột mà còn có nguy cơ bị đẩy ra bên lề cuộc sống hiện tại. Hố ngăn cách giữa “khu vực trung tâm” và “khu vực ngoại vi” của thế giới tư bản ngày càng sâu rộng thêm. Các chính sách đế quốc tiếp tục được áp dụng đối với các nước đang phát triển, trong đó nguy hiểm nhất là chính sách xâm lược chia để trị,

can thiệp trắng trợn vào nội bộ các nước. Mỹ đang thi hành đế chế ngay trong thời đại văn minh.

Quan hệ giữa các nước lớn- nhân tố rất quan trọng tác động đến sự phát triển thế giới.

Trong số hơn 200 quốc gia, một số cường quốc có sức chi phối lớn đối với chính trị, kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế đương đại. Căn cứ vào sức mạnh tổng hợp, ảnh hưởng thực tế, những quốc gia sau đây được cộng đồng thế giới xem là nước lớn: Hoa Kỳ, Canada, Braxin, Nga, Anh, Pháp, Đức, Italia, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ.

Các nước lớn và quan hệ giữa các nước lớn có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển thế giới. 11 nước lớn chiếm 1/3 lãnh thổ và quá nửa dân số thế giới, hơn 70% GDP của cả thế giới. Đa số nước lớn là những cường quốc hàng đầu về kinh tế, khoa học, công nghệ, sức mạnh quân sự. Có 5 nước lớn là ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc. Nhóm G7 là những nước tư bản phát triển nhất.

Các nước lớn và quan hệ giữa các nước lớn là nhân tố rất quan trọng tác động đến sự phát triển thế giới. Tuy nhiên, các nước lớn không phải một khối thống nhất, mà là một tập hợp đầy mâu thuẫn. Quan hệ giữa các nước lớn gồm nhiều loại: đồng minh, liên kết, không liên kết, đối tác, đối thủ, đối thủ trực tiếp, đối thủ tiềm tàng... hết sức phức tạp. Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều biến động, các nước đều điều chỉnh chiến lược để mở rộng ảnh hưởng, giành giật lợi ích về nhiều mặt. Quan hệ giữa họ diễn ra theo chiều hướng vừa đấu tranh vừa thỏa hiệp và vì lợi ích của mình, nhìn chung các nước lớn đều tránh đối đầu với Mỹ. Vấn đề đặt ra trong chính sách đối ngoại của các nước đang phát triển là làm sao vừa tranh thủ được quan hệ với các nước lớn để phát triển, vừa không để các nước này thâm tóm, áp đặt hoặc gây bất lợi trong quan hệ quốc tế.

Nhân loại đang đứng trước những vấn đề toàn cầu hết sức bức xúc đòi hỏi phải có sự hợp tác đa phương để giải quyết

Chưa bao giờ nhân loại đang phải đối phó với rất nhiều vấn nạn đòi hỏi phải có sự hợp tác đa phương để giải quyết. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nhấn mạnh: “Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết: khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; sự gia tăng dân số cùng với các luồng dân di cư; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị phá hủy; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; các dịch bệnh lớn, các tội phạm xuyên quốc gia có chiều hướng tăng...”. Giải quyết những vấn đề này phụ thuộc vào đường lối của mỗi quốc gia và do đó phong trào quần chúng đòi hỏi giải quyết các vấn đề toàn cầu là một bộ phận của cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới.

Cùng với những đặc điểm chủ yếu nêu trên, thế giới vận động theo xu thế đan xen nhau, phức tạp, trong đó nổi lên các *xu thế cơ bản* sau:

- Hòa bình, hợp tác và phát triển là một xu thế lớn, phản ánh những đòi hỏi bức xúc của các dân tộc trên thế giới. Các nước đều dành ưu tiên và coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp; đồng thời chú trọng sự ổn định chính trị và hợp tác quốc tế.

- Các quốc gia lớn, nhỏ đều tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác, liên kết khu vực và quốc tế về kinh tế, chính trị, thương mại và nhiều lĩnh vực khác. Hợp tác ngày càng tăng, nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt, quyết liệt.

- Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, đấu tranh chống sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hóa dân tộc, đồng thời mở rộng quan hệ quốc tế.

- Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Những thành tựu đạt được trong cải cách, đổi mới của các nước xã hội chủ nghĩa những năm qua chứng tỏ sức sống và khả năng tự đổi mới để phát triển của chủ nghĩa xã hội. Phong trào cộng sản, công nhân quốc tế ngày càng bộc lộ rõ dấu hiệu phục hồi, nỗ lực tìm kiếm những hình thức tập hợp lực lượng mới củng cố vai trò trong đời sống chính trị xã hội.

- Các nước có chế độ chính trị- xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình. Hợp tác và đấu tranh là hai mặt không tách rời của quan hệ quốc tế hiện đại, đồng thời cũng là vấn đề có tính nguyên tắc trong phương pháp xử lý các vấn đề quốc tế.

Những đặc điểm và xu thế trên đây đã quy định tính đa phương, đa dạng hóa quan hệ quốc tế trong chính sách đối ngoại của mỗi nước.

1.2. Việt Nam gia nhập WTO- cơ hội và thách thức

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (4-2006) khẳng định qua 20 năm đổi mới (1986-2006), thế và lực nước ta lớn mạnh lên nhiều so với trước. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình tạo thêm nhiều thuận lợi cho nhân dân ta đổi mới, phát triển kinh tế – xã hội với tốc độ nhanh hơn. Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu

“diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Từ khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (7-11-2006), chúng ta có nhiều cơ hội, đồng thời phải đối mặt với không ít thách thức. Trong bài viết “Gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới- cơ hội, thách thức và hành động của chúng ta”, Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng đã phân tích:

Về cơ hội:

Một là, được tiếp cận thị trường hàng hóa và dịch vụ ở tất cả các nước thành viên với mức thuế nhập khẩu đã được cắt giảm và các ngành dịch vụ mà các nước mở cửa theo các nghị định thư gia nhập của các nước này, không bị phân biệt đối xử. Chúng ta có điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu và mở rộng kinh doanh dịch vụ ra các nước. Từ đó, tạo ra khả năng cho một nền kinh tế có độ mở lớn, làm cho kim ngạch xuất khẩu cao khoảng trên 60% GDP. Đó là những yếu tố đảm bảo tăng trưởng.

Hai là, với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện công khai, minh bạch các thiết chế quản lý theo quy định của WTO, môi trường kinh doanh của nước ta ngày càng được cải thiện. Đây là tiền đề rất quan trọng để không những phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế trong nước mà còn thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, qua đó tiếp nhận vốn, công nghệ sản xuất, công nghệ quản lý, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra công ăn việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo đảm tốc độ tăng trưởng và rút ngắn khoảng cách phát triển (năm 2006, đầu tư nước ngoài chiếm 15,5% GDP, thu hút hơn một triệu lao động trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

Ba là, gia nhập WTO chúng ta có được vị thế bình đẳng như các thành viên khác trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, có cơ hội đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự kinh tế mới công bằng hơn, hợp lý hơn, có điều kiện bảo vệ lợi ích của đất nước, của doanh nghiệp.

Bốn là, việc gia nhập WTO, hội nhập nền kinh tế thế giới góp phần tích cực thúc đẩy tiến trình cải cách của ta đồng bộ hơn, có hiệu quả hơn.

Năm là, việc gia nhập WTO sẽ nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế, tạo điều kiện cho ta triển khai có hiệu quả đường lối đối ngoại theo phương châm: Việt Nam mong muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Tuy nhiên, hiện nay nước ta là một nước đang phát triển ở trình độ thấp, quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém và bất cập, doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân còn nhỏ bé. Yêu cầu hội nhập cao, trong khi năng lực nội sinh thấp; mặt khác, những tác động tiêu cực tiềm tàng của chính quá trình hội nhập. Vì vậy, chúng ta phải đối mặt với những thách thức:

Một là, do thuế nhập khẩu phải cắt giảm (từ 17,4% xuống 13,4% trong vòng 3- 5 năm), nên cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế, cạnh tranh quốc gia sẽ diễn ra gay gắt hơn, trên bình diện rộng hơn, sâu hơn. Đó là sự cạnh tranh về sản phẩm, giữa các doanh nghiệp, giữa nhà nước với nhà nước cả trong nước và thị trường thế giới. Về nhà nước, đó là chiến lược phát triển, chính sách quản lý nhằm phát huy nội lực, thu hút đầu tư; là phát huy lợi thế so sánh, tạo môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng.

Hai là, trên thế giới, sự “phân phối” lợi ích của toàn cầu hóa là không đồng đều. Những nước có nền kinh tế phát triển thấp được hưởng lợi ít hơn. Mỗi quốc gia cũng như vậy. Một bộ phận dân cư được hưởng lợi ít hơn. Vì vậy, nguy cơ phá sản một bộ phận doanh nghiệp và nguy cơ thất nghiệp sẽ

tăng lên, phân hóa giàu nghèo sẽ mạnh hơn. Vấn đề đặt ra đối với nhà nước là chú trọng chính sách phúc lợi và an sinh xã hội đúng đắn.

Ba là, hội nhập kinh tế trong một thế giới toàn cầu hóa, tính tùy thuộc lẫn nhau sẽ tăng lên. Sự biến động trên thị trường các nước sẽ tác động mạnh đến thị trường trong nước, đòi hỏi chúng ta phải có chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn, có năng lực dự báo và phân tích tình hình, cơ chế quản lý phải tạo cơ sở để nền kinh tế có khả năng phản ứng tích cực, hạn chế được những tiêu cực trước những biến động trên thị trường thế giới

Bốn là, hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra những vấn đề mới trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chống lại lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền.

Năm là, vấn đề nguồn lực, cái quyết định nhất là con người, khi chúng ta mở cửa, vấn đề cạnh tranh giành nguồn lực rất khốc liệt. Hội nhập, mở cửa thì vấn đề quan trọng là làm sao giữ được người tài để phục vụ đất nước.

2. Yêu cầu mới đặt ra

Chủ đề và tinh thần cơ bản của Đại hội X là “nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”. Mục tiêu và phương hướng tổng quát 5 năm 2006 – 2010 là: “nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị- xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát

triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”¹. Với mục tiêu và phương hướng theo tinh thần của Đại hội X, có mấy vấn đề đặt ra:

2.1. Nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa cơ hội và thách thức

Về những thuận lợi và khó khăn trong nước, chúng ta phải xác định đất nước có cơ hội lớn, nhưng khó khăn còn nhiều. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn.

Đặc biệt, gia nhập tổ chức thương mại thế giới, hội nhập kinh tế quốc tế như đã nêu, vừa có cơ hội lớn, vừa phải đối đầu với thách thức không nhỏ. Vấn đề cần nhận thức là “cơ hội tự nó không biến thành lực lượng vật chất trên thị trường mà tùy thuộc vào khả năng tận dụng cơ hội của chúng ta. Thách thức tuy là sức ép trực tiếp nhưng tác động của nó đến đâu còn tùy thuộc vào nỗ lực vươn lên của chúng ta. Cơ hội và thách thức không phải “nhất thành bất biến” mà luôn vận động, chuyển hóa và thách thức đối với ngành này có thể là cơ hội cho ngành khác phát triển. Tận dụng được cơ hội sẽ tạo ra thế và lực mới để vượt qua và đẩy lùi thách thức, tạo ra cơ hội mới lớn hơn. Ngược lại, không tận dụng được cơ hội, thách thức sẽ lấn át, cơ hội sẽ mất đi, thách thức sẽ chuyển thành những khó khăn dài hạn, rất khó khắc phục. Ở đây, *nhân tố chủ quan, nội lực của đất nước, tinh thần tự lực tự cường của toàn dân tộc là quyết định nhất* (chúng tôi nhấn mạnh)”².

Tiếp cận ở một góc cạnh khác, chúng ta cũng có thể thấy, thách thức nhưng biết vượt lên sẽ phát triển. Theo ông Lương Văn Tự, nguyên Thứ trưởng Thương mại, nguyên Trưởng đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 76.

² Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng: *Gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới- cơ hội, thách thức và hành động của chúng ta*, Báo Tuổi trẻ, 8-11-2006.

thương mại quốc tế, Tổng Thư ký Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, thì khi làm việc với hãng Nokia- công ty điện thoại di động số 1 thế giới, họ coi tất cả những thách thức là cơ hội mới, cuộc sống không có thử thách thì không có cuộc sống. Họ coi thách thức là một cơ hội, khi họ vượt qua được thì họ trở thành số 1. Theo ông Lương Văn Tụy, cơ hội đó có hay hay không phải do chính sách, do các doanh nghiệp. Gia nhập WTO để chúng ta phát triển, tức đó là cách thức để phát triển chứ không phải mục tiêu. Vì vậy, không có nghĩa gia nhập WTO là chúng ta giàu có lên hay nghèo đi mà đó là một cơ hội để làm giàu. Chúng ta tranh thủ, khai thác được cơ hội đó thì chúng ta giàu. Chúng ta vượt qua được thách thức thì chúng ta có cơ hội mới. Nếu tranh thủ được thời cơ này và chấp nhận để vượt qua thách thức, chúng ta sẽ đưa nền kinh tế phát triển lên trình độ cao hơn, nhưng cũng đòi hỏi sự cố gắng của tất cả các bộ, ngành, nhất là sự lao động sáng tạo, liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp Việt Nam để chúng ta mạnh lên và phát triển nhanh hơn.

2.2. Một số yêu cầu cụ thể

Đại hội X của Đảng nêu lên mười vấn đề cụ thể cần phải thực hiện từ 2006 đến hết 2010:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở nước ta là thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng; là phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; là thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, giải quyết các vấn đề xã hội; là phát huy

quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước.

Thứ hai, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Thứ ba, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực.

Thứ tư, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Thứ năm, phát triển văn hóa nền tảng tinh thần của xã hội.

Thứ sáu, tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ bảy, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ tám, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Thứ chín, phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và phát triển Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ mười, đổi mới chính đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Tại diễn đàn Đại hội X, Đảng ta kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở trong cũng như ở ngoài nước, tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, *nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự cường*, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và tiến mạnh trên con đường công

nghiệp hóa, hiện đại hóa vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai với các cường quốc trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại.

Cả mười vấn đề nêu trên đều là yêu cầu đặt trong thời kỳ mở cửa, hội nhập. Để phát huy tốt những yêu cầu đó, có nhiều biện pháp, trong đó phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là một biện pháp quan trọng. Trong khuôn khổ đề tài, chúng tôi chỉ nêu một số vấn đề phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong mở cửa, hội nhập.

II. PHÁT HUY CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH – MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa tròn 40 năm, nhưng Người để lại cho chúng ta một di sản tinh thần vô giá, đó là tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có nội dung quan trọng là chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đã thấm sâu vào cả dân tộc, vào mỗi trái tim, khối óc từng con người Việt Nam. Lúc Hồ Chí Minh còn sống, chúng ta đã phát huy chủ nghĩa yêu nước truyền thống trong thời đại Hồ Chí Minh và chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trước đây đã mang lại hiệu quả to lớn. Hiện nay, phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh chính là nâng cao chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập. Để làm tốt việc này, cần nhận thức đầy đủ, đúng đắn các vấn đề sau đây:

Một là, như trên đã nêu, thời kỳ mở cửa, hội nhập có nhiều đặc điểm, tình hình mới không giống, thậm chí khác xa so với thời Hồ Chí Minh sống và từ đó đặt ra những yêu cầu mới.

Hai là, nhiều thế hệ người Việt Nam sinh ra sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ trần, đặc biệt sau khi miền Nam được giải phóng, trong đó có không ít thanh niên sinh ra và lớn lên khi đất nước đã bước vào thời kỳ đổi mới. Những con người đó chỉ được tiếp nhận tư tưởng Hồ Chí Minh qua sách

vở, tuyên truyền, giáo dục. Họ không được tiếp nhận trực tiếp ngọn lửa yêu nước từ chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh.

Ba là, xu thế lớn của thế giới ngày nay là hòa bình, hợp tác và phát triển. Và vì vậy, phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập cũng hướng vào việc sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh – bản lĩnh trong việc kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài học hàng đầu qua thực tiễn 20 năm đổi mới là trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cũng chính là vấn đề dân tộc và giai cấp. Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã được đặt ra và giải quyết thành công, trước hết là vấn đề độc lập dân tộc. Với Hồ Chí Minh, quyền độc lập dân tộc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, bằng mọi giá phải giành cho kỳ được độc lập dân tộc. Hơn ba mươi năm qua, từ sau khi miền Nam được giải phóng, vấn đề này tiếp tục được quán triệt trong đường lối của Đảng. Hiện nay, theo tinh thần Hồ Chí Minh, vẫn cần nhận thức và giải quyết đúng đắn nội dung đó trong điều kiện mới. Kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ mở cửa hội nhập, trước hết cần nhận thức độc lập và phụ thuộc, độc lập và hợp tác có sự đan xen vào nhau. Trong thế giới ngày nay- “thế giới phẳng”- không có một quốc gia nào có thể tự mình giải quyết mọi vấn đề trong đời sống của con người. Tuy nhiên, các thế lực thù địch vẫn không chịu từ bỏ dã tâm chống phá và tiêu diệt các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Vì vậy, yêu nước là phải giữ vững độc lập dân tộc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Mà muốn

giữ vững độc lập dân tộc trong điều kiện hiện nay thì phải có những yêu cầu mới, cao hơn. Nếu những năm 1945-1954, bảo vệ độc lập dân tộc chỉ cần một số yếu tố như đường lối chính trị, ngoại giao đúng, sức mạnh nhất định về quân sự, thì giờ đây cần một sức mạnh tổng hợp. Đó là sức mạnh về chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao, giáo dục, khoa học công nghệ, quân sự ... Trong sức mạnh tổng hợp đó, có những vấn đề nổi lên chiếm vị trí hàng đầu như sức mạnh chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, ngoại giao. Tuy nhiên hạt nhân của các sức mạnh đó để tạo nên sức mạnh nội lực thật sự chính là lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc. Nhiệm vụ lớn lao của Đảng là làm cho toàn dân ý thức sâu sắc về quyền độc lập dân tộc trong hoàn cảnh mới, không được lơ là mất cảnh giác. Tức là ý thức về sự nối tiếp và nâng cao truyền thống.

Tuy nhiên hiện nay, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tuy hai mà một, tuy một mà hai. Giữ vững độc lập hiện nay thực chất là xây dựng Tổ quốc giàu mạnh, làm cho dân giàu nước mạnh. Chỉ có như vậy thì mới giữ vững được độc lập dân tộc. Xây dựng Tổ quốc cũng chính là nhằm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Tổ quốc là để xây dựng Tổ quốc. Quyết tâm thực hiện điều mong muốn cuối cùng của Bác Hồ trước lúc đi xa là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới, ngày nay Đảng ta phấn đấu thực hiện để đạt mục đích dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh. Hoàn thành được mục tiêu cao cả đó vừa tạo ra một chất mới, trình độ mới của xã hội Việt Nam hiện đại, vừa tạo ra nội lực để tự bảo vệ.

Để làm được điều đó, không thể chỉ là sức mạnh của tình cảm, lòng yêu nước đơn lẻ từng cá nhân, mà phải xây đắp, vun bồi chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời mở cửa, hội nhập trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, thì hạt nhân, linh hồn là chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, còn phải mở rộng biên độ

yêu nước cả bề rộng lẫn chiều sâu. Ngày nay, yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, mà yêu chủ nghĩa xã hội là phải bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội theo tinh thần đổi mới.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời mở cửa, hội nhập phải kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Mác- Lênin. Đây cũng là vấn đề tuy hai mà một, tuy một mà hai. Chủ nghĩa yêu nước là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, còn chủ nghĩa Mác- Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới. Ngày nay, chủ nghĩa Mác- Lênin vẫn còn nguyên giá trị trên những nguyên lý cơ bản. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mà không kết hợp với chủ nghĩa Mác- Lênin thì không phải là chủ nghĩa yêu nước kiểu Hồ Chí Minh. Mặt khác, chỉ có kết hợp với chủ nghĩa Mác- Lênin thì chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mới có thêm được sức mạnh mới, một xung lực mới. Đây là một bài học quý mà Hồ Chí Minh đã rút ra, được thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm chứng, đã và đang phát huy sức mạnh trong 20 năm đổi mới.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện nay phải tiếp nhận những tư tưởng tiên tiến của thời đại văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp. Những tư tưởng đó là trí tuệ của nhân loại, được đúc rút qua hàng trăm năm và được khẳng định mang tính quy luật phát triển của thời đại. Đó là những vấn đề về dân chủ, tri thức về kinh tế thị trường, tư duy về công chức, công vụ, về vai trò luật pháp và quản lý của nhà nước, về vai trò của “sức mạnh mềm”, về tiến bộ, công bằng, an sinh xã hội...

Chủ nghĩa Yêu nước Việt Nam thời mở cửa, hội nhập không thể bằng lòng, thỏa mãn với truyền thống, với cái đã qua (lịch sử), tuy truyền thống và lịch sử là luôn đáng trân trọng, vì nó là bệ đỡ cho tương lai. Tuy nhiên Hồ Chí Minh không bao giờ nhấn mạnh một chiều quá khứ, say sưa với truyền thống, dù quá khứ có hào quang đến mấy. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là tập trung cho hiện tại và luôn hướng tới tương lai. Người đặt kỳ vọng Việt Nam

sánh vai với các cường quốc năm châu, tạo dựng hình ảnh của một đất nước “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, dân chủ, giàu mạnh, tự do, hạnh phúc. Vì vậy, phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập chính là chuyển từ động lực tinh thần trong chống ngoại xâm và xây dựng đất nước theo tư duy cũ và bước đầu đổi mới sang động lực tinh thần trong xây dựng đất nước thời mở cửa, hội nhập.

Nhìn tổng thể, đó là sự khắc phục nghèo nàn, lạc hậu, coi nghèo nàn lạc hậu, coi thua kém các nước trong khu vực và thế giới cũng là nỗi nhục như nhục mất nước, nhục nô lệ. Tuy nhiên, nhận thức đó hiện nay, sau khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới với những cơ hội và thách thức như đã nêu không thể chỉ dừng lại như trước khi vào WTO. Hiện nay, mức độ cạnh tranh hết sức khốc liệt, vì vậy nhận thức không thể chỉ dừng lại ở chỗ tranh thủ khai thác được cơ hội thì giàu, mà phải thấy *không* tranh thủ được cơ hội, không khắc phục được thách thức thì “chết”. Tinh thần yêu nước trước đây “độc lập hay là chết” phải được chuyển hóa trong giai đoạn hiện nay “vượt qua được khó khăn, tranh thủ được cơ hội hay là chết”.

Từ những phân tích như trên để thấy chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện nay giữ vai trò rất quan trọng trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Hiện nay phải xác định chủ nghĩa yêu nước là mẫu số chung của mọi người Việt Nam ở trong nước cũng như của mọi thành viên trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Đó là cơ sở chung cần phát huy để đoàn kết tập hợp mọi lực lượng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện nay là động lực nội sinh tạo nên quyết tâm, ý chí, nghị lực và trí tuệ để xây dựng đất nước, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, trong nhịp bước của thời đại. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện nay là nhân tố cơ bản của bản lĩnh dân tộc, bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững, bảo đảm

giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong giao lưu văn hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

2.1. Nhu cầu khách quan và định hướng chủ yếu

Nói phát huy chủ nghĩa yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới hiện nay chính là đề cập đến phát huy sức mạnh, vai trò động lực của nhân tố tinh thần theo phương pháp, tinh thần Hồ Chí Minh để xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một chủ đề lớn, có nhiều nội dung; ở đây chúng tôi chỉ nêu một vài suy nghĩ.

- Trước đây, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, của Đảng, dân tộc ta đã phát huy cao độ lòng yêu nước nồng nàn đấu tranh giải phóng giành lại độc lập dân tộc, rửa nỗi nhục mất nước, xóa bỏ vết nhơ nô lệ, lầm than. Đó là một điều đáng tự hào, nâng cao vị thế và tầm vóc dân tộc trước con mắt bạn bè thế giới. Dân tộc Việt Nam một thời đứng ở tuyến đầu chống đế quốc thực dân, trở thành biểu tượng của lương tâm và phẩm giá làm người của thời đại. Quá khứ huy hoàng phải được huy động vào công cuộc đổi mới hiện nay, nói như Hồ Chí Minh, "lòng yêu nước phải được thực hành" vào công việc thực tế hàng ngày.

Trong giai đoạn mới, từ một nước có tiền đề xuất phát rất thấp, lạc hậu, chúng ta phải đồng thời giải quyết nhiều nhiệm vụ khó khăn mà trọng tâm là xây dựng, tăng trưởng, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất để nước mạnh, dân giàu nhịp bước cùng thời đại. Lòng yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc phải tập trung vào mặt trận chủ yếu này nhằm rửa sạch nỗi nhục nghèo nàn, dốt nát, lạc hậu. Phát huy tinh thần yêu nước đó làm cho người Việt Nam trở thành giàu có, có đời sống vật chất no đủ là tiếp nối dòng chảy lịch sử - văn hóa, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hợp quy luật, hợp lòng dân.

Bất kỳ một người Việt Nam yêu nước nào, sống trong nước hay ở nước ngoài, phải suy nghĩ, trăn trở về tình hình kinh tế thực tại của đất nước để rồi hành động đúng, đóng góp sức mình vào sự nghiệp chung. Sau hơn 20 năm đổi mới, nền kinh tế nước ta có bước chuyển động tích cực, đạt được nhiều thành tựu được thế giới ghi nhận, đánh giá cao, đời sống mọi bộ phận dân cư được cải thiện, dần dần được nâng cao. Nhưng chất lượng phát triển kinh tế - xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn kém, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp. Việt Nam vẫn là một trong 40 nước nghèo nhất thế giới. So sánh với bạn bè trong khu vực theo các chỉ số định lượng, chúng ta càng phải suy ngẫm để tìm kế sách "đi tắt, đón đầu" thích hợp, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), năm 2006, GDP và GDP bình quân đầu người của Trung Quốc là 1.677 tỷ USD và 1.290 USD/ người; tương tự, con số này của Malaixia là 117 tỷ USD và 4.650 USD/ người, của Philippin là 97 tỷ USD và 1.170 USD/ người, của Thái Lan là 159 tỷ USD và 1.540 USD/ người, của Việt Nam là 45 tỷ USD và 562 USD/ người.

Theo Báo cáo cạnh tranh kinh tế toàn cầu năm 2004 của Diễn đàn kinh tế thế giới, chỉ số cạnh tranh toàn cầu của nước ta xếp thứ 77 trên 104 nước được khảo sát, trong đó, chỉ số cạnh tranh về môi trường kinh tế vĩ mô xếp thứ 58/104, về thể chế công xếp thứ 82/104, về công nghệ xếp thứ 92/104, chỉ số cạnh tranh về kinh doanh xếp thứ 90/104. Trong khi đó, trình độ đổi mới công nghệ của nước ta diễn ra rất chậm, làm cho hàng hóa Việt Nam thiếu tính cạnh tranh, thua trên cả thị trường nội địa và quốc tế. Theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới, năm 2003, tỷ lệ hàng xuất khẩu công nghệ cao trong tổng xuất khẩu hàng chế tác của Malaixia chiếm 58%, Thái Lan chiếm 30%, Trung Quốc chiếm 27%, của Việt Nam chỉ chiếm 2%.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta chỉ có thể phát triển nhanh, duy trì tốc độ tăng trưởng cao nếu biết huy động và sử dụng

có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nội lực. Bởi vì, nội lực có vai trò quyết định đối với sự phát triển. Có phát huy được nội lực mới thu hút và sử dụng có hiệu quả ngoại lực. Nội lực được tăng cường mới bảo đảm được độc lập tự chủ về kinh tế và thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế thành công. Phát huy nội lực trước hết là phát huy nguồn lực con người, nguồn lực của toàn dân tộc, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và sử dụng tốt nhất các nguồn lực của Nhà nước. Điều có ý nghĩa quyết định là phải có chính sách phù hợp để *phát huy tối đa khả năng về vật chất, trí tuệ và tinh thần của mọi người dân*, của các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân - một nguồn lực giàu tiềm năng của dân tộc - để góp phần quan trọng giải quyết việc làm, đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Phát huy nguồn lực con người gắn với huy động tối đa sức mạnh tinh thần truyền thống và chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ đạo. Theo tinh thần và phương pháp Hồ Chí Minh, trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, có thể phát huy lòng yêu nước của dân ta theo các hướng khác nhau, nhưng phải quy tụ vào mục tiêu đồng thuận chung: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trước hết, cần nhận thức rõ, trong điều kiện kinh tế thị trường, vì lợi nhuận, do tâm lý làm giàu nhanh chóng, bằng mọi giá, có thể xuất hiện các xu hướng làm suy giảm nguồn năng lượng của các giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam như chộp giật, lừa đảo, tham nhũng, tham ô v.v... Phát triển kinh tế kiểu đó chắc chắn sẽ làm nghèo đất nước về cả vật chất và tinh thần, cần phải lên án và chống lại; đây không phải là xu hướng chủ đạo. Trong điều kiện nước ta, kinh tế thị trường phải mang bản chất xã hội chủ nghĩa, sự giàu có về vật chất phải đi đôi với sự phong phú, giàu có của đời sống tinh thần, nâng lòng yêu nước của người dân lên một trình độ mới cao hơn về chất lượng. Lòng yêu nước đó cần tập trung hướng vào giải quyết các vấn đề có thể nâng cao vị thế, tiềm lực, sức mạnh dân tộc Việt Nam.

Phát huy lòng yêu nước trong cuộc chiến chống đói nghèo, xóa đói giảm nghèo, đẩy lùi sự dốt nát và lạc hậu. Với tình nghĩa đồng bào, con người Việt Nam ý thức về nguồn cội sẽ nương tựa, giúp đỡ lẫn nhau, thực hiện đến cùng phương châm của Hồ Chí Minh: Làm cho người nghèo đói thì trở nên đủ ăn; người đủ ăn trở nên khá; người khá trở nên giàu; người giàu thì ngày càng giàu thêm. Dân giàu thì nước mạnh; tiềm lực đất nước mạnh thì dân tộc này được nâng lên, không bị người ngoài coi thường, coi khinh, không bị thua thiệt, lép vế. Bởi lẽ, muôn đời nay, dân tộc này đã từng thấm thía: nghèo thì hèn. Thoát khỏi sự nghèo đói, dốt nát và lạc hậu *phải trở thành khát vọng chung của toàn dân tộc*, của từng người Việt Nam yêu nước. Nung nấu khát vọng làm giàu chắc chắn mỗi người sẽ tìm cho mình cách làm, có bước đi thích hợp. Ở nước ta hiện nay, yêu nước là phải biết cách làm giàu, bằng năng lực và sức lực, trong khuôn khổ pháp luật cho phép; làm giàu cho mình và giúp những người khác cùng làm giàu phải trở thành một triết lý hành động. Ý thức về nỗi nhục đói nghèo, khát vọng làm giàu chính đáng là động lực tinh thần vĩ đại, là nội dung mới của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, dựa vào nó dân tộc ta sẵn sàng chấp nhận mọi thách thức, tự tin đi ra biển lớn, chấp nhận cuộc chơi toàn cầu theo nghĩa cạnh tranh và hợp tác cùng có lợi.

Theo Hồ Chí Minh, yêu nước là phải hành động, thông qua việc làm mà bổ sung, làm giàu có tinh thần yêu nước của mọi người. Sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế hiện nay cũng đòi hỏi tinh thần dám nghĩ, dám làm, tự chủ và sáng tạo, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, có thương hiệu trên trường quốc tế để khẳng định trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam thời hội nhập. Chất lượng hàng hóa, năng lực làm việc của con người Việt Nam, được bạn bè ưa chuộng, quý mến, có sức cạnh tranh, trở thành thương hiệu là niềm tự hào, tự tôn dân tộc, phải là tâm điểm hướng tới của các doanh nghiệp, doanh nhân như người Nhật Bản, người Hàn Quốc... đã làm và làm được. Sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ v.v... chất lượng cao với nhãn mác "made in Vietnam",

các tập đoàn kinh tế mạnh Việt Nam cạnh tranh ngang ngửa với các tập đoàn kinh tế các nước khác là hướng đi hội nhập của nền kinh tế nước nhà. Bằng cách đó, mỗi người đã góp sức mình phát tán, làm thăng hoa chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, làm giàu có, phong phú phẩm giá con người Việt Nam.

Trên cả bình diện lý thuyết và thực tiễn, lòng yêu nước của dân tộc, trong thời đại chúng ta trở thành vốn quý, là tài sản vô giá để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế theo con đường thịnh vượng và giàu có, cho từng người và cho tất cả mọi người. Vì thế, quan niệm, phương pháp phát huy chủ nghĩa yêu nước của Hồ Chí Minh về xây dựng, phát triển kinh tế vẫn đồng hành với chúng ta hôm nay và mai sau.

2.2. Nội dung và hình thức thể hiện chủ nghĩa yêu nước trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay

Trong mỗi giai đoạn lịch sử, tinh thần yêu nước của người Việt Nam có nội hàm và hình thức biểu hiện khác nhau. Trong chiến tranh giữ nước, giành độc lập dân tộc thì tinh thần yêu nước chủ yếu thể hiện ở lòng quả cảm chiến đấu hy sinh thân mình để bảo vệ giang sơn Tổ quốc. Trong hoà bình xây dựng, tinh thần yêu nước thể hiện ở sự đóng góp nhiều mặt, bao gồm cả tiền của, sức lực, trí tuệ cho sự hưng thịnh, phát triển của quốc gia.

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội mà nền tảng là kinh tế thị trường với mục tiêu tổng quát là làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tinh thần yêu nước của người Việt Nam phải được thể hiện ở việc thực hiện mục tiêu cao cả đó, làm cho yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, bằng những việc làm cụ thể thiết thực.

Nội dung của lòng yêu nước, trước hết tập trung ở tinh thần hăng say lao động sản xuất và tiết kiệm, làm được nhiều của cải vật chất cho xã hội. Khi đất nước còn nghèo, lạc hậu, đời sống nhân dân còn khó khăn thì mọi suy nghĩ và hành động đều phải xoay quanh nhiệm vụ trọng tâm xây dựng và phát

triển kinh tế. Phát triển đất nước giàu mạnh, giải phóng Việt Nam thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, có thể ngang cao đầu hội nhập cùng bạn bè quốc tế, từ trong chiều sâu văn hoá, quy tụ niềm tự hào, tự tôn dân tộc cao độ, làm phát sáng bản lĩnh và nhân cách làm người của con người Việt Nam.

Làm việc với tinh thần yêu nước chân chính có những đặc điểm khác với làm việc nhằm thoả mãn nhu cầu sống còn, duy trì sự sống của mỗi người.

Đây phải là tinh thần lao động tự giác, không ai cưỡng bức, ép buộc; lao động, sản xuất kinh doanh theo khả năng, lương tâm và lương tri trong khuôn khổ cho phép của luật pháp. Trong điều kiện kinh tế thị trường, Nhà nước pháp quyền và xã hội công dân, mọi người Việt Nam được phép làm những điều mà pháp luật không cấm, góp phần tạo nên sự giàu có cho cá nhân, gia đình và xã hội. Yêu nước là phải đóng góp sức lực cho sự phát triển đất nước, cho dù đó là làm việc gì, ở đâu, miễn là có ích cho cộng đồng, cho xã hội. Vì thế, tạo việc làm cho tất cả những ai có nhu cầu làm việc không chỉ còn là vấn đề thuần túy kinh tế - xã hội mà sâu xa hơn, trên bình diện văn hoá còn là vấn đề của đạo lý và lương tri. Kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, năng suất lao động được nâng cao, hội nhập kinh tế thế giới đi vào chiều sâu vừa tạo cơ hội có thêm việc làm, tăng thu nhập cho nhiều người nhưng cũng đồng thời dẫn đến tình trạng thất nghiệp của một bộ phận dân cư, nhất là nông dân không còn ruộng đất canh tác, chưa được chuẩn bị đào tạo nghề nghiệp lâu dài, ổn định. Mọi hình thức sản xuất kinh doanh nhằm mở rộng quy mô, thu hút nhiều người vào làm việc đều thực hành lòng ái quốc, góp sức làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội ở nước ta và cũng đang thực hiện tâm niệm lớn lao của Hồ Chí Minh: Làm cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Trên bình diện chính trị, có việc làm, tăng thu nhập, làm cho đời sống người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao sẽ góp phần xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật làm bệ đỡ cho chế độ xã hội mới đang sinh thành, phát triển, tạo khả năng bảo vệ Tổ quốc vững chắc, lâu dài, yên lòng dân - cội rễ của mọi ngọn nguồn và sức mạnh.

Kinh tế thị trường, cho dù là thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bao giờ cũng bộc lộ tính hai mặt vốn có của nó. Hoạt động sản xuất kinh doanh phải vừa tuân thủ các quy luật của thị trường, đảm bảo có sinh lời và lợi nhuận càng nhiều càng tốt. Nhưng vì lợi nhuận mà bất chấp tất cả, làm phương hại đến người khác, chà đạp lên các giá trị văn hoá truyền thống là trái với tinh thần yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Sinh thời, Hồ Chí Minh thường căn dặn: Người sản xuất kinh doanh các chủ tư nhân trong hoạt động của mình phải luôn luôn nhớ bổn phận vì nước, vì nhà, đóng góp thuế đúng kỳ, đúng hạn theo quy định. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đóng thuế không chỉ là thực hiện nghĩa vụ công dân trước luật pháp mà còn thể hiện đạo lý làm người, thực hiện đạo đức công dân, tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội mà mình tin tưởng và đi theo, quyết tâm bảo vệ nó. Khai gian, lậu thuế, trốn tránh trách nhiệm, làm ăn chộp giật theo kiểu “chợ đen, chợ đỏ” là trái với đạo lý, lương tâm làm người của người dân một nước tự do, độc lập, phải bị trừng trị bằng pháp luật, bị xã hội lên án và chỉ trích đến nơi đến chốn.

Trên tinh thần yêu nước chân chính, mỗi cá nhân trong cộng đồng dân tộc phải chủ động bằng sức mình xây dựng một nền kinh tế đất nước độc lập, tự chủ, không quá lệ thuộc vào nước ngoài hoặc bị nước ngoài dùng con bài kinh tế để khống chế về chính trị. Xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ không có nghĩa là bế quan toả cảng mà phải chủ động hội nhập, tranh thủ đến mức tối đa điều kiện quốc tế thuận lợi: Về vốn, công nghệ, nguồn nhân

lực chất lượng cao, kinh nghiệm quản lý kinh tế... để xây dựng và phát triển kinh tế nước nhà. Trong giao lưu, hợp tác kinh tế quốc tế, không bao giờ vì lợi ích cá nhân cục bộ mà hy sinh lợi ích chung của đất nước, cộng đồng dân tộc. Thời gian qua, có nhiều biểu hiện cho thấy, một số người vì động cơ háms lợi, chạy theo lợi nhuận thuần túy mà sẵn sàng nhượng bộ cho các đối tác nước ngoài; hoặc vì cái lợi trước mắt mà nhập khẩu các loại phế thải công nghiệp, biến nước ta thành thị trường tiêu thụ các loại hàng hoá kém chất lượng; cho phép các đối tác nước ngoài thải các chất độc ra nguồn nước, đất làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu không chỉ đối với thế hệ hiện tại mà cho nhiều thế hệ tương lai sau này. Háms lợi, chạy theo lợi ích cục bộ cá nhân, địa phương là nguyên nhân chính làm xấu môi trường tồn tại, sinh sống của chính cộng đồng mà nhiều thế hệ người Việt Nam đã đóng góp công sức, xương máu dựng xây và bảo vệ. Làm ô nhiễm môi trường sống, chấc chấn con người phải trả giá đắt và những hành vi như thế cần phải được trừng trị thích đáng.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, để tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và thị trường quốc tế, cần đến sự liên kết, hợp tác thật sự lâu dài, chân thành, cùng có lợi nương tựa vào nhau. Cố kết cộng đồng chặt chẽ là một truyền thống quý báu của dân tộc ta; truyền thống đó càng phải được tăng cường khi chúng ta hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới. Nhân dân ta thường nói: Nhiều cây chụm lại thành hòn núi cao. Do hạn chế về nguồn lực tài chính, công nghệ, thiếu kinh nghiệm tổ chức, quản lý kinh tế, từng chủ thể kinh tế đơn lẻ rất khó chèo chống trong cuộc cạnh tranh khốc liệt, nhưng nếu biết hợp sức nhau lại, đồng tâm nhất trí thì có thể thắng bất kỳ một đối thủ cạnh tranh tiềm tàng nào. Thời gian qua, các doanh nghiệp Việt Nam yếu thế, chịu thua, lép vế ngay cả trên thị trường nội địa vì còn thiếu sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau, mạnh ai người đó làm, có khi còn làm hại “người nhà mình”, tạo cơ hội cho đối tác nước ngoài khống chế, thao túng. Kinh tế thị trường càng cần đến sự liên kết, hợp tác trong quá trình sản xuất kinh doanh, vừa tạo khả năng

tăng thêm nguồn lực quốc gia, chỗ đứng, vị thế của nền kinh tế nước nhà, vừa tạo cơ hội quảng bá hàng hoá Việt Nam chất lượng cao với bạn bè quốc tế, các thị trường khó tính. Liên kết, hợp tác sản xuất kinh doanh giữa người Việt Nam với nhau không chỉ trong nước mà còn cả với người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, hình thành các cộng đồng doanh nghiệp, đủ sức nhận thầu các công trình, dự án lớn tầm cỡ quốc tế. Đây chính là cách tốt nhất khẳng định bản lĩnh và nhân cách Việt Nam trong hoạt động kinh tế, đầu tư và thương mại, dịch vụ.

Hoạt động kinh tế trong điều kiện thị trường cạnh tranh khốc liệt buộc các chủ thể kinh tế đứng trước một sự lựa chọn mang tính nghịch lý: Thuần tuý chạy theo lợi nhuận hoặc phải tính đến các hậu quả văn hoá, đạo đức, nhân văn. Phát triển kinh tế, tăng lợi nhuận ròng mà không huỷ hoại môi trường tự nhiên, văn hoá không làm phương hại đến các chuẩn đạo đức truyền thống, không để dân tộc ta bị xâm lăng văn hoá, trở thành cái bóng mờ của các dân tộc phát triển cao về kinh tế, công nghệ, đó chính là lương tâm, lương tri của những chủ thể kinh tế có niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Bản thân các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc, trong đó có tinh thần yêu nước, sự cố kết cộng đồng cũng là một thứ của cải vô giá, không thể mua, bán nhưng lại có thương hiệu và sản sinh ra nhiều giá trị, đóng vai trò thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả mà vẫn giữ được nhân tính và cốt cách.

Kinh tế thị trường càng mở rộng và đi vào chiều sâu theo quỹ đạo, vận hành theo các quy luật của nó chắc chắn dẫn đến sự phân cực xã hội, phân hoá giàu nghèo, có khi rất gay gắt. Trên lập trường của một người yêu nước chân chính, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các chủ thể kinh tế, nhất là các doanh nghiệp tư nhân không được phép thu lợi bằng cách tước đoạt quá đáng sức lao động của người khác, trong đó có người lao động nghèo, kiếm sống khó khăn. Bên cạnh việc điều chỉnh từ phía Nhà nước thông qua hệ thống phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, rất cần đến sự hỗ trợ, giúp sức

của các doanh nghiệp, cá nhân làm ăn tốt, sản xuất có hiệu quả. Đảng, Nhà nước ta vận động, khuyến khích, ghi công những tập thể, cá nhân tham gia hoạt động từ thiện tích cực, giúp đỡ, tiếp sức cho nhiều đối tượng dân cư trong hoạn nạn, khó khăn thông qua hình thành nhiều loại quỹ: Xóa đói, giảm nghèo; ủng hộ nạn nhân chất độc gia cam; xây nhà tình thương, nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết; quỹ khuyến học; quỹ phòng chống thiên tai.v.v. Tất cả những loại quỹ đó đều thể hiện nghĩa cử cao đẹp, tiếp nối truyền thống hàng ngàn đời nay của cha ông ta: Lá lành đùm lá rách; chị ngã, em nâng; một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ; bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn... Triết lý sống đầy lòng nhân ái đó thấm đẫm tình nghĩa đồng bào, của những con người cùng chung một nguồn cội con Rồng, cháu Tiên.

Bên cạnh đẩy mạnh tăng gia sản xuất, làm ăn có hiệu quả, góp phần làm giàu cho cá nhân, gia đình và xã hội, trong nền kinh tế thị trường càng đòi hỏi ý thức tiết kiệm tự giác, trở thành thói quen chi tiêu, tiêu dùng các nguồn lực vốn có như tiền của, thời gian, sức lực một cách hợp lý, không xa xỉ, không hoang phí vì nhu cầu tăng trưởng và phát triển đất nước. Đối với một nước nghèo, có điểm xuất phát thấp, dân cư đông như Việt Nam, đòi hỏi phải tiết kiệm nguồn lực tài chính một cách thường xuyên ở tất cả mọi người, nhất là những người có hoàn cảnh khá giả, làm ăn phát đạt.

Cách đây đúng 60 năm, ngày 11 tháng 6 năm 1948, Hồ Chí Minh đã viết *Lời kêu gọi thi đua ái quốc*, trong đó Người nêu rõ: Thi đua ái quốc là nhằm chống giặc ngoại xâm, chống giặc đói, chống giặc dốt; thi đua ái quốc để dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Nội dung thi đua yêu nước rất nhiều, rất rộng, nhưng chủ yếu là tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, trên bình diện kinh tế, tiết kiệm nhằm tích lũy của cải, sớm làm cho nước mạnh, dân giàu, sản xuất phát triển nhanh, làm nhiều, tiêu ít, đời sống nhân dân lao động không ngừng được cải thiện và dân

dần được nâng cao theo hướng tích cực: Người nghèo đói trở nên đủ ăn; người đủ ăn trở nên khá; người khá trở nên giàu; người giàu thì ngày càng giàu thêm, cả dân tộc ta giàu có về vật chất, phong phú về tinh thần, dân tộc Việt Nam trở thành một dân tộc thông thái, văn minh, tiến bộ, dám ngẩng cao đầu sánh vai với các cường quốc năm châu. Kết quả phát triển kinh tế nhanh, mạnh một phần do sức tiết kiệm của toàn dân mà có. Giá trị và ý nghĩa của tiết kiệm về mặt kinh tế ai cũng nhìn thấy và cảm nhận được.

Cùng với ý nghĩa kinh tế, tiết kiệm tiền tài, của cải, nhất là trong chi tiêu, sinh hoạt, còn có ý nghĩa hoàn thiện nhân cách làm người, thực hành lòng nhân ái, bác ái đối với người khác. Trong quá trình phát triển xã hội, tất cả mọi người không phải ai cũng có cơ hội như nhau. Một số người có cơ hội trở nên giàu có, đời sống sung túc, không bao giờ phải nghĩ đến cái ăn, cái mặc, con cái họ có điều kiện học hành đến nơi, đến chốn. Bên cạnh đó, còn có nhiều người có hoàn cảnh khó khăn, không may mắn, gặp phải rủi ro, cần đến sự chia sẻ, giúp đỡ của cộng đồng.

Đối với những người có điều kiện kinh tế khá giả, trong sinh hoạt, chi tiêu, có thể tiết kiệm một phần nào đó, tạo ra tích lũy, có thể giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn, để rồi những người tưởng rằng chết đói lại có thêm cái ăn; những người không có điều kiện khám chữa bệnh, gặp phải những căn bệnh hiểm nghèo, nằm chờ chết lại có điều kiện chữa bệnh, kéo dài sự sống; nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn, con cái không có điều kiện học hành, với sự giúp đỡ của cộng đồng, con cái họ lại được tiếp tục đến trường, học tập như bao bạn bè cùng trang lứa. Như vậy, với sự cư mang, đùm bọc của cộng đồng, những cá nhân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gặp phải rủi ro trong cuộc sống lại có điều kiện cải thiện môi trường sống của mình, tự tin đối mặt với cuộc sống gian nan, vất vả, dám sống cuộc sống của chính con người.

Sự giúp đỡ, cứu mang đó không có gì khác hơn là tình nhân ái, nghĩa đồng bào của những người có chung nguồn cội, vì mục đích cao cả mà làm những việc nghĩa vì cuộc sống của cộng đồng. Giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, gặp rủi ro trong cuộc sống để họ có cuộc sống làm người tốt hơn, theo đúng nghĩa con người, một phần là do tiết kiệm đem lại. Khi con người biết chia sẻ với nhau những khó khăn, biết tìm cách giúp đỡ những người khác chính là con người đang thực hành lòng bác ái đối với người khác. Đó là điều kiện để mỗi người tự hoàn thiện nhân cách của mình, làm người tốt hơn như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, khi mà lợi nhuận được đề cao, lợi ích cá nhân được tuyệt đối hoá theo nghĩa cực đoan, ích kỷ thì sự chung sức của các doanh nghiệp, cá nhân làm ăn tốt, thực hiện chính sách từ thiện nhất quán là một điều đáng quý, làm cho các quan hệ xã hội mang tính người nhiều hơn, nhân bản hơn. Nhân bản hoá, nhân đạo hoá, làm cho các quan hệ xã hội mang tính người nhiều hơn là mục đích vươn tới của nền văn minh nhân loại hiện đại.

Thực hiện nhất quán, đồng bộ chính sách từ thiện xã hội, góp phần xoá bỏ sự cách biệt, ngăn cách, phân hoá hai cực, bảo đảm an sinh xã hội là một nét ưu việt của chế độ ta, trong đó có sự đóng góp công sức của Nhà nước và sự tham gia đông đảo của cộng đồng xã hội. Theo tinh thần của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, tính cộng đồng xã hội trong việc giải quyết những vấn đề chung, đảm bảo cuộc sống an bình, phát triển bền vững chính là trở lại các giá trị làm người cao đẹp mà bất kỳ một xã hội nào cũng cố gắng vươn tới.

Trong mỗi giai đoạn phát triển khác nhau, chủ nghĩa yêu nước truyền thống có nội dung, hình thức biểu hiện rất phong phú, mang những dấu ấn riêng. Nhưng trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chủ nghĩa yêu nước đó cũng đóng vai trò động lực thúc sự phát triển xã hội. Hiện nay, chúng ta đang bước vào

một giai đoạn phát triển mới: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chủ động hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Nhiệm vụ đặt ra đối với đất nước là: Xây dựng, phát triển kinh tế; xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng, phát triển văn hoá làm nền tảng tinh thần xã hội. Ba nhiệm vụ này cần được giải quyết đồng thời, tạo nên ba trụ cột chính của sự phát triển bền vững. Giải quyết các nhiệm vụ vừa nêu nhằm hướng vào mục tiêu chung: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Các nhiệm vụ đó chỉ có thể được giải quyết một cách triệt để, mục tiêu cao cả, lâu dài đó chỉ có thể đạt được nếu chúng ta biết dựa vào sức mạnh của văn hoá truyền thống mà chủ nghĩa yêu nước là mạch ngầm chủ lưu, nếu chúng ta biết dựa vào nội lực của chính dân tộc mình để chấn hưng và phát triển.

Trong lịch sử phát triển dân tộc, chưa bao giờ sự quy tụ, đoàn kết lại cần thiết như hiện nay và nó trở thành nhu cầu sống còn. Trên ý nghĩa đó, Đảng ta khẳng định rất rõ: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”⁽¹⁾. Để phát huy sức mạnh dân tộc, trên phương diện kinh tế, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, chủ nghĩa yêu nước là động lực thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế thị trường; ngược lại, tập trung phát triển kinh tế thị trường theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa lại là biểu hiện của tinh thần yêu nước thời

(1). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB CTQG, Hà Nội, 2001, tr 86.

hiện đại. Hai mặt đó thống nhất biện chứng với nhau, làm nên nét đặc thù của tinh thần yêu nước trong điều kiện hiện nay.

2.3. Các giải pháp chủ yếu phát huy chủ nghĩa yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay

Chủ trương xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Hiện thực hoá mô hình kinh tế đó đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ phương thức, hình thức vận động và các động lực chủ đạo, trong đó việc phát huy tinh thần yêu nước của người Việt Nam có tầm quan trọng đặc biệt. Bản thân việc phát huy tinh thần yêu nước lại đòi hỏi nhiều giải pháp khác nhau. Trong đề tài này, chúng tôi chỉ đề cập những giải pháp chủ yếu nhất.

Một là, giáo dục lòng yêu nước cho mọi người dân, nhất là các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế

Xây dựng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp phức tạp, khó khăn, lần đầu tiên thực hiện ở nước ta; chúng ta phải vừa làm, vừa học, đòi hỏi sự thống nhất tư tưởng, nhận thức để hành động. Vì thế, công tác giáo dục ý thức tư tưởng, lĩnh hội các giá trị văn hoá truyền thống làm nền tảng tinh thần cho sự hoàn thiện, phát triển nhân cách người Việt Nam là hết sức cần thiết, phải đi trước một bước. Nội dung giáo dục cần được tiến hành theo hai hướng chính.

- Giáo cho mọi người dân tham gia xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa những hiểu biết tối thiểu về kinh tế thị trường nói chung, tính hai mặt của nó; những đặc điểm, bản chất, sự cần thiết xây dựng, phát triển kinh tế thị trường như là một phương thức thực hiện con đường đi

lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trên cơ sở những hiểu biết đó, người lao động mới có đủ bản lĩnh tự tin, chủ động phát huy những lợi thế, khắc phục, hạn chế những biến thái của kinh tế thị trường nhằm tăng thêm nguồn lực quốc gia, khẳng định những giá trị vốn có ngay trong bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường, trong tiềm năng vận động và phát triển, cũng tạo ra những cơ hội rất lớn cho người lao động, các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế có cơ hội tự khẳng định, phát huy tính năng động, linh hoạt, năng lực sẵn có để đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển đất nước và dân tộc. Đây là biểu hiện cụ thể một nét mới của tinh thần yêu nước Việt Nam thời hiện đại. Giáo dục tri thức về kinh tế thị trường bao hàm một nội dung của giáo dục tri thức khoa học, góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan duy vật biện chứng và cũng là một nội dung của giáo dục chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh với điều kiện lịch sử cụ thể.

- Giáo dục truyền thống lịch sử, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý thức trách nhiệm trước Tổ quốc, đồng bào mình, ý thức lo lắng, quan tâm đến sự hưng thịnh của quốc gia, ý thức sâu sắc về nỗi nhục của người dân một nước còn nghèo nàn, lạc hậu để tìm cách giải phóng, phát triển đi lên.

Trước đây, khi về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam, bài học vỡ lòng đầu tiên Hồ Chí Minh giáo dục đồng bào mình là bài học ý thức về nguồn cội, truyền thống hào hùng, anh dũng, bất khuất của dân tộc. Bởi Người nhận thức rất sâu sắc rằng, có tự hào, tự tôn về dân tộc, có biết xấu hổ về nỗi nhục mất nước thì mới hy sinh thân mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Ngày nay, điều kiện lịch sử - xã hội đã thay đổi, nhưng ý thức về vận mệnh quốc gia thì cần phải được duy trì, sưởi ấm và đốt sáng. Nhiệm vụ đặt ra là phải giải phóng dân tộc khỏi sự nghèo nàn, dốt nát, lạc hậu, nâng dân tộc lên một tầm cao mới của sự phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội sánh với các dân tộc văn minh, tiến bộ khác trên toàn cầu như khát vọng chảy bỏng của Hồ

Chí Minh. Nội dung giải phóng dân tộc đã thay đổi thì tinh thần cống hiến xây dựng Tổ quốc phải mang một nội hàm khác trước.

Một chuẩn mực đạo đức quan trọng của con người Việt Nam mới là trung với nước, hiếu với dân. Trung với nước thì phải có trách nhiệm đối với đất nước bằng những việc làm thiết thực cụ thể, quan trọng nhất là đóng góp công sức xây dựng phát triển kinh tế, làm cho nước mạnh, dân giàu, người Việt Nam có cuộc sống sung sướng, hạnh phúc.

Trên cơ sở của tình yêu Tổ quốc, lòng yêu nước nồng nàn, tất cả mọi chủ thể kinh tế, trên cương vị của mình - là người lao động, chủ doanh nghiệp, người nghiên cứu khoa học, người làm công tác quản lý...- làm việc hết sức mình, tìm cách cải tiến, hợp lý hoá sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, tiêu dùng, làm giảm giá thành sản phẩm hàng hoá, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam, tạo lập các thương hiệu có uy tín, góp phần kiềm chế lạm phát, duy trì mức độ tăng trưởng GDP hàng năm ở mức 7,5% - 8,0%. Tăng cường nội lực kinh tế quốc gia, khẳng định vị thế đất nước bằng sức mạnh kinh tế, năng lực sáng tạo khoa học - công nghệ, uy tín chất lượng hàng hoá, dịch vụ cao, để bạn bè thế giới biết đến Việt Nam không phải chỉ với danh hiệu bảo vệ phẩm giá, lương tri làm người trong chiến tranh giải phóng mà còn với lòng ngưỡng mộ về một dân tộc thông minh, sáng tạo trong việc tìm kiếm những phương thức xoá đói, giảm nghèo có hiệu quả, biết làm ăn kinh tế giỏi, có thể tìm kiếm cơ hội hợp tác và đầu tư; bạn bè biết đến Việt Nam với tư cách là một cường quốc kinh tế. Đó là những nội dung mới của chủ nghĩa yêu nước mà chúng ta phải giáo dục cho người Việt Nam và nếu làm tốt chính là chúng ta đang huy động sức mạnh của quá khứ vào sự nghiệp dựng xây, chấn hưng dân tộc, làm cho truyền thống yêu nước tiếp tục dòng chảy liên mạch của mình, không đứt gãy và gián đoạn.

Trong điều kiện xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giáo dục tinh thần yêu nước phải được chú ý thường xuyên, kiên trì, bền bỉ ở tất cả mọi cấp học, ngành học, từ trong gia đình, ra ngoài nhà trường đến phạm vi toàn xã hội; gắn giáo dục tinh thần yêu nước với những hành động, việc làm cụ thể; không chỉ ý thức rõ tinh thần ái quốc mà vấn đề quan trọng là *thực hành tinh thần ái quốc trong hoạt động thực tiễn*, để đến năm 2020 biến nước ta thành một nước công nghiệp. Tinh thần yêu nước mới không bế quan toả cảng; yêu nước phải gắn với tinh thần quốc tế chân chính; phát triển quốc gia trong xu thế hội nhập toàn cầu. Học cái hay của người để thúc đẩy kinh tế dân tộc phát triển nhanh và bền vững.

Hai là, đổi mới cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm phát huy tinh thần yêu nước xây dựng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Xây dựng kinh tế thị trường, phát huy tinh thần yêu nước của người Việt Nam diễn ra trong một không gian và thời gian xác định, nghĩa là trong một môi trường chính trị, xã hội văn hoá cụ thể. Vì thế, việc tạo lập môi trường này có tầm quan trọng đặc biệt, trong đó, tinh thần yêu nước khẳng định và hiện thực hoá vai trò động lực, đòn bẩy của mình. Trên bình diện môi trường xúc tác, ở đây có mấy điểm cần chú ý.

- Hình thành đồng bộ các mặt của cơ chế thị trường, đảm bảo thị trường là hàn thử biểu chính xác những biến động thật sự của bản thân nền kinh tế nước nhà, minh bạch, rõ ràng, các nhân tố tích cực, lành mạnh được có cơ hội khẳng định và thể hiện, đẩy lùi cách làm ăn phi pháp, chộp giật; mọi người được làm giàu chính đáng bằng chính năng lực thực sự của cá nhân, tìm tòi, đổi mới và sáng tạo.

- Khuyến khích, ưu đãi đầu tư, áp dụng tiến bộ công nghệ mới; tạo lập một sân chơi bình đẳng, không có đặc quyền, đặc lợi, không có ưu tiên, ưu đãi; hình thành hệ thống pháp luật đồng bộ, trở thành cán cân công lý cho mọi

hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi cho quốc kế dân sinh; chú trọng những hoạt động kinh tế có ý nghĩa xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái - cơ sở tồn tại lâu dài, bền vững của đời sống con người. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và xã hội dân sự, tôn trọng pháp luật, làm những gì mà pháp luật cho phép để xây dựng, phát triển kinh tế, làm giàu cho cá nhân, gia đình, xã hội cũng là biểu hiện của tinh thần yêu nước, cần được chú trọng và đề cao, bởi lẽ, tuân thủ pháp luật là nhằm hướng tới xây dựng một chế độ xã hội văn minh, tiến bộ.

- Đổi mới chính sách chiêu hiền đãi sĩ, trọng dụng người hiền tài cả trong và ngoài nước góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững. Trong chính sách trọng dụng nhân tài, có chế độ đối với trí thức; phải coi họ là nguyên khí quốc gia, tài sản quý báu của cộng đồng, được bố trí, sử dụng xứng đáng với tài năng và đức độ, để những người này làm việc theo lương tâm, lương tri của con người thực tâm yêu nước, đóng góp nhiều nhất cho Tổ quốc. Chính sách sử dụng nhân tài bao gồm cả hai mặt: Động viên, khuyến khích lợi ích vật chất và động viên tinh thần, làm cho họ cảm thấy được tôn trọng, có môi trường, điều kiện vật chất - kỹ thuật tốt để yên tâm cống hiến, tìm tòi và sáng tạo.

Thông qua đổi mới cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật, tạo lập môi trường xã hội trong sạch lành mạnh, đảm bảo các giá trị làm người, con người có điều kiện hiện thực hoá các năng lực tiềm tàng, sáng tạo chính là hướng vào phát huy nguồn nhân lực - bao gồm cả yếu tố tinh thần - trong xây dựng và phát triển đất nước. Đây phải được xem là một nội dung trọng yếu của triết lý phát triển Việt Nam hiện đại.

Ba là, nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong lao động, sản xuất kinh doanh.

Tinh thần yêu nước trong xây dựng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua những việc làm cụ thể, con người cụ thể. Cần chủ động phát hiện và nêu gương kịp thời những tấm gương tiêu biểu, có đóng góp xứng đáng cho sự đi lên của đất nước, làm rạng rỡ danh hiệu Việt Nam. Cụ thể:

- Tôn vinh những cá nhân, tập thể sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thực hiện tốt, thường xuyên chính sách từ thiện xã hội.

- Tôn vinh những sản phẩm hàng hoá Việt Nam có chất lượng cao, được người tiêu dùng mến mộ, ưa chuộng; có chính sách, pháp luật bảo vệ những thương hiệu đã được thực tiễn kiểm nghiệm và thừa nhận.

- Đổi mới chế độ khen thưởng, đi vào thực chất, biến khen thưởng thành một động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, ổn định.

Bốn là, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước xây dựng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đảng ta khẳng định nhất quán: Xây dựng, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Trong chính sách và chỉ đạo thực tiễn, phải biến đường lối, chính sách của Đảng thành quyết tâm, hành động cách mạng của quảng đại quần chúng, thành phong trào thi đua yêu nước của tất cả mọi người. Nội dung thi đua yêu nước rất rộng, trong đó, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thực hành tiết kiệm phải trở thành nét chủ đạo. Trước yêu cầu, nhiệm vụ khó khăn xây dựng kinh tế hiện nay, phải đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức thi đua; đánh giá hiệu quả thi đua theo những tiêu chí mang tính định lượng, chứ không thể chung chung, mang nặng tính hình thức; phải làm sao cho thi đua thật sự trở thành môi trường cho mỗi người Việt Nam thực hành lòng yêu nước vốn có của mình.

3. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và xây dựng nền văn hoá mới trong giao lưu văn hóa

Bản tới văn hóa là phải nói đến tiếp biến văn hóa, có nghĩa tiếp biến văn hóa là một quy luật. Sinh thời Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng văn hóa Việt Nam là văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại. Ngày nay, trong xu thế hội nhập ngày càng sâu, là người Việt Nam yêu nước, trước hết phải làm tốt việc giới thiệu văn hóa, đất nước và con người Việt Nam với thế giới. Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, kết tinh những gì đẹp nhất trong cuộc đấu tranh thiên nhiên và đấu tranh xã hội. Văn hóa Việt Nam gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể. Và nói đến văn hóa là nói đến con người, nói đến đất nước. Ngành đất nước học cùng với văn hóa học phải có nhiệm vụ giới thiệu văn hóa và những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam với bạn bè thế giới. Một trong những việc cần làm ngay là khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc và làm cho bè bạn năm châu ngày càng nhận thức rõ hơn về vấn đề này. Đó là những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân- gia đình- làng xã- Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo như tiếng nói, phong tục, tập quán, lễ hội...

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, vì sự sinh tồn và mục đích của cuộc sống, con người Việt Nam đã sáng tạo ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật... Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa Việt Nam. Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa là phải giới thiệu những giá trị đó ra thế giới. Dân tộc Việt Nam, đất nước Việt

Nam không chỉ là đất nước của lịch sử hàng ngàn năm chống giặc giữ nước, bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là một đất nước nhiều kỳ quan thiên nhiên, chứa đựng những vẻ đẹp tiềm ẩn. Đó là lợi thế của chúng ta. Trong xu thế hội nhập, ta phải phát huy lợi thế đó để bè bạn cảm nhận được những kỳ diệu của đất nước Việt Nam.

Văn hóa Việt Nam là văn hóa trọng tình. Con người Việt Nam sống có tình có nghĩa, có thủy có chung, có nhân có đức, có trước có sau. Chiến tranh đã lùi xa hơn ba mươi năm. Chúng ta cần khẳng định với bè bạn thế giới, trước đây chúng ta chiến đấu không phải chỉ vì độc lập của dân tộc Việt Nam mà còn vì độc lập, hòa bình thế giới. Ngày nay trong xây dựng đất nước, chúng ta sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế. Sự có mặt của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế như WTO, ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là chúng ta sẽ đóng một vai trò tích cực vì những khát vọng chung về những giá trị văn hóa, giá trị nhân phẩm của loài người tiến bộ. Tinh thần quốc tế thủy chung, trước sau như một, trọn nghĩa vẹn tình của Hồ Chí Minh trước đây như thế nào, thì ngày nay nhân dân Việt Nam cũng son sắt, thủy chung như vậy.

Trong mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa, cần chú ý tiếp thu có chọn lọc các giá trị khoa học nhân văn, tiến bộ của nước ngoài. Phổ biến những kinh nghiệm tốt xây dựng và phát triển văn hóa của các nước. Hiện nay Việt Nam đã trở thành một thành viên của Tổ chức thương mại thế giới. Việc tiếp thu những thành tựu văn hóa trong Tổ chức WTO và tất cả các nước trên thế giới là hết sức cần thiết. Những năm gần đây, thế giới phương Tây đã nhận ra sự cần thiết phải khai thác những giá trị văn hóa phương Đông và thế giới phương Đông cũng nhận thấy sự cần thiết phải khai thác những giá trị văn hóa phương Tây. Lời tiên tri “Đông là Đông, Tây là Tây” của Kiplin đã bị thực tiễn phủ nhận. Trong khi đó, loài người ngày càng nhận ra tính đúng đắn trong lời khẳng định của Hồ Chí Minh: “Chúng ta đều được kích thích bởi một tinh

thần. Triết lý đạo Khổng và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”¹. Điều cần thiết là trong khi nhấn mạnh những tính ưu trội của văn hóa Việt Nam, cần phải thẳng thắn thừa nhận và chỉ ra những mặt yếu kém của văn hóa Việt Nam, những thói hư tật xấu của con người Việt Nam. Cũng phải nhìn nhận trong mặt tích cực có hạn chế. Trong đổi mới, hội nhập hiện nay, nhất là khi tập trung xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải loại khỏi tư duy những nhận thức chỉ thấy mặt tốt mà không thấy mặt yếu kém, hoặc thấy yếu kém mà không dám chỉ ra. Phải hiểu rằng, về mặt văn hóa, trong tư duy cũng như các mặt khác, dám thừa nhận khuyết điểm, dù có đau lòng, vẫn chứa đựng một giá trị phát triển. Chỉ có như vậy thì chúng ta mới tiếp thu được các giá trị nhân loại. Một ví dụ: văn hóa Việt Nam là văn hóa trọng tình như đã nói. Và để khẳng định điều đó, chúng ta “tự hào” rằng “trăm cái lý không bằng tí cái tình”. Nhưng đặt điều đó trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền với ý nghĩa pháp luật là tối thượng, phải nghiêm và minh về pháp luật, thì rõ ràng không thể chấp nhận “một tí cái tình” lại có thể đánh đổ “trăm cái lý”. Nhìn nhận như vậy để thấy rằng chúng ta phải tiếp thu có chọn lọc, có phê phán, kế thừa và phát triển những giá trị và tư duy pháp lý nhân loại. Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong khu vực và trên thế giới, chúng ta thấy rằng nhiều nước có những kinh nghiệm tốt trong xây dựng và phát triển văn hóa. Chẳng hạn Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan là những nước rất chú trọng việc giáo dục đạo đức công dân. Không phải chỉ chúng ta mà nhiều nước trên thế giới rất quan tâm giáo dục công dân lòng yêu nước, yêu Tổ quốc, làm cho dân giàu, nước mạnh. Nhiều nước không có được lịch sử hàng ngàn năm văn hiến, dựng nước và giữ nước như chúng ta, nhưng trong quá trình xây dựng đất nước, họ chú trọng đặt mình trong xu thế của thời đại, không tách mình ra khỏi thế giới, để giáo dục công dân nước họ những “điều hay, lẽ phải”. Gần đây, với vai trò bộ trưởng cố

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr.267.

vấn, nhà sáng lập Singapore Lý Quang Diệu đã thẳng thắn trả lời báo chí rằng, tuy Singapore là nước “không có hệ tư tưởng”, nhưng việc thấm nhuần tinh thần phục vụ đất nước đến độ bản thân tinh thần này trở thành một hệ tư tưởng. Cây đũa thần của Lý Quang Diệu là ở chỗ “nếu điều gì đó cần thiết cho sự sống còn và tiến bộ, hãy làm điều đó”. Lý Quang Diệu tâm sự, “chúng tôi phải đi theo hướng mà hoàn cảnh của thế giới quy định nếu muốn sống sót và trở thành một phần của thế giới hiện đại này, bằng không chúng tôi sẽ trở về với làng chài ngày trước”.

Trong văn hóa chúng ta phải đặc biệt tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trong lĩnh vực giáo dục. Hơn mười năm nay, chúng ta đã xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu. Nhưng rõ ràng, giáo dục vẫn là một bài toán lớn, chưa có lời giải. Chúng ta vẫn chưa có được một triết lý giáo dục, một chiến lược giáo dục ngang tầm khu vực, theo kịp thế giới và phù hợp với thực tế Việt Nam. Vì vậy, theo tinh thần Hồ Chí Minh, để Việt Nam có thể sánh vai với các cường quốc năm châu thì có cái gì tốt, cái gì hay của văn hóa, giáo dục Đông phương hay Tây phương thì ta phải học lấy để làm giàu cho văn hóa Việt Nam. Nhiều bài học kinh nghiệm hay của các nước mà ta phải nghiêm túc học hỏi. Chẳng hạn, đó là bài học của giáo dục Pháp, mở cửa cho trẻ ra toàn cầu, với sự đối thoại của các nền văn hóa. Đó không phải là sự chối từ bản sắc mà là sự hoàn thiện. Trong Thư của Tổng thống Pháp gửi các nhà giáo nhân bước vào năm học 2007-2008, ông nhấn mạnh “ta không giáo dục trẻ theo kiểu làm cho chúng tin rằng cuộc đời này chỉ là một trò chơi hoặc mọi kiến thức của nhân loại đã được bày lên mạng nên chẳng cần học nữa. Trong thời đại của video, điện thoại di động, Internet, của sự thông tin liên lạc tức thì, lớp trẻ càng cần đến một nền văn hóa tổng quát. Chúng càng cần hơn khả năng phân tích, tư duy phản biện. Nền giáo dục cần bớt thụ động, công thức, máy móc. Tiếp thu chọn lọc nền giáo dục các nước là hãy phá bỏ khuôn mẫu, đập bỏ kiểu dạy dỗ máy móc, hãy khai phá tiềm năng.

Cũng như nền giáo dục Pháp, học hỏi nền giáo dục Singapore là không phải thi cử, kiến thức là tất cả. Nền văn hóa thật sự đòi hỏi nhiều điều hơn là sự trả bài. Thật ra những điều đó nếu trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thì không phải là điều gì mới mẻ. Học để biết cách học, học để làm, đáp ứng nhu cầu xã hội, học để tự khẳng định mình là những vấn đề Hồ Chí Minh trăn trở từ thập kỷ bốn mươi của thế kỷ trước. Giờ đây, vận dụng tư tưởng của Người trong hợp tác quốc tế về văn hóa, giáo dục, chúng ta càng phải quán triệt sâu sắc để không tụt hậu xa hơn về giáo dục so với các nước, để góp phần quan trọng sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn phải ngăn ngừa sự xâm nhập các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy. Sinh thời, Hồ Chí Minh đã dạy, trong khi phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta xác định đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Với tinh thần đó, về mặt mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa, phải giúp đỡ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hiểu biết tình hình nước nhà, thu nhận thông tin và sản phẩm văn hóa từ trong nước ra, nêu cao lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống,

bản sắc dân tộc, phát huy trí tuệ, tài năng sáng tạo, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Khoa học- công nghệ cũng là một lĩnh vực của văn hóa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã nhấn mạnh việc nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của khoa học và công nghệ. Về phương hướng tổng quát, chúng ta xác định giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Về mặt hợp tác quốc tế, Đảng ta xác định “đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các ngành có lợi thế cạnh tranh, có tỉ trọng lớn trong GDP, các ngành công nghiệp hỗ trợ và tạo nhiều việc làm cho xã hội; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới. Phát triển hệ thống thông tin quốc gia về nhân lực và công nghệ. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Có chính sách hấp dẫn để các công ty xuyên quốc gia đầu tư và chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp Việt Nam. Chú trọng nhập khẩu công nghệ hiện đại. Có chính sách thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước và ngoài nước, trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài”.

Trong hoạt động của khoa học và công nghệ, phải chú ý đồng bộ cả phát triển khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ. Để đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng, cần phải tăng cường hợp tác quốc tế. Điều quan trọng trước hết là chúng ta phải nhận thức đầy đủ bức tranh của nhân loại khi bước vào thế kỷ XXI. Đó là sự phát triển của cách mạng khoa học công nghệ, của nền kinh tế tri thức. Nhận thức về tính tất yếu của hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ để đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển là điều có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Để hợp tác có hiệu quả

và có khả năng hấp thụ tốt thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới thì chúng ta phải có lực. Lực ở đây không chỉ là sự phát triển khoa học công nghệ trong nước, mà điều quan trọng là đội ngũ cán bộ khoa học, trên cơ sở nhân cách phẩm chất đạo đức tốt, phải có trình độ khoa học, ngoại ngữ để tiếp nhận thành tựu khoa học thế giới. Số cán bộ này phải có một sự hiểu biết rộng trên phạm vi thế giới, phải có một tư duy toàn cầu, nắm bắt được xu thế khoa học công nghệ trên thế giới. Đội ngũ này phải nắm vững quan điểm của Đảng về tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường để trong quá trình tiếp thu công nghệ thế giới không bị choáng ngợp đi đến sùng ngoại, sùng bái khoa học hiện đại, cũng không bi quan, tự ti. Lịch sử đã cho thấy mọi thứ đều do con người làm ra. Trước đây, trong đánh giặc, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ súng đạn là cần, nhưng ai sử dụng vũ khí đó còn quan trọng hơn. “Người trước súng sau” là quan điểm cho thấy vai trò của con người trong việc làm chủ khoa học công nghệ.

Ngày nay văn minh trí tuệ có hai biểu hiện đặc trưng là xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cuộc cách mạng “kép”: cách mạng công nghệ và cách mạng tin học. Đây là điều kiện để “đi tắt đón đầu”. Vấn đề còn lại hiện nay là ở phía chúng ta. Phải nhận thức sâu sắc rằng xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không thể thiếu khoa học công nghệ. Xây dựng chính phủ điện tử không thể thiếu khoa học công nghệ. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không thể thiếu khoa học công nghệ. Tăng trưởng kinh tế không thể thiếu khoa học công nghệ. Phát triển bền vững không thể thiếu khoa học công nghệ. V.v.. Tóm lại, khoa học công nghệ là công việc của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, do Nhà nước quản lý dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chỉ trên cơ sở phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, kết hợp với việc tiếp thu những thành tựu về khoa học công nghệ hiện đại trên thế giới thì mới có thể phát triển được khoa học công nghệ Việt Nam, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

4. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong xây dựng nguồn nhân lực

Thiết lập nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập vì dân giàu nước mạnh, xét đến cùng phải chú trọng vai trò của hệ thống tổ chức, từ vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sức mạnh của Mặt trận dân tộc thống nhất và các tổ chức chính trị- xã hội đến vai trò của doanh nghiệp... mà hạt nhân là con người, nguồn nhân lực. Cùng với một bộ phận dân cư đông đảo là nông dân, hiện nay rất cần tư duy mới về công chức, viên chức, về doanh nhân, đội ngũ trí thức, trong đó có một tỷ lệ nhỏ là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề đó như thế nào?

Đứng về phía *quần chúng nhân dân* gồm nông dân, tiểu thương, những người làm nghề tự do... nhất thiết vào quy tụ và các tổ chức phù hợp, các tổ chức đó là cái nôi nuôi dưỡng và phát huy chủ nghĩa yêu nước. Lúc sinh thời, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”¹. Đó là một tổng kết quan trọng cho thấy hiện nay, Đảng ta vẫn hoàn toàn có thể khơi dậy tinh thần anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù, tức là lòng yêu nước của nhân dân. Tuy nhiên, giáo dục, động viên tinh thần là cần thiết, bởi vì khi người dân hiểu và tự giác thực hiện thì họ sẵn sàng hy sinh tất cả cho Tổ quốc, sức mạnh tinh thần sẽ biến thành sức mạnh vật chất. Cũng có những biện pháp quan trọng khác như chăm lo thương binh, gia đình liệt sĩ, xây dựng vườn hoa, bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để “đời đời giáo dục tinh thần yêu nước của

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.12, tr. 511.

nhân dân ta” như Bác Hồ đã dạy. Nhưng hết sức cần thiết việc xây dựng kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Giáo dục lòng yêu nước cho quần chúng nhân dân vừa có thuận lợi vừa có khó khăn. Thuận lợi như trên đã nêu, họ dũng cảm, hăng hái, chịu thương, chịu khó, sống giản dị, chất phác, khi đã hiểu thì tự giác hiến dâng tất cả cho Tổ quốc. Cái khó với lực lượng này là trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, họ không nằm trong mạch máu kinh tế lớn của đất nước; họ không nắm giữ lực lượng sản xuất quan trọng; họ sống có phần phân tán, nhỏ lẻ, ít có điều kiện tiếp cận thông tin, nên có những hạn chế về tri thức, lý luận. Vì vậy, nâng cao lòng yêu nước cho họ phải có những hình thức, phương pháp, biện pháp phù hợp. Quần chúng không thích lý luận suông, mà thường so sánh, cần những cái cụ thể, vì đối với họ, một tấm gương sống còn có giá trị hơn hàng trăm bài diễn văn tuyên truyền. Trong giáo dục, đương nhiên cần thiết có nỗ lực thay đổi thói quen những của người dân, làm cho giá trị phương Đông, giá trị châu Á không bị lạc lõng trong thế giới toàn cầu đang từng ngày từng giờ thay đổi. Sự “cân bằng” giá trị theo hướng làm những gì vì sự sống còn và tiến bộ là hết sức cần thiết.

Đối với *cán bộ, công chức, viên chức*, trong đó có một bộ phận là đảng viên, cần xác định là công bộc của dân, phục vụ dân. Yêu nước cũng là yêu dân; là trung với nước, hiếu với dân. Phát huy chủ nghĩa yêu nước là phát huy tinh thần, ý thức, phục vụ dân. Thấm nhuần sâu sắc thái độ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân tận tụy, công tâm, tự bản thân nó là một chủ nghĩa, một triết lý. Bài học của Singapore - theo cách nói của Lý Quang Diệu là “bí mật điều kỳ diệu của Singapore” là “không có hệ tư tưởng”, “một chủ nghĩa thực dụng không ủy mị”, thấm nhuần tinh thần phục vụ đất nước đến độ tinh thần này trở thành một hệ tư tưởng. Chúng ta có những thuận lợi mà không phải nước

nào cũng có được. Chẳng hạn Singapore, bắt đầu câu chuyện tưởng như không có thật. Đó là một nước đất không rộng, người không đông, hầu như không có tài nguyên thiên nhiên, không có văn hóa chung, một sự pha trộn mỏng manh giữa những người gốc Ấn, gốc Malay và gốc Hoa, nhưng họ đã làm được câu chuyện thần kỳ. Chúng ta có nhiều thuận lợi như đã phân tích ở trên, đặc biệt có chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh và cũng đã đem lại những thần kỳ. Nhưng đó là thần kỳ trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Vấn đề đặt ra hiện nay là làm sao vẫn nuôi dưỡng, tiếp nối và nâng cao truyền thống trong hội nhập, mở cửa?

Vai trò của công chức, viên chức, cán bộ đảng viên rất lớn. Chất lượng của đội ngũ này quyết định chất lượng công vụ. Chúng ta phải có tư duy về công chức- công vụ- công tâm. Gốc là đạo đức, trong đó lõi cốt là thái độ đúng đắn, tinh thần trách nhiệm. Người yêu nước không nhất thiết phải có kiến thức, kỹ năng cao, bằng cấp trình độ. Những cái đó rất cần trong hội nhập, nhưng nếu thiếu có thể đào tạo, đào lại lại, nâng cấp, dần dần tích lũy, nhưng thái độ và tinh thần trách nhiệm thì rất khó đào tạo, khó thay đổi. Trở lại bài học của đội ngũ công chức Việt Nam những năm 60 của thế kỷ trước, thấy rằng lương rất thấp, công việc nặng nhọc, nhưng đều cống hiến hết mình cho công việc. Phát huy chủ nghĩa yêu nước hiện nay *không phải là nâng cao bằng cấp mà là nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với nước, với dân*, là chống chủ nghĩa cá nhân, là ý thức về hội nhập, sớm đưa Việt Nam sánh vai với các nước lớn trên thế giới. Có trình độ, bằng cấp mà thiếu đạo đức, thiếu tinh thần trách nhiệm không những không có lợi mà còn có hại. Có tinh thần trách nhiệm mà trình độ kém thì có thể đào tạo lại. Chất lượng công chức là ở tinh thần trách nhiệm và tài năng, nhưng trước hết và cái gốc là tinh thần trách nhiệm, trên cơ sở đó đào tạo chuyên môn, đào tạo người tài. Trên cái nền móng công vụ công tâm đó, nền kinh tế sẽ phát triển, xã hội sẽ thịnh vượng.

KẾT LUẬN

1. Đề tài “*Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế*” đòi hỏi phải lý giải các vấn đề: chủ nghĩa yêu nước; chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh; thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế; chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong hội nhập, mở cửa”. Các nội dung đó có mối quan hệ mật thiết với nhau và liên quan đến các đề tài trước đây đã giải quyết ở những chừng mực nhất định như “chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”; “chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh”; chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh”. Cái khó và là điểm mới của đề tài này là lý giải và khẳng định có một *chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh*, từ đó làm rõ việc *phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế*.

2. Về lịch đại, *chủ nghĩa yêu nước truyền thống* được xác định từ khi có nước Văn Lang- Âu Lạc đến trước khi có chủ nghĩa Mác- Lênin du nhập vào Việt Nam nhờ vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. *Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh* được xác định từ khi Người đến với chủ nghĩa Mác- Lênin đến năm 1969. Phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam được xác định từ năm 1969 đến nay, trong đó có những phân kỳ nhỏ (một cách tương đối) như trước đổi mới, trong sự nghiệp đổi mới, trong hội nhập. Còn đề tài *chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập* được xác định từ khi Việt Nam vào WTO cho đến hiện nay và tiếp tục trong thế kỷ XXI (cũng là tương đối vì mốc mở cửa, hội nhập có những cách xác định khác nhau, đặc biệt có Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (5-1988) về mở cửa hội nhập). Xác định như vậy để trao đổi thêm rằng không thể thay đề tài này bằng tên gọi khác như có ý kiến góp bàn, chẳng hạn “*phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập*”. Nếu như vậy thì chỉ

nhấn mạnh “phát huy”. Còn đề tài xác định phải làm rõ có một chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, vai trò của nó hiện hữu trong sự nghiệp cách mạng trước đây những năm 1930 – 1986; 1986 – 2006 và hiện nay, trong thời kỳ mở cửa, hội nhập, phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh như thế nào .

3. Đề tài đã giải quyết bắt đầu từ một số *khái niệm cơ bản*, trên cơ sở đó hệ thống hóa những nội dung chủ yếu của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam. Trọng tâm của đề tài là phân tích nội dung chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, làm rõ sự phát triển của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh so với chủ nghĩa yêu nước truyền thống như thế nào; tác dụng của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bước đầu xây dựng đất nước.

Đề tài phân tích những cơ hội và thách thức khi Việt Nam khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới. Nhóm tác giả coi đây là một phần quan trọng của đề tài, vì nhận thức rõ những yêu cầu mới đặt ra trong thời kỳ mở cửa, hội nhập thì mới có thể phát huy được chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh

4. Có nhiều nội dung phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập, nhưng đề tài tập trung vào một số nội dung chủ yếu. Đó là phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong việc kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; trong việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nguồn nhân lực; là nhân tố cơ bản bảo đảm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong giao lưu văn hóa.

Đây là những nội dung mới vì cuộc sống đang vận động. Chúng ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới mới được hơn hai năm (11-2006 – 11-2008). Ổn định chính trị, xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng nguồn nhân lực nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh là một quá

trình cách mạng lâu dài, gian khổ, phức tạp, cơ hội và thách thức đan xen. Tuy nhiên, từ thông điệp Hồ Chí Minh, đề tài muốn gửi một thông điệp khác, đó là có nhiều nhân tố đưa Việt Nam vượt qua thách thức, thực hiện được mục tiêu cách mạng đề ra, nói ngắn gọn gồm hai động lực là động lực vật chất và động lực tinh thần. Vai trò của động lực vật chất được xác định “có thực mới vực được đạo”, “dân dĩ thực vi thiên”... Đề tài bàn về một yếu tố của động lực tinh thần. Vai trò của động lực tinh thần được xác định “một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”, dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, v.v.. Động lực tinh thần thấm vào quần chúng, được quần chúng nhận thức tự giác, sẽ biến thành sức mạnh vật chất, v.v... Trong động lực tinh thần, chủ nghĩa yêu nước là nhân tố hàng đầu, quan trọng nhất, mạnh mẽ nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: “*Phát triển tinh thần yêu nước*. Dân ta có một lòng yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”. Vì vậy, việc phát huy chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập có một ý nghĩa vô cùng quan trọng.

5. Cùng với những nhận thức của giới khoa học Việt Nam về chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh; về đạo đức học Hồ Chí Minh... đề tài có giá trị lý luận trong việc xây dựng được một hệ thống lý luận về chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh; khẳng định chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là một nhân tố chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là giá trị tinh thần to lớn của dân tộc, không chỉ soi sáng sự nghiệp đổi mới hơn hai mươi năm qua, mà còn tiếp tục soi sáng con đường đi tới xây dựng một nước Việt Nam công nghiệp theo hướng hiện đại, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Đề tài có giá trị thực tiễn sâu sắc, động viên tinh thần yêu nước của toàn dân tộc trong sự nghiệp đổi mới; góp phần xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Đề tài nếu được xã hội hóa sẽ là tài tham khảo có giá trị cho các lĩnh vực của ngành khoa học xã hội, khoa học chính trị, đặc biệt là ngành Hồ Chí Minh học.

6. Mặc dù nhóm tác giả đã có cố gắng, nhưng vì nhiều lý do khác nhau về trình độ, thời gian, về sự tham gia tập thể..., nên đề tài chắc còn nhiều thiếu sót. Nhóm tác giả chỉ coi đây là một cách tiếp cận, góp thêm một tiếng nói trong quá trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh học và hy vọng sẽ có nhiều bài viết, công trình theo hướng này làm cho khoa học nghiên cứu về Hồ Chí Minh ngày càng phong phú hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PTS. Lương Gia Ban: *Chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Trần Bạch Đằng: *đến với tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, 2004.
4. Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
5. Phạm Văn Đồng: *Văn hóa và đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
6. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
7. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990.
8. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh- quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, t.1, 1991.
9. GS. Trần Văn Giàu: *Thành công của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
10. GS. Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
11. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
12. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân Trần văn Giàu*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996

13. Vũ Khiêu: *Bàn về văn hiến Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, t.1, t.2, t.3, 1996.
14. GS, Đinh Xuân Lâm: *Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
15. GS. Đinh Xuân Lâm- TS. Bùi Đình Phong: *Văn hóa và đổi mới*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2001.
16. GS. Đinh Xuân Lâm- PGS.TS Bùi Đình Phong: *Văn hóa và triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
17. GS. Phan Huy Lê: *chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam* (bài giảng cho lớp cán bộ cao cấp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VIII), Hà Nội, 1996.
18. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, 1995.
19. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, 1995.
20. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị, quốc gia, Hà Nội, t.3, 1995.
21. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, 1995.
22. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, 1995.
23. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, 1995.
24. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, 1996.
25. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8, 1996.
26. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, 1996.
27. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, 1996.
28. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, 1996.
29. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12, 1996.

30. Phạm Xuân Nam (Chủ biên): *Triết lý phát triển Việt Nam- Mấy vấn đề cốt yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
31. GS.TS Lê Hữu Nghĩa (Chủ biên): *Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000.
32. Nhiều tác giả: *Một số vấn đề lý luận về lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Viện triết học, Hà Nội, 1994.
33. TS. Bùi Đình Phong: *Hồ Chí Minh, tầm nhìn thời đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
34. TS. Bùi Đình Phong: *Đỉnh cao tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2001.
35. PGS.TS Bùi Đình Phong: *Trí tuệ và bản lĩnh Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
36. PGS.TS Bùi Đình Phong: *Giải phóng dân tộc và đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
37. PGS.TS Bùi Đình Phong: *Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2007.
38. PGS.TS Bùi Đình Phong: *Văn hóa và đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2008.
39. TS. Nguyễn Mạnh Tường: *Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh* (sách tham khảo), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
40. Trần Xuân Trường: *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.
41. Trần Quốc Vượng: *Văn hóa Việt Nam- tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003.

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KIẾN NGHỊ

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2008

Mã số: B08-02

**CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH TRONG
THỜI KỲ MỞ CỬA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Cơ quan chủ trì : VIỆN HỒ CHÍ MINH

Chủ nhiệm đề tài : PGS.TS BÙI ĐÌNH PHONG

Thư ký đề tài : CN. TRẦN THỊ NHUẬN

HÀ NỘI - 2008

DANH SÁCH CỘNG TÁC VIÊN

1. PGS.TS Phạm Ngọc Anh, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
2. Th.S Ngô Vương Anh, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
3. TS.Phạm Văn Bính, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
4. PGS.TS Phạm Hồng Chương, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
5. TS Nguyễn Thị Kim Dung, Học Viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
6. Th.S Nguyễn Thị Giang, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
7. TS. Trần Văn Hải, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
8. Th.S Trần Thị Huyền, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
9. CN Trần Thị Nhuận, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
10. PGS.TS Bùi Đình Phong, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
11. Th.S Lý Việt Quang, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
12. TS. Nguyễn Thị Quế, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
13. Th.S Đinh Ngọc Quý, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
14. PGS.TS Vũ Văn Thuấn, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
15. PGS.TS Trần Nguyễn Tuyên, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh
16. PGS.TS Lê Văn Tích, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh.
17. TS. Trần Minh Trường, Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ

1. Đây là đề tài cấp Bộ tuyển thầu với thời gian thực hiện một năm, kinh phí 90 triệu đồng. Với thời gian và kinh phí đó, đề tài đã hoàn thành và có thể hoàn thành với chất lượng tốt, nhưng với một chiều sâu và bề rộng nhất định.

Theo kinh nghiệm thực hiện các đề tài khác nhau, chúng tôi nghĩ rằng dạng đề tài này, nhưng với thời gian dài hơn, kinh phí nhiều hơn, cơ quan quản lý khoa học thay mặt Giám đốc Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh có thể yêu cầu hay “đặt hàng” chủ nhiệm đề tài những nội dung sâu hơn, rộng hơn. Chẳng hạn, cũng đề tài này, nếu có thời gian và kinh phí, chủ nhiệm đề tài có thể và cần thiết điều tra xã hội học trên phạm vi cả nước các đối tượng, ngành nghề và lứa tuổi khác nhau nhận thức về vai trò của chủ nghĩa yêu nước theo các nội dung: Một là, vai trò của chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Hai là, vai trò của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam. Ba là, vai trò của chủ nghĩa Hồ Chí Minh trong mở cửa, hội nhập. Cách làm này cần thời gian và kinh phí. Trong vòng 1 năm, mà đôi khi chỉ khoảng 9 tháng từ khi ký hợp đồng, đề tài không thể triển khai. Trước đây cũng có những đề tài thực hiện điều tra xã hội học, nhưng vì thời gian và những lý do khác, nên cũng mang tính hình thức.

Với thời gian một năm và kinh phí như hiện nay, đề tài này cũng có thể làm được điều này, nhưng trong phạm vi hẹp. Và như vậy thì thiếu tính khách quan, nặng tính hình thức. Tôi được biết cách đây hơn 10 năm, để xây dựng chuyên đề “Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam” thuộc đề tài cấp nhà nước, nhóm tác giả cũng đã điều tra xã hội học, tập trung vào đối tượng thanh niên. Các câu hỏi tập trung vào một số giá trị tinh thần truyền thống Việt

Nam, trong đó có chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Mục đích của các phiếu điều tra xã hội học nhằm tìm hiểu thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay đánh giá như thế nào về các giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam, đặc biệt là vai trò của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Những số liệu thu thập được rất có ích trong việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước nói riêng, giáo dục các giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam nói chung cho các thế hệ người Việt Nam trong bối cảnh mới.

Đề tài này nếu có được hàng nghìn phiếu điều tra một cách khoa học sẽ có một ý nghĩa hết sức to lớn trong xây dựng đất nước hiện nay. Đặc biệt là các giải pháp nhằm phát huy chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập.

2. Đề tài này là một hướng tiếp cận khá mới mẻ, tức là đi sâu vào nghiên cứu vào các giá trị tinh thần truyền thống như là một “vốn xã hội”. Đây là một thế mạnh của Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. Cơ quan quản lý khoa học của Học viện nên tham mưu, đề xuất với Học viện tiếp tục hướng nghiên cứu này nhưng với một quy mô lớn hơn dưới dạng đề tài cấp nhà nước.

Có nhiều mức độ khác nhau để xây dựng hệ thống đề tài. Cùng với chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, còn rất nhiều nội dung khác có thể triển khai. Chẳng hạn đó là đạo đức học Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh. Phát huy những di sản, giá trị tinh thần đó trong tình hình hiện nay như thế nào là một câu hỏi, mà theo hướng tiếp cận của đề tài này, hoàn toàn có thể góp phần giải đáp. Tuy nhiên, theo chúng tôi, từ sự gợi mở của đề tài này, một mặt tiếp tục triển khai một số đề tài khác theo hướng này, một mặt khác nên suy nghĩ một đề tài cấp quốc gia. Chẳng hạn: *“Giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh- lịch sử và hiện tại”*. Đề tài dạng này cho phép các tác giả đi sâu hơn,

xa hơn, rộng hơn trong nghiên cứu của mình. Và kết quả của đề tài sẽ là một tập chuyên khảo quý cho ngành Hồ Chí Minh học cũng như một số ngành khoa học liên quan.

3. Cũng hướng đề tài này, nhưng tiếp cận ở một tầm bao quát hơn, đó là nghiên cứu *di sản Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn*, mà trước mắt tập trung vào nghiên cứu *giá trị lý luận và thực tiễn văn hóa chính trị Hồ Chí Minh*.

Theo chúng tôi, các đề tài về Hồ Chí Minh hiện nay nên tập trung vào nghiên cứu giá trị lý luận và thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Trước nay, trong giáo trình, sách giáo khoa, một số đề tài khoa học, luận văn thạc sĩ, tiến sĩ có đề cập sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta trong sự nghiệp đổi mới, mà thực chất là liệt kê lại các nghị quyết của Đảng coi như thành tựu lý luận và thống kê con số coi như thành tựu thực tiễn. Theo chúng tôi, viết về Đảng ta vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là một mặt trong tổng thể nghiên cứu giá trị lý luận và thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước hết, phải đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh còn những giá trị nào trong thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó, Đảng ta đã, đang và sẽ tiếp tục vận dụng trong sự nghiệp đổi mới như thế nào.

Trở lại đề tài chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập. Nghiên cứu chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là một bộ phận trong văn hóa chính trị Hồ Chí Minh. Với đề tài hiện nay, chúng tôi kiến nghị một dạng đề tài khác, đó là *“Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh- một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*. Vấn đề văn hóa chính trị đã được nhiều nước trên thế giới nghiên cứu khá sớm, nhưng ở Việt Nam thì mới được triển khai trong mười năm trở lại đây. Riêng vấn đề văn hóa chính trị Hồ Chí Minh thì đang trong quá trình tiếp cận. Trên cơ sở văn hóa chính trị Việt Nam, chúng ta hoàn toàn có khả năng triển khai đề tài nghiên cứu văn hóa chính trị Hồ Chí Minh. Với

hướng đề tài này, rõ ràng cần một phần khảo cứu làm rõ nội dung văn hóa chính trị Hồ Chí Minh. Nhưng quan trọng nhất là phải phân tích, đánh giá sức sống của văn hóa chính trị Hồ Chí Minh trong thế giới ngày nay. Đây là đề tài theo hướng mở và chứa đựng cả đại vấn đề. Từ văn hóa, đến văn hóa chính trị, văn hóa chính trị truyền thống Việt Nam, văn hóa chính trị Hồ Chí Minh và đọng lại là sức sống và giá trị trường tồn của văn hóa chính trị Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay.

Theo chúng tôi, đây là hướng tiếp cận bền vững vừa có điều kiện đi sâu, mở rộng khám phá tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa thể hiện sự nhất quán quan điểm của Đảng lấy chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Nếu chỉ nghiên cứu sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta trong công cuộc đổi mới thì rõ ràng hạn hẹp và đôi khi khiên cưỡng. Tôi vẫn thiên về hướng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh cả ý nghĩa dân tộc và thời đại. Thành công của Hồ Chí Minh trước đây cũng sẽ là thành công của cách mạng Việt Nam hiện nay nếu biết đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ với thời đại và lý giải mối quan hệ đó. Đặc biệt, trên cơ sở khoa học, lý giải cho được giá trị trường tồn của lý luận Hồ Chí Minh trong hội nhập và phát triển.

4. Hiện nay, một trong những vấn đề lớn đặt ra là nghiên cứu *Việt Nam- hội nhập và phát triển*. Theo chúng tôi, đây là cả một xu thế nghiên cứu dài hơi không phải chỉ trong vòng mười năm mà kéo dài hàng chục thập kỷ, nếu không muốn nói là cả trong thế kỷ XXI. Muốn nghiên cứu Việt Nam- hội nhập và phát triển thì phải nghiên cứu *Hồ Chí Minh- hội nhập và phát triển*. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta cần có cả một lộ trình nghiên cứu. Đề tài “Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập” nằm trong suy nghĩ của tôi từ lâu, vài chục năm trước, khi bắt đầu nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Tôi cho rằng, để nghiên cứu thấu đáo Hồ Chí Minh - ngay

cả khi chưa có Hồ Chí Minh học – thì bắt buộc nghiên cứu Hồ Chí Minh với các giá trị văn hóa dân tộc; Hồ Chí Minh với các giá trị văn hóa phương Đông; Hồ Chí Minh với các giá trị văn hóa phương Tây; Hồ Chí Minh với các giá trị văn hóa mácxít.

Khi có ngành Hồ Chí Minh học ra đời, chúng tôi phát triển tư duy của mình nhằm nghiên cứu cả một triết lý Hồ Chí Minh về phát triển xã hội Việt Nam. Suy tận cùng, Hồ Chí Minh học là nhằm nghiên cứu quy luật cách mạng Việt Nam từ một nước thuộc địa tiến hành giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc; có độc lập dân tộc rồi tiến hành đưa đất nước quá độ dần lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, ngày nay thực hiện một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; một Việt Nam phát triển bền vững bằng đổi mới. Hội nhập là nằm trong dòng chảy của đổi mới.

Để nghiên cứu vấn đề này có nhiều cách tiếp cận. Đề tài đang thực hiện là đi tìm những tố chất (mà cụ thể là chủ nghĩa yêu nước) trong di sản Hồ Chí Minh đặt trong bối cảnh hiện nay. Mà như trên đã nói, di sản Hồ Chí Minh không chỉ có chủ nghĩa yêu nước mà còn rất nhiều của báu khác. Một cách tiếp cận khác, đó là từ phương pháp luận Hồ Chí Minh, đặt vấn đề nghiên cứu thái độ của chúng ta đối với các di sản dân tộc, phương Đông, phương Tây và mácxít trong mở cửa, hội nhập hiện nay như thế nào. Quan điểm của chúng tôi khi nghiên cứu Hồ Chí Minh là học tinh thần xử trí mọi việc; là học phương pháp tư duy, phương pháp tiếp cận, phương pháp làm việc biện chứng của Hồ Chí Minh. Vì vậy, trên cơ sở đề tài này, chúng ta nên suy nghĩ mở rộng đề tài nghiên cứu, nhiều hướng tiếp cận khác nhau để đạt được mục tiêu phát huy di sản Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay.

Liên quan tới vấn đề này có một khía cạnh rộng hơn cần trao đổi và kiến nghị, đó là quan điểm Mác- Lênin hay quan điểm mácxít. Nếu đặt vấn đề nghiên cứu quan điểm của chúng ta với chủ nghĩa Mác- Lênin trong thế

giới hội nhập hiện nay thì không có gì sai, nhưng vẫn là tư duy cũ với cách hiểu học tập, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin. Nhưng khi nói thái độ của chúng ta với các quan điểm mácxít thì mức độ nghiên cứu rộng hơn, hàm chứa cả chủ nghĩa Mác- Lênin và quan điểm của một số Đảng Cộng sản theo học thuyết Mác- Lênin. Theo chúng tôi, hiện nay nên tiếp cận theo hướng thái độ của chúng ta đối với các quan điểm mácxít theo phương pháp Hồ Chí Minh thì tốt hơn. Khi nói mở cửa, hội nhập là hàm chứa cả một “thế giới phẳng”. Chúng ta nghiên cứu thành tựu của nhiều nước theo đường lối mácxít, chứ không phải chỉ nghiên cứu Mác- Lênin. Và chính sự phát triển của các nước đó cho thấy sự phong phú trong quá trình vận dụng chủ nghĩa Mác- Lênin, càng minh chứng tính “mở” của học thuyết Mác- Lênin.

5. Các đề tài nghiên cứu ở Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh đang có chiều hướng phát triển tốt cả nội dung đề tài và khâu tổ chức thực hiện. Có hai điều suy nghĩ từ lâu mà hiện nay Học viện đang triển khai thực hiện từng bước, qua triển khai thực hiện đề tài này, chúng tôi kiến nghị tiếp tục duy trì và thực hiện đều đặn trong những năm tiếp theo.

Thứ nhất, trừ các đề tài lẻ cấp bộ hàng năm, còn các đề tài cấp bộ tuyển thầu hay cấp bộ trọng điểm nên đặt trong tổng thể tư duy logic liên mạch, để khi các đề tài hoàn thành, Học viện có được những bộ sách chuyên khảo tương đối bề thế, phục vụ đắc lực cho giới nghiên cứu, các nhà khoa học, giảng viên và học viên. Đây là một trong việc làm thể hiện vị thế nghiên cứu khoa học của Học viện, không chỉ trước mắt mà còn lâu dài về sau. Muốn làm tốt điều này, ngoài nỗ lực, cố gắng của các nhà khoa học để có chất lượng bản thảo tốt, cần có sự phối hợp chặt chẽ với các nhà xuất bản, trước hết là nhà xuất bản của Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Thứ hai, các đề tài nghiên cứu về Hồ Chí Minh nên có một phần trích tư liệu gốc từ bộ sách Hồ Chí Minh toàn tập được coi như phụ lục. Việc làm

này không hoàn toàn mới, nhưng có một tác dụng lớn, nhất là khi xuất bản sách. Người đọc có điều kiện tham khảo các bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh liên quan tới đề tài.

Trở lại một số vấn đề đã nêu trên, đặc biệt là các mảng về giá trị dân tộc, phương Đông, phương Tây, mácxít. Rõ ràng chúng ta đang rất cần các mảng tư liệu “Hồ Chí Minh với các giá trị dân tộc”; “Hồ Chí Minh với các giá trị phương Đông”; “Hồ Chí Minh với các giá trị phương Tây”; “Hồ Chí Minh với các giá trị mácxít”. Cũng có thể có ý kiến cho rằng vấn đề này thì các chủ nhiệm đề tài tự quyết định và giải quyết trong khi thực hiện đề tài. Vấn đề nằm ở chỗ thời gian và kinh phí. Khi làm đề tài “Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập”, chúng tôi cũng ý thức được vấn đề này và cũng thấy cần thiết. Nhưng nếu triển khai thêm nội dung đó thì quả thật “đụng” tới vấn đề thời gian và kinh phí. Vì vậy, khi trở thành một quy định hay chủ trương thì kèm theo là vấn đề thời gian và kinh phí.

6. Các đề tài cấp Bộ tuyển thầu (như đề tài “Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập”) hay cấp Bộ trọng điểm từ năm 2009 trở đi nên có sự kết hợp một số đề tài theo từng nhóm chuyên môn để tổ chức nghiên cứu nước ngoài. Trước nay, ở những mức độ khác nhau, chúng ta đã thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao. Cũng có những đề tài đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, vấn đề suy nghĩ của chúng tôi khi nghiên cứu các nội dung liên quan tới mở cửa, hội nhập mà không được học kinh nghiệm các nước thì đề tài vẫn còn một khoảng trống. Đặc biệt là các đề tài phát huy giá trị tinh thần truyền thống.

Như trên đã lý giải, vấn đề hiện nay là hội nhập và phát triển. Có nhiều động lực để phát triển bền vững. Đất nước Singapore, theo Lý Quang Diệu, là một đất nước không có hệ tư tưởng, nhưng bản thân sự cống hiến cho đất nước, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân của đất nước họ đã là một hệ tư

tưởng. Nếu các cộng tác viên đề tài như “Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong mở cửa, hội nhập” được nghe trực tiếp người Singapore lý giải vấn đề đó thì chắc chắn Việt Nam sẽ có thêm được một bài học kinh nghiệm quý khi phát huy giá trị hàng đầu của truyền thống dân tộc. Hay đất nước Trung quốc rộng lớn. Họ phát triển bằng cách nào? Họ phát huy tinh thần yêu nước của người dân Trung quốc đến đâu. Khát vọng giải phóng đất nước của Mao Chủ tịch với khát vọng làm giàu của Đặng Tiểu Bình có cùng chung tinh thần yêu nước của người dân Trung Quốc? Giống nhau chỗ nào? Khác nhau chỗ nào? Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nay phát huy tinh thần yêu nước của dân các dân tộc Trung Quốc, của Chủ tịch Mao Trạch Đông như thế nào? v.v..

Đòi hỏi, kiến nghị có thể lớn, nhưng chúng tôi nghĩ rằng làm được điều đó thì sẽ rất bổ ích cho công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay, trước hết thông qua việc triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học. Chẳng hạn: nghiên cứu *“Giáo dục tinh thần yêu nước trong thời kỳ mở cửa, hội nhập – kinh nghiệm các nước và Việt Nam”*. Tại sao không? Rộng hơn, chúng ta có thể hợp tác nghiên cứu, trao đổi học tập kinh nghiệm giữa các nước theo hướng: *“Phát huy giá trị tinh thần truyền thống dân tộc trong thế giới toàn cầu hóa – kinh nghiệm Việt Nam và các nước”*. Chúng ta hoàn toàn có thể triển khai dạng đề tài khoa học- thực tiễn đó ở Việt Nam, Trung Quốc, Venêduyêla, Cu Ba, Lào, Singapore, Liên bang Nga... Trên cơ sở đó, các đề tài có những kiến nghị với Đảng, Nhà nước và quan trọng hơn là triển khai trong thực tiễn công cuộc xây dựng đất nước.

Kiến nghị nêu trên của chúng tôi vừa phù hợp với tình hình nghiên cứu khoa học- thực tiễn hiện nay trong một thế giới hội nhập, mà nếu không có được thì kết quả có phần hạn chế. Đồng thời, nó xuất phát từ bài học của Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng. Lúc sinh thời, để giáo dục nhân dân Việt Nam mà đặc biệt là thanh niên, Hồ Chí

Minh đã đi nhiều nước nghiên cứu. Bằng người thực việc thực, ví dụ từ tư duy và cách làm của thanh niên Trung Quốc thể hiện lòng yêu nước của người Trung Quốc, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những việc thanh niên Việt Nam cần làm, những hành động mà thanh niên Việt Nam cần có để phát huy tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, một hai đề tài cấp Bộ thì khó có thể đi khảo sát nước ngoài. Nhưng có thể ghép dăm bảy đề tài theo những hướng nghiên cứu gần nhau thì vẫn có thể thực hiện được. Chúng tôi cho rằng đây là một cách đầu tư theo chiều sâu, có hiệu quả không chỉ cho việc triển khai các đề tài khoa học hàng năm ở Học viện, mà có ý nghĩa lớn với đất nước, với việc triển khai thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

7. Kiến nghị cuối cùng là hàng năm, sau khi các đề tài nghiệm thu, cơ quan quản lý khoa học nên kiến nghị với ban Giám đốc Học viện có đánh giá sơ kết loại đề tài 1 năm, 2 năm, đề tài tuyển thầu, đề tài trọng điểm, đề tài Ban Giám đốc giao... Sơ kết rút ra các bài học kinh nghiệm là hết sức cần thiết. Việc làm này phải được nhìn nhận từ Ban Giám đốc Học viện, cơ quan quản lý khoa học, đến cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài. Nội dung của công việc cũng cần được xem xét toàn diện từ việc hoạch định đề tài, nội dung đề tài, chất lượng và tiến độ các đề tài, khâu tổ chức triển khai thực hiện, kinh phí... Nên có những trao đổi về kinh nghiệm hay và rút kinh nghiệm nghiêm khắc những cá nhân, tổ chức làm chưa tốt. Thường phạt đúng mực, nghiêm minh theo tiêu chí về tất cả các mặt: chất lượng, tiến độ, cộng tác viên, tổ chức, quản lý, v.v.. Cần làm thường xuyên và rút kinh nghiệm cách làm từng năm để năm sau kết quả tốt hơn năm trước.

Sau sơ kết, tùy theo thời gian các loại đề tài kết thúc, có thể 3 năm hoặc 4 năm có tổng kết, đánh giá chung. Việc tổng kết này không phụ thuộc vào việc tổng kết nghiên cứu khoa học 5 năm một lần đã trở thành nền nếp của

Học viện. Theo chúng tôi, cần đầu tư một mảng cho công tác tổ chức, triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết các đề tài nghiên cứu khoa học, kể cả đề tài cấp cơ sở, không gán với việc nghiên cứu khoa học 5 năm tổng kết một lần. Bởi vì, các đề tài nghiên cứu khoa học là sản phẩm trí tuệ của các nhà khoa học và sẽ được xã hội hóa. Nếu toàn bộ quá trình triển khai chúng ta làm không tốt thì sản phẩm sẽ không được như mong muốn.

Trên đây là một số kiến nghị liên quan tới việc thực hiện đề tài: “*Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế*”. Rất mong nhận được ý kiến của Ban Giám đốc Học viện, Vụ Quản lý Khoa học và các nhà khoa học trong và ngoài Học viện để đề tài có kết quả tốt hơn, cũng như việc nghiên cứu khoa học của Học Viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh ngày càng phát triển.

Hà Nội, ngày 1 tháng 11 năm 2008